

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên: Ngô Ngọc Mai

Giảng viên hướng dẫn: TS Chúc Anh Tú

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI
SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH MAI LINH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

Sinh viên: Ngô Ngọc Mai

Giảng viên hướng dẫn: TS Chúc Anh Tú

HẢI PHÒNG - 2011

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Ngô Ngọc Mai

Mã SV: 110043

Lớp: QT1101K

Ngành: Kế toán Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí bán hàng
và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Sơn Hải
Phòng

Lời mở đầu

Trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, kế toán là một công việc quan trọng phục vụ cho việc hạch toán và quản lý kinh tế. Nó còn có vai trò tích cực đối với việc quản lý các tài sản và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Tài sản cố định là một trong những bộ phận

cơ bản tạo nên cơ sở vật chất kỹ thuật cho nền kinh tế quốc dân, đồng thời là bộ phận quan trọng của quá trình sản xuất. Tài sản cố định là điều kiện cần thiết để giảm đ- ợc hao phí sức lao động của con ng- ời , nâng cao năng suất lao động. Trong nền kinh tế thị tr- ờng hiện nay thì tài sản cố định là yếu tố quan trọng để tạo nên sức mạnh cạnh tranh cho các doanh nghiệp.

Đối với ngành th- ơng mại và dịch vụ thì kế toán tài sản cố định là một khâu quan trọng trong bộ phận kế toán. Bởi vì nó cung cấp toàn bộ các nguồn thông tin, số liệu về tình hình tài sản cố định của công ty. Đồng thời nếu sử dụng đầy đủ, hợp lý công suất của tài sản cố định sẽ góp phần phát triển sản xuất kinh doanh, thu hồi vốn đầu t- nhanh để tái sản xuất, trang bị thêm và đổi mới không ngừng tài sản cố định của công ty, góp phần thực hiện đ- ợc mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận của mình . Chính vì vậy, hạch toán tài sản cố định luôn luôn là sự quan tâm của các doanh nghiệp cũng nh- các nhà quản lý kinh tế của Nhà n- ớc. Với xu thế ngày càng phát triển và hoàn thiện của nền kinh tế thị tr- ờng ở n- ớc ta thì các quan niệm về tài sản cố định và cách hạch toán tr- ớc đây không còn phù hợp nữa, cần phải bổ sung, sửa đổi, cải tiến kịp thời để phục vụ yêu cầu hạch toán tài sản cố định trong doanh nghiệp hiện nay.

Nhận thức đ- ợc tầm quan trọng của tài sản cố định cũng nh- hoạt động quản lý và sử dụng có hiệu quả tài sản cố định của doanh nghiệp, qua quá trình học tập tại tr- ờng Đại học dân lập Hải Phòng và quá trình thực tập, tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng, cùng với sự h- ớng dẫn nhiệt tình của thầy giáo TS. Chúc Anh Tú và các cán bộ nhân viên phòng kế toán em đã mạnh dạn chọn đề tài “ Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng” với mong muốn góp một phần công sức nhỏ bé của mình vào công cuộc cải tiến và hoàn thiện bộ máy kế toán của công ty.

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận, nội dung của khóa luận bao gồm những phần sau:

Ch- ơng 1: Lí luận chung về kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp

Ch- ơng 2: Thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng.

Ch- ơng 3: Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng.

Do thời gian cũng như trình độ hiểu biết còn hạn chế nên bài viết của em không thể tránh khỏi những sai sót. Em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô để bài viết của mình được hoàn chỉnh hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

1.1.1 Khái niệm và đặc điểm tài sản cố định:

Để doanh nghiệp tiến hành hoạt động sản xuất, các doanh nghiệp cần phải có các yếu tố như: tư liệu lao động, đối tượng lao động, sức lao động. Tư liệu lao động phục vụ cho quá trình sản xuất sản phẩm của doanh nghiệp, chúng không những khác nhau về giá trị, giá trị sử dụng mà còn khác nhau về thời gian hoạt động. Để thuận lợi cho việc quản lý, bảo tồn và phát triển đối với tư liệu lao động có giá trị lớn và thời gian sử dụng lâu dài như: nhà cửa, vật kiến trúc, phương tiện vận tải, máy móc thiết bị...được xếp thành một nhóm riêng gọi là tài sản cố định (TSCĐ).

Theo Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ra ngày 12 tháng 12 năm 2003, ban hành về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, Bộ tài chính quy định về dấu hiệu nhận biết TSCĐ như sau:

1. Tư liệu lao động là những tài sản hữu hình có kết cấu độc lập, hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định mà nếu thiếu bất kỳ một bộ phận nào thì cả hệ thống không thể hoạt động được, nếu thoả mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn dưới đây thì được coi là tài sản cố định:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản.
- Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên.
- Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) trở lên.

Trường hợp một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau, trong đó mỗi bộ phận cấu thành có thời gian sử dụng khác nhau và nếu thiếu một bộ phận nào đó mà cả hệ thống vẫn thực hiện được chức năng hoạt động chính của nó nhưng do yêu cầu quản lý, sử dụng tài sản cố định đòi hỏi phải quản lý riêng từng bộ phận tài sản thì mỗi bộ phận tài sản đó nếu cùng thoả mãn đồng thời ba tiêu chuẩn của tài sản cố định được coi là một tài sản cố định hữu hình độc lập.

Đối với súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm, thì từng con súc vật thoả mãn đồng thời ba tiêu chuẩn của tài sản cố định được coi là một TSCĐ hữu hình.

Đối với vườn cây lâu năm thì từng mảnh vườn cây, hoặc cây thoả mãn đồng thời ba tiêu chuẩn của TSCĐ được coi là một TSCĐ hữu hình.

2. Tiêu chuẩn và nhận biết tài sản cố định vô hình:

Mọi khoản chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra thoả mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn quy định tại điểm 1 ở trên, mà không hình thành TSCĐ hữu hình được coi là TSCĐ vô hình.

Những khoản chi phí không đồng thời thoả mãn cả ba tiêu chuẩn nêu tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này thì được hạch toán trực tiếp hoặc được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh của doanh nghiệp.

Riêng các chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai được ghi nhận là TSCĐ vô hình tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp nếu thoả mãn đồng thời bảy điều kiện sau:

- Tính khả thi về mặt kỹ thuật đảm bảo cho việc hoàn thành và đưa tài sản vô hình vào sử dụng theo dự tính hoặc để bán;
- Doanh nghiệp dự định hoàn thành tài sản vô hình để sử dụng hoặc để bán;
- Doanh nghiệp có khả năng sử dụng hoặc bán tài sản vô hình đó;
- Tài sản vô hình đó phải tạo ra được lợi ích kinh tế trong tương lai;
- Có đầy đủ các nguồn lực về kỹ thuật, tài chính và các nguồn lực khác để hoàn tất các giai đoạn triển khai, bán hoặc sử dụng tài sản vô hình đó;
- Có khả năng xác định một cách chắc chắn toàn bộ chi phí trong giai đoạn triển khai để tạo ra tài sản vô hình đó;
- Ước tính có đủ tiêu chuẩn về thời gian sử dụng và giá trị theo quy định cho tài sản cố định vô hình.

Chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo phát sinh trước khi thành lập doanh nghiệp, chi phí cho giai đoạn nghiên cứu, chi phí chuyển dịch địa điểm, lợi thế kinh doanh không phải là tài sản cố định vô hình mà được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong thời gian tối đa không quá 3 năm kể từ khi doanh nghiệp bắt đầu hoạt động.

Các tư liệu lao động không thoả mãn 4 tiêu chuẩn trên thì được coi là công cụ lao động. Tiêu chuẩn quy định về giá trị của TSCĐ có thể thay đổi khi có biến động lớn về giá trị tiền tệ. Nhưng mức thời gian có thể không thay đổi, ngoài ra tùy theo quy mô, ngành nghề hoạt động của từng loại doanh nghiệp

cũng như tùy theo từng khu vực kinh tế, khái niệm về giá trị TSCĐ có thể thay đổi cho phù hợp với đặc điểm mục đích hạch toán nội bộ của doanh nghiệp. Để thực hiện vấn đề này, người lãnh đạo, người có thẩm quyền ở các cơ quan, đơn vị sẽ thông qua các cơ quan chủ quản cấp trên, cơ quan tài chính, cơ quan thuế để đề ra những quy định đặc biệt, nhằm xếp các tư liệu lao động vào loại TSCĐ.

Đặc điểm chung của các tài sản cố định trong doanh nghiệp là sự tham gia vào những chu kỳ sản xuất với vai trò là các công cụ lao động. Trong quá trình tham gia sản xuất, hình thái vật chất và đặc tính sử dụng ban đầu của TSCĐ không thay đổi. Song TSCĐ bị hao mòn dần (hao mòn hữu hình và hao mòn vô hình) và chuyển dịch từng phần vào giá trị sản phẩm sản xuất. Bộ phận giá trị chuyển dịch này cấu thành một yếu tố chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và được bù đắp mỗi khi sản phẩm được tiêu thụ. Hay lúc này nguồn vốn cố định bị giảm một lượng đúng bằng giá trị hao mòn của TSCĐ. Đồng thời với việc hình thành nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được tích lũy bằng giá trị hao mòn TSCĐ.

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay, các TSCĐ của doanh nghiệp cũng được coi như bất kỳ một loại hàng hoá thông thường nào khác. Vì vậy nó cũng có những đặc tính của một loại hàng hóa. Có nghĩa là không chỉ có giá trị mà còn có giá trị sử dụng. Thông qua quan hệ mua bán, trao đổi trên thị trường, các TSCĐ có thể chuyển dịch quyền sở hữu và quyền sử dụng từ chủ thể này sang chủ thể khác.

1.1.2 Phân loại tài sản cố định:

Do TSCĐ trong doanh nghiệp có nhiều loại với nhiều hình thái biểu hiện, tính chất đầu tư, công dụng và tình hình sử dụng khác nhau...nên để thuận lợi cho việc quản lý và hạch toán TSCĐ cần sắp xếp TSCĐ vào từng nhóm theo từng đặc trưng nhất định. Sự sắp xếp này tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác tối đa công dụng của TSCĐ và phục vụ tốt cho công tác thống kê TSCĐ.

TSCĐ có thể được phân theo nhiều tiêu thức khác nhau, như theo hình thái biểu hiện, theo nguồn hình thành, theo công dụng và tình hình sử dụng... Mỗi một cách phân loại sẽ đáp ứng được những nhu cầu quản lý nhất định cụ thể.

1.1.2.1 Căn cứ vào hình thái biểu hiện:

Căn cứ vào hình thái biểu hiện thì TSCĐ trong doanh nghiệp được phân thành 2 loại: TSCĐ mang hình thái vật chất (hay TSCĐ hữu hình) và TSCĐ không có hình thái vật chất (hay TSCĐ vô hình).

❖ **TSCĐ hữu hình:** Là những tư liệu lao động chủ yếu có hình thái vật chất cụ thể, có giá trị lớn và thời gian sử dụng lâu dài, tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu. Thuộc về loại này gồm có:

- *Nhà cửa, vật kiến trúc:* Là TSCĐ được hình thành sau quá trình thi công xây dựng như trụ sở làm việc, nhà kho, sân bãi, cầu cống... phục vụ cho sản xuất kinh doanh.

- *Máy móc, thiết bị:* Là toàn bộ máy móc, thiết bị trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như máy móc chuyên dùng, thiết bị công tác...

- *Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn:* là những phương tiện vận tải như các loại đầu máy, đường ống và các phương tiện khác như ô tô, máy kéo, xe tải...

- *Thiết bị, dụng cụ quản lý:* gồm các thiết bị, dụng cụ dùng trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như các dụng cụ đo lường, máy tính, máy điều hoà.

- *Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm:* gồm các loại cây lâu năm (cà phê, chè, cao su,...), súc vật làm việc (voi, bò, ngựa cày kéo...) và các súc vật nuôi để lấy sản phẩm (bò sữa, súc vật sinh sản...).

- *Tài sản cố định hữu hình khác:* Bao gồm những TSCĐ mà chưa được quy định phản ánh vào các loại nói trên (tác phẩm nghệ thuật, sách chuyên môn kỹ thuật...)

TSCĐ vô hình: Là những TSCĐ không có hình thái vật chất, thể hiện một lượng giá trị đã được đầu tư có liên quan trực tiếp đến nhiều chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp. Thuộc về TSCĐ vô hình gồm có:

- *Chi phí thành lập, chuẩn bị sản xuất:* Bao gồm các chi phí liên quan đến việc thành lập chuẩn bị sản xuất, chi phí khai hoang, như chi cho công tác nghiên cứu, thăm dò, lập dự án đầu tư, chi phí về huy động vốn ban đầu, chi phí đi lại, hội họp, quảng cáo, khai trương...

- *Bằng phát minh sáng chế*: Là các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để mua lại các bản quyền tác giả, bằng sáng chế hoặc trả cho các công trình nghiên cứu, sản xuất thử, được Nhà nước cấp bằng phát minh sáng chế.

- *Chi phí nghiên cứu phát triển*: là các khoản chi phí cho việc nghiên cứu, phát triển doanh nghiệp do đơn vị đầu tư hoặc thuê ngoài.

- *Lợi thế thương mại*: Là các khoản chi phí về lợi thế thương mại do doanh nghiệp phải trả thêm ngoài giá trị thực tế của các TSCĐHH, bởi sự thuận lợi của vị trí thương mại, sự tín nhiệm của khách hàng hoặc danh tiếng của doanh nghiệp.

- *Quyền đặc nhượng (hay quyền khai thác)*: Bao gồm các chi phí doanh nghiệp phải trả tiền để mua đặc quyền khai thác các nghiệp vụ quan trọng hoặc độc quyền sản xuất, tiêu thụ một loại sản phẩm theo các hợp đồng đặc nhượng đã kí kết với Nhà nước hay một đơn vị nhượng quyền cùng với các chi phí liên quan đến việc tiếp nhận đặc quyền (hoa hồng, giao tiếp, thủ tục pháp lý...)

- *Quyền thuê nhà* : là chi phí phải trả cho người thuê nhà trước đó để được thừa kế các quyền lợi về thuê nhà theo hợp đồng hay theo luật định.

- *Nhãn hiệu*: Bao gồm các chi phí mà doanh nghiệp phải trả để mua lại nhãn hiệu hay tên một nhãn hiệu nào đó. Thời gian có ích của nhãn hiệu thương mại kéo dài suốt thời gian nó tồn tại, trừ khi có dấu hiệu mất giá (sản phẩm, hàng hoá mang nhãn hiệu đó tiêu thụ chậm, doanh số giảm...)

- *Quyền sử dụng đất*: Bao gồm toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến việc giành quyền sử dụng đất đai, mặt nước trong một khoảng thời gian nhất định.

- *Bản quyền tác giả*: Là tiền vihi phí thù lao cho tác giả và được Nhà nước công nhận cho tác giả độc quyền phát hành và bán tác phẩm của mình.

Việc phân loại TSCĐ theo tiêu thức này tạo điều kiện thuận lợi cho người tổ chức hạch toán TSCĐ, sử dụng tài khoản kế toán một cách phù hợp và khai thác triệt để tính năng kỹ thuật của TSCĐ.

1.1.2.2 Căn cứ vào mục đích và tình hình sử dụng:

Đây là hình thức phân loại rất hữu ích và tiện lợi cho việc phân bổ khấu hao TSCĐ vào tài khoản chi phí phù hợp. Theo tiêu thức này, TSCĐ được phân chia thành 4 loại cơ bản sau:

- *TSCĐ dùng trong sản xuất kinh doanh*: Là những TSCĐ đang thực tế sử dụng trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Những TSCĐ này bắt buộc phải trích khấu hao tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.

- *TSCĐ dùng cho mục đích phúc lợi, sự nghiệp, an ninh, quốc phòng*: Là những TSCĐ do doanh nghiệp quản lý sử dụng cho các hoạt động phúc lợi, sự nghiệp, an ninh quốc phòng trong doanh nghiệp.

- *TSCĐ chờ xử lý*: Bao gồm các TSCĐ không cần dùng, chưa cần dùng vì thừa so với nhu cầu sử dụng hoặc không thích hợp với sự đổi mới quy trình công nghệ, bị hư hỏng chờ thanh lý, TSCĐ tranh chấp chờ giải quyết, những TSCĐ này cần xử lý nhanh chóng để thu hồi vốn sử dụng cho việc đầu tư đổi mới TSCĐ.

- *TSCĐ bảo quản hộ, cất giữ hộ Nhà nước*: Bao gồm những TSCĐ doanh nghiệp bảo quản hộ, giữ hộ cho đơn vị khác hoặc cất hộ Nhà nước theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

1.1.2.3 Căn cứ vào tính chất sở hữu:

TSCĐ được phân chia thành 2 loại cơ bản là TSCĐ tự có và TSCĐ thuê ngoài.

- * ***TSCĐ tự có***: Là những TSCĐ xây dựng, mua sắm, hoặc chế toạ bằng nguồn vốn của doanh nghiệp, do ngân sách Nhà nước cấp, do đi vay của ngân hàng, bằng nguồn vốn tự bổ sung, nguồn vốn liên doanh...

- * ***TSCĐ đi thuê*** :

TSCĐ đi thuê gồm 2 loại sau:

- *TSCĐ thuê hoạt động*: là những TSCĐ doanh nghiệp đi thuê của các đơn vị khác để sử dụng trong một khoảng thời gian nhất định theo hợp đồng kí kết.

- *TSCĐ thuê tài chính*: Là những TSCĐ doanh nghiệp thuê của công ty cho thuê tài chính, nêu shop đồng thuê thỏa mãn ít nhất 1 trong 4 điều sau:

- Khi kết thúc thời hạn cho thuê hợp đồng, bên thuê được nhận quyền sở hữu tài sản thuê hoặc được tiếp tục thuê theo sự thỏa thuận.
- Khi kết thúc thời hạn thuê bên thuê được quyền lựa chọn mua tài sản thuê theo giá danh nghĩa thấp hơn giá trị thực tế của tài sản thuê tại thời điểm hiện mua lại.
- Thời hạn thuê một tài sản ít nhất phải bằng 60% thời gian cần thiết để khấu hao tài sản thuê.
- Tổng số tiền thuê tài sản phải trả ít nhất phải tương đương với giá trị tài sản đó trên thị trường vào thời điểm lí hợp đồng.

Việc phân loại TSCĐ theo tiêu thức này phản ánh chính xác tỷ trọng TSCĐ thuộc sở hữu của doanh nghiệp và tỷ trọng TSCĐ thuộc quyền quản lý và sử dụng của doanh nghiệp đến những đối tượng quan tâm. Bên cạnh đó cũng xác định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp đối với từng loại TSCĐ.

1.1.2.4 Căn cứ vào nguồn hình thành:

Theo căn cứ này, TSCĐ được phân chia thành 2 loại cơ bản:

- TSCĐ được hình thành từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- TSCĐ được hình thành từ các khoản phải trả.

Phân loại TSCĐ theo nguồn hình thành, cung cấp được các thông tin về cơ cấu nguồn vốn hình thành TSCĐ. Từ đó có phương hướng sử dụng nguồn vốn khấu hao TSCĐ một cách hiệu quả và hợp lý.

Mặc dù TSCĐ được chia thành từng nhóm với đặc trưng khác nhau nhưng trong công tác quản lý, TSCĐ phải được theo dõi chi tiết cho từng TSCĐ cụ thể và riêng biệt gọi là đối tượng ghi TSCĐ. Đối tượng ghi TSCĐ là từng đơn vị tài sản có kết cấu độc lập hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản liên kết với nhau, thực hiện một hay một số chức năng nhất định. Trong sổ kế toán mỗi một đối tượng TSCĐ được đánh giá một số hiệu nhất định gọi là số hiệu hay điểm danh TSCĐ.

1.1.3 Nguyên tắc đánh giá tài sản cố định:

Chỉ tiêu hiện vật của TSCĐ là cơ sở lập kế hoạch phân phối, sử dụng và đầu tư TSCĐ. Trong kế toán và quản lý tổng hợp TSCĐ theo các chỉ tiêu tổng hợp phải sử dụng chỉ tiêu giá trị của TSCĐ, mà muốn nghiên cứu mặt giá trị của TSCĐ phải tiến hành đánh giá chính xác từng loại TSCĐ thông qua hình thái tiền tệ.

Đánh giá TSCĐ là loại hoạt động thiết yếu trong doanh nghiệp. Thông qua hoạt động này, người ta xác định được giá trị ghi sổ của TSCĐ. TSCĐ được đánh giá lần đầu và có thể được đánh giá lại trong quá trình sử dụng (doanh nghiệp chỉ đánh giá lại tài sản khi có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hay dùng tài sản để liên doanh, góp vốn cổ phần, tiến hành thực hiện cổ phần hoá, đa dạng hoá hình thức sở hữu doanh nghiệp). Thông qua đánh giá TSCĐ sẽ cung cấp thông tin về TSCĐ và đánh giá quy mô của doanh nghiệp.

Để đánh giá TSCĐ người ta thường dựa vào nguyên giá TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ.



Nguyên giá tài sản cố định:

Theo quy định của Nhà nước thì mọi trường hợp tăng giảm TSCĐ đều phải được tính giá theo nguyên giá.

Nguyên giá TSCĐ là toàn bộ chi phí thực tế đã chi ra để có TSCĐ cho tới khi đưa TSCĐ vào hoạt động bình thường. Nguyên giá TSCĐ là căn cứ cho việc tính khấu hao TSCĐ, do đó nó cần phải được xác định dựa trên cơ sở nguyên tắc giá phí và nguyên tắc khách quan. Tức là nguyên giá TSCĐ được hình thành dựa trên chi phí hợp lý, hợp lệ và dựa trên các căn cứ có tính khách quan như hoá đơn, giá trị thị trường...

Theo Quyết định 206/2003/QĐ-BTC việc xác định nguyên giá được xác định cụ thể cho từng loại như sau:

❖ Đối với TSCĐ hữu hình:

- TSCĐ do mua sắm: Nguyên giá TSCĐ do mua sắm (kể cả mua mới và cũ) là giá mua thực tế phải trả cộng các khoản thuế (không bao gồm thuế được hoàn lại), các chi phí trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào

trạng thái sẵn sàng sử dụng như: lãi tiền vay, chi phí vận chuyển, bốc dỡ, chi phí nâng cấp, chi phí lắp đặt, chạy thử, thuê và lệ phí trước bạ (nếu có)...

Trường hợp TSCĐ mua trả chậm, trả góp thì nguyên giá là giá trả tiền ngay tại thời điểm mua cộng với các khoản thuế (không bao gồm các khoản được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi trả cho chi phí vận chuyển, bốc dỡ, chi phí nâng cấp, lắp đặt, chạy thử...Phần chênh lệch giữa giá mua trả chậm và giá mua trả tiền ngay được hạch toán vào chi phí tài chính theo kì hạn thanh toán, trừ khi số chênh lệch đó được tính vào nguyên giá của TSCĐ theo quy định vốn hoá lãi vay.

- TSCĐ mua dưới hình thức trao đổi: Nguyên giá TSCĐ mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình không tương tự : Là giá trị hợp lý của TSCĐ nhận về, hoặc giá trị hợp lý của TSCĐ đem đi trao đổi (sau khi cộng thêm các khoản chi phí phải trả thêm hay trừ đi các khoản thu về) sau đó cộng các khoản thuế (không bao gồm thuế được hoàn lại), các chi phí trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: lãi tiền vay, chi phí vận chuyển, bốc dỡ, chi phí nâng cấp, chi phí lắp đặt, chạy thử...

Nguyên giá TSCĐ mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ tương tự còn là giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đem trao đổi.

- TSCĐ hình thành do tự xây dựng (hoặc tự sản xuất): Nguyên giá TSCĐ là giá thành thực tế của TSCĐ cộng với các chi phí lắp đặt, chạy thử, các chi phí khác trực tiếp liên quan phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng (trừ các khoản lãi nộp nội bộ, các chi phí không hợp lý như vật liệu lãng phí, lao động hoặc các chi phí khác vượt quá mức quy định trong xây dựng hoặc tự sản xuất).

- TSCĐ hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu: Nguyên giá TSCĐ là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy định tại quy chế đầu tư và xây dựng hiện hành cộng lệ phí trước bạ, các chi phí liên quan trực tiếp khác.

- TSCĐ hình thành do được cấp, tặng, viện trợ, điều chuyển...: Nguyên giá TSCĐ là giá trị còn lại ghi trên sổ sách hoặc giá trị thực tế của Hội đồng giao nhận cộng với chi phí trực tiếp liên quan mà bên nhận tài sản phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Riêng các TSCĐ điều chuyển giữa các đơn vị thành viên là nguyên giá phản ánh ở đơn vị bị điều chuyển phù hợp với bộ hồ sơ của TSCĐ đó. Đơn vị nhận TSCĐ căn cứ vào nguyên giá, số khấu hao lũy kế, giá trị còn lại trên sổ sách và bộ hồ sơ của TSCĐ đó để phản ánh vào sổ kế toán. Các chi phí có liên quan đến việc điều chuyển TSCĐ giữa các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc không hạch toán tăng nguyên giá TSCĐ mà hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

❖ **Đối với TSCĐ vô hình:**

Nguyên giá TSCĐ vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có được TSCĐ vô hình tính đến thời điểm đưa TSCĐ đó vào sử dụng theo dự tính như: phí tổn thành lập, chi phí cho công tác nghiên cứu, phát triển...

- TSCĐ vô hình do mua sắm: Nguyên giá TSCĐ vô hình do mua sắm là giá mua thực tế phải trả cộng các khoản thuế (không bao gồm thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng.

Trường hợp TSCĐ vô hình mua theo hình thức trả chậm, trả góp thì nguyên giá là giá mua tài sản theo phương thức trả tiền ngay tại thời điểm mua (không bao gồm lãi trả chậm).

- TSCĐ mua dưới hình thức trao đổi: là giá trị hợp lý của TSCĐ vô hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của TSCĐ đem đi trao đổi (sau khi cộng thêm các khoản chi phí phải trả thêm hay trừ đi các khoản thu về) sau đó cộng các khoản thuế (không bao gồm thuế được hoàn lại), các chi phí trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào sử dụng.

Nguyên giá TSCĐ vô hình mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ tương tự hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự là giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đem trao đổi.

- TSCĐ vô hình được cấp, được biếu tặng, được điều chuyển đến:

Nguyên giá TSCĐ vô hình được cấp, được biếu tặng là giá trị hợp lý ban đầu cộng với các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến việc đưa tài sản vào sử dụng.

Nguyên giá TSCĐ được điều chuyển đến là nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp có tài sản điều chuyển. Doanh nghiệp tiếp nhận tài sản

điều chỉnh có trách nhiệm hạch toán nguyên giá, giá trị hao mòn, giá trị còn lại của tài sản theo quy định.

- TSCĐ vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp:

TSCĐ vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp là chi phí trực tiếp đến khâu xây dựng, sản xuất thử nghiệm phải chi ra tính đến thời điểm đưa vào TSCĐ đó và sử dụng theo dự tính.

Riêng các chi phí phát sinh trong nội bộ để doanh nghiệp có nhãn hiệu hàng hoá, quyền phát hành, danh sách khách hàng, chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu và các khoản mục tương tự không đáp ứng được tiêu chuẩn và nhận biết TSCĐ vô hình được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kì.

- TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất:

Trường hợp doanh nghiệp được giao đất có thu tiền sử dụng đất: Nguyên giá TSCĐ là quyền chuyển nhượng đất được giao được xác định là toàn bộ khoản chi tiền ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng với các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất) hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Trường hợp doanh nghiệp thuê đất thì tiền thuê đất được tính vào chi phí kinh doanh không ghi nhận là TSCĐ vô hình. Cụ thể:

Nếu doanh nghiệp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê thì được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo số năm thuê đất.

Nếu doanh nghiệp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm thì hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kì tương ứng với số tiền thuê đất trả hàng năm.

- TSCĐ vô hình là quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng theo quy định của luật sở hữu trí tuệ là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra để có được quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với cây trồng theo quy định của luật sở hữu trí tuệ.

- TSCĐ là các chương trình phần mềm: nguyên giá là toàn bộ chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm. Trong trường hợp phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

❖ **Đối với TSCĐ thuê tài chính:**

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính phản ánh ở đơn vị thuê, như đơn vị chủ sở hữu tài sản bao gồm: Giá mua thực tế, chi phí vận chuyển bốc dỡ, chi phí sửa chữa, tân trang trước khi đưa vào sử dụng, chi phí lắp đặt chạy thử, thuế và lệ phí trước bạ (nếu có)...

Phần chênh lệch giữa tiền thuê TSCĐ phải trả cho đơn vị thuê và nguyên giá TSCĐ đó được hạch toán vào chi phí kinh doanh phù hợp với thời hạn của hợp đồng thuê TSCĐ tài chính.

❖ **Đối với TSCĐ của cá nhân, hộ kinh doanh, cá thể:**

Nguyên giá TSCĐ là giá trị do doanh nghiệp tự xác định tại thời điểm đăng ký kinh doanh và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của giá trị tài sản đó.

Trường hợp giá trị tài sản đó do doanh nghiệp tự xác định lớn hơn so với giá thực tế của TSCĐ cùng loại hoặc tương đương trên thị trường thì doanh nghiệp phải xác định lại giá trị hợp lý của TSCĐ làm căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Nếu giá trị TSCĐ vẫn chưa phù hợp với giá bán trên thị trường thì cơ quan thuế có quyền yêu cầu doanh nghiệp xác định lại giá trị TSCĐ thông qua Hội đồng gia sở địa phương hoặc tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Trường hợp TSCĐ được đánh giá, xác định lại:

Trong thời gian sử dụng, nguyên giá TSCĐ có thể thay đổi, khi đó phải căn cứ vào thực trạng để ghi tăng hay ghi giảm nguyên giá TSCĐ. Nguyên giá TSCĐ trong doanh nghiệp chỉ thay đổi trong các trường hợp sau:

- Đánh giá lại giá trị TSCĐ trong các trường hợp: theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thực hiện tổ chức lại doanh nghiệp, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp (chia, tách, sáp nhập, cổ phần hoá, bán, cho thuê, khoán, chuyển đổi công ty TNHH thành công ty cổ phần hay chuyển đổi từ công ty cổ phần thành công ty TNHH), hoặc dùng tài sản để đầu tư ra ngoài doanh nghiệp mà các bộ phận này được quản lý theo tiêu chuẩn của một TSCĐ.

- Nâng cấp TSCĐ

- Tháo dỡ một hay một số bộ phận của TSCĐ.

Khi đánh giá, xác định lại nguyên giá TSCĐ, doanh nghiệp phải lập biên bản ghi rõ các căn cứ thay đổi và xác định lại các chỉ tiêu nguyên giá, giá trị còn lại trên sổ kế toán, sổ khấu hao lũy kế, thời gian sử dụng của TSCĐ và tiến hành hạch toán theo các quy định hiện hành.



Giá trị còn lại của TSCĐ:

Giá trị còn lại là chỉ tiêu phản ánh đúng trạng thái kỹ thuật của TSCĐ, số tiền còn lại cần tiếp tục thu hồi dưới hình thức khấu hao và là căn cứ để lập kế hoạch tăng cường đổi mới TSCĐ.

Giá trị còn lại của TSCĐ được xác định bằng nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn:

Giá trị còn lại = Nguyên giá – Giá trị đã hao mòn.

Hoặc: Giá trị còn lại = Nguyên giá – Số khấu hao lũy kế.

Qua phân tích và đánh giá ở trên ta thấy mỗi loại giá trị có tác dụng phản ánh nhất định, nhưng vẫn còn có những hạn chế, vì vậy kế toán TSCĐ theo dõi cả 3 loại: nguyên giá, giá trị hao mòn và giá trị còn lại để phục vụ cho nhu cầu quản lý TSCĐ.

1.1.4 Nhiệm vụ của kế toán tài sản cố định:

Tài sản cố định là bộ phận chủ yếu của cơ sở vật chất, kỹ thuật của doanh nghiệp, chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ vốn sản xuất kinh doanh. Do đó, việc trang bị, sử dụng TSCĐ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả và chất lượng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Công tác kế toán TSCĐ giúp doanh nghiệp có thể nắm chắc tình hình tăng giảm TSCĐ về số lượng, giá trị, tình hình sử dụng và hao mòn TSCĐ. Từ đó đưa ra phương thức quản lý và sử dụng hợp lý công suất của TSCĐ, góp phần phát triển sản xuất, thu hồi nhanh vốn đầu tư để tái sản xuất và tạo ra sức cạnh tranh của doanh nghiệp trên thương trường. Với vai trò to lớn đó, kế toán TSCĐ phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

- Tổ chức ghi chép, phản ánh chính xác, kịp thời, đầy đủ số hiện có và hình hình tăng, giảm TSCĐ của toàn doanh nghiệp cũng như của từng bộ phận trên các mặt số lượng, cơ cấu, giá trị, đồng thời kiểm soát chặt chẽ việc bảo

quản, bảo dưỡng, sử dụng TSCĐ ở các bộ phận khác nhau nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng TSCĐ.

- Tính toán chính xác, kịp thời số khấu hao TSCĐ, đồng thời phân bổ đúng đắn chi phí khấu hao vào các đối tượng sử dụng TSCĐ.

- Phản ánh và kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí sửa chữa TSCĐ. Tham gia lập dự toán về chi phí sửa chữa và đơn đốc đưa TSCĐ được sửa chữa vào sử dụng một cách nhanh chóng.

- Theo dõi, ghi chép, kiểm tra chặt chẽ quá trình thanh lý, nhượng bán TSCĐ nhằm bảo đảm việc quản lý và sử dụng vốn đúng mục đích.

- Lập các báo cáo về TSCĐ, tham gia phân tích tình hình trang bị, sử dụng, bảo quản các TSCĐ.

1.2 KẾ TOÁN TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH:

1.2.1 Chứng từ sử dụng:

TSCĐ trong doanh nghiệp biến động chủ yếu nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất trong doanh nghiệp. TSCĐ trong doanh nghiệp biến động có nhiều nguyên nhân, nhưng trong bất kỳ trường hợp nào thì cũng đều phải có chứng từ hợp lý, hợp lệ chứng minh cho nghiệp vụ kinh tế phát sinh, làm căn cứ pháp lý cho mọi việc ghi chép và kiểm tra. Chứng từ phản ánh tình hình tăng, giảm TSCĐ bao gồm:

- Biên bản giao nhận TSCĐ (**mẫu số 01-TSCĐ**) : Đây là chứng từ xác nhận việc giao nhận TSCĐ sau khi đã hoàn thành công việc xây dựng, mua sắm, được cấp phát... đưa vào sử dụng tại đơn vị hoặc tài sản của đơn vị bàn giao cho đơn vị khác theo lệnh của cấp trên, theo hợp đồng liên doanh. Biên bản giao nhận TSCĐ lập cho từng TSCĐ. Trường hợp giao nhận cùng lúc nhiều tài sản cùng loại, cùng giá trị và cho cùng một đơn vị giao thì có thể lập chung một Biên bản giao nhận TSCĐ.

- Biên bản thanh lý TSCĐ (**mẫu số 03-TSCĐ**): Đây là chứng từ xác nhận việc thanh lý TSCĐ, làm căn cứ cho việc ghi giảm TSCĐ. Biên bản thanh lý TSCĐ do Ban thanh lý TSCĐ lập và phải có đầy đủ chữ ký, họ tên của trưởng ban thanh lý, kế toán trưởng và thủ trưởng đơn vị.

- Biên bản giao nhận TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành (**mẫu số 04-TSCĐ**): Đây là biên bản xác nhận việc giao nhận TSCĐ sau khi hoàn thành việc sửa chữa lớn giữa bên có TSCĐ sửa chữa với bên thực hiện việc sửa chữa và là căn cứ ghi sổ thanh toán chi phí sửa chữa lớn TSCĐ. Biên bản giao nhận này lập thành 2 bản. Hai bên giao nhận cùng ký và mỗi bên giữ một bản, sau đó chuyển cho kế toán trưởng của đơn vị ký duyệt và lưu lại phòng kế toán.

- Biên bản đánh giá lại TSCĐ (**mẫu số 05- TSCĐ**): Xác nhận việc đánh giá lại TSCĐ và làm căn cứ để ghi sổ kế toán và các tài liệu có liên quan số chênh lệch (tăng, giảm) do đánh giá lại TSCĐ. Biên bản này được lập thành hai bản, một bản lưu tại phòng kế toán, một bản lưu tại phòng hồ sơ kỹ thuật của TSCĐ.

- Thẻ TSCĐ: Thẻ TSCĐ vừa là một chứng từ vừa là sổ chi tiết để theo dõi từng TSCĐ về nguyên giá, hao mòn, nơi quản lý sử dụng, công suất, diện tích thiết kế...Thẻ TSCĐ được lập khi bàn giao TSCĐ và căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ để lập. Mỗi một TSCĐ có một thẻ TSCĐ. Thẻ TSCĐ được đánh số liên tục từ khi doanh nghiệp bắt đầu hoạt động.

Ngoài các chứng từ trên, doanh nghiệp còn sử dụng thêm một số chứng từ khác như: hoá đơn, hợp đồng liên doanh, quyết định cấp TSCĐ, các chứng từ thanh toán...Bên cạnh việc sử dụng chứng từ để chứng minh cho nghiệp vụ kinh tế phát sinh, quản lý TSCĐ còn dựa trên cơ sở các hồ sơ sau:

- Hồ sơ kỹ thuật: Theo dõi các chỉ tiêu kỹ thuật của TSCĐ, hồ sơ này do phòng kỹ thuật quản lý.

- Hồ sơ kinh tế gồm: Hợp đồng kinh tế khi mua sắm, lắp đặt, xây dựng hoặc hợp đồng liên doanh, quyết định cấp TSCĐ, quyết định giao nhận vốn.

+ Hoá đơn GTGT, hoá đơn bán hàng.

+ Biên bản nghiệm thu về kỹ thuật của TSCĐ.

+ Biên bản giao nhận TSCĐ.

+ Các chứng từ thanh toán khác nếu mua sắm TSCĐ.

1.2.2 Các tài khoản sử dụng:

Để phản ánh các nghiệp vụ tăng giảm TSCĐ, kế toán sử dụng các tài khoản sau:

- Tài khoản 211 “Tài sản cố định hữu hình”: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có, tình hình biến động tăng giảm của toàn bộ TSCĐ của doanh nghiệp theo nguyên giá.

Tài khoản 211 được chi tiết đến các tài khoản cấp hai sau:

TK 2111: Nhà cửa, vật kiến trúc.

TK 2112: Máy móc, thiết bị.

TK 2113: Phương tiện vận tải truyền dẫn.

TK 2114: Thiết bị công cụ quản lý.

TK 2115: Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm.

TK 2118: TSCĐ hữu hình khác.

- Tài khoản 212 “Tài sản cố định thuê tài chính”: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động của toàn bộ TSCĐ thuê tài chính của doanh nghiệp.

- Tài khoản 213 “Tài sản cố định vô hình” : Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có, tình hình biến động của toàn bộ TSCĐ vô hình của doanh nghiệp.

Tài khoản 213 có các tài khoản cấp 2 như sau:

TK 2131: Quyền sử dụng đất.

TK 2132: Chi phí thành lập doanh nghiệp.

TK 2133: Bằng phát minh sáng chế.

TK 2134: Nhãn hiệu hàng hoá.

TK 2135: Phần mềm máy vi tính.

TK 2136: Giấy phép và giấy phép nhượng quyền.

TK 2138: TSCĐ vô hình khác.

- Tài khoản 214: “Hao mòn TSCĐ”: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hao mòn của TSCĐ trong quá trình sử dụng do trích khấu hao và những

khoản tăng giảm hao mòn khác của các loại TSCĐ của doanh nghiệp.

Tài khoản 214 có các tài khoản cấp 2 sau:

TK 2141: Hao mòn TSCĐ hữu hình

TK 2142: Hao mòn TSCĐ đi thuê tài chính.

TK 2143: Hao mòn TSCĐ vô hình

TK 2147: Hao mòn bất động sản đầu tư.

- Tài khoản 411 “ Nguồn vốn kinh doanh”: Đây là tài khoản phản ánh số vốn kinh doanh hiện có và tình hình tăng giảm vốn kinh doanh của doanh nghiệp.

Tài khoản 411 được chi tiết theo từng nguồn hình thành vốn. Trong đó cần theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

- Tài khoản 133 “ Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ” : tài khoản này được sử dụng để phản ánh thuế GTGT mà doanh nghiệp nộp khi mua TSCĐ, vật liệu, dịch vụ và khấu trừ vào thuế đầu ra.

Tài khoản 133 có các tài khoản cấp hai như sau:

TK 1331: Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ.

TK 1332: Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ.

Ngoài các tài khoản nêu trên, trong quá trình thanh toán còn sử dụng một số tài khoản khác liên quan như: TK111, TK112, TK331, TK133, TK335, TK241...

1.2.3 Kế toán chi tiết tài sản cố định:

Kế toán chi tiết TSCĐ được thực hiện cho từng TSCĐ và theo nơi sử dụng TSCĐ.

* Để theo dõi, quản lý từng tài sản kế toán sử dụng thẻ tài sản. Thẻ TSCĐ được lập cho từng đối tượng ghi TSCĐ và bao gồm 4 phần chính sau:

- Phần phản ánh các chỉ tiêu chung về TSCĐ như tên, ký, mã hiệu, quy cách, số liệu, nước sản xuất, năm sản xuất...

- Phần phản ánh chỉ tiêu về nguyên giá khi đưa tài sản vào sử dụng, nguyên giá sau khi đánh giá lại...và giá trị hao mòn lũy kế qua các năm.

- Phần phản ánh số phụ tùng, dụng cụ đồ nghề kèm theo TSCĐ.
- Phần ghi giảm TSCĐ.

Thẻ TSCĐ do kế toán TSCĐ lập và phải được kế toán trưởng ký xác nhận. Thẻ được lưu ở phòng kế toán trong suốt quá trình sử dụng TSCĐ.

Căn cứ để lập thẻ TSCĐ là biên bản giao nhận TSCĐ, biên bản thanh lý TSCĐ, biên bản đánh giá lại TSCĐ, bảng trích khấu hao TSCĐ và các tài liệu kỹ thuật có liên quan.

* Để theo dõi chi tiết các loại, nhóm TSCĐ theo kết cấu kế toán sử dụng các tài khoản cấp 2 theo quy định của Nhà nước và mở thêm các tài khoản chi tiết của các tài khoản cấp hai này.

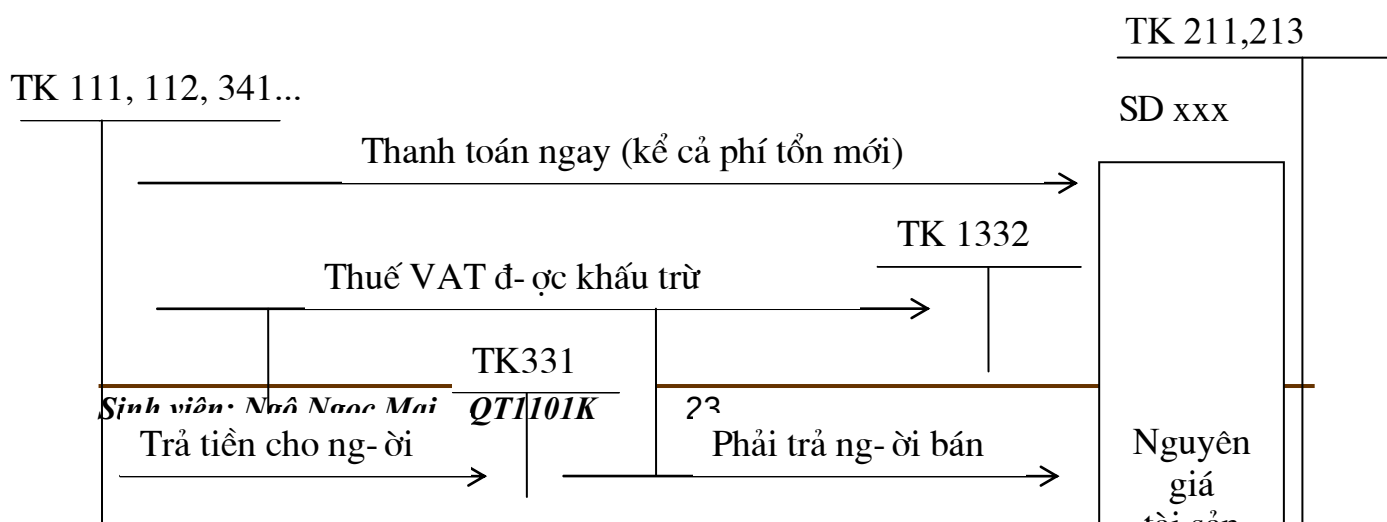
* Để theo dõi chi tiết TSCĐ theo dõi sử dụng thì kế toán sử dụng sổ TSCĐ và sổ TSCĐ mở chung cho toàn doanh nghiệp và mở cho từng bộ phận quản lý sử dụng TSCĐ. Căn cứ để ghi sổ TSCĐ là các thẻ TSCĐ.

1.2.4 Kế toán tổng hợp:

❖ Kế toán tăng TSCĐ:

TSCĐ hữu hình của doanh nghiệp tăng do rất nhiều nguyên nhân nh- tăng do mua sắm, xây dựng, cấp phát... kế toán cần căn cứ vào từng tr- ờng hợp cụ thể để ghi sổ cho phù hợp. Đối với các doanh nghiệp tính thuế VAT theo ph- ơng pháp khấu trừ, các nghiệp vụ tăng TSCĐ đ- ợc hạch toán nh- sau:

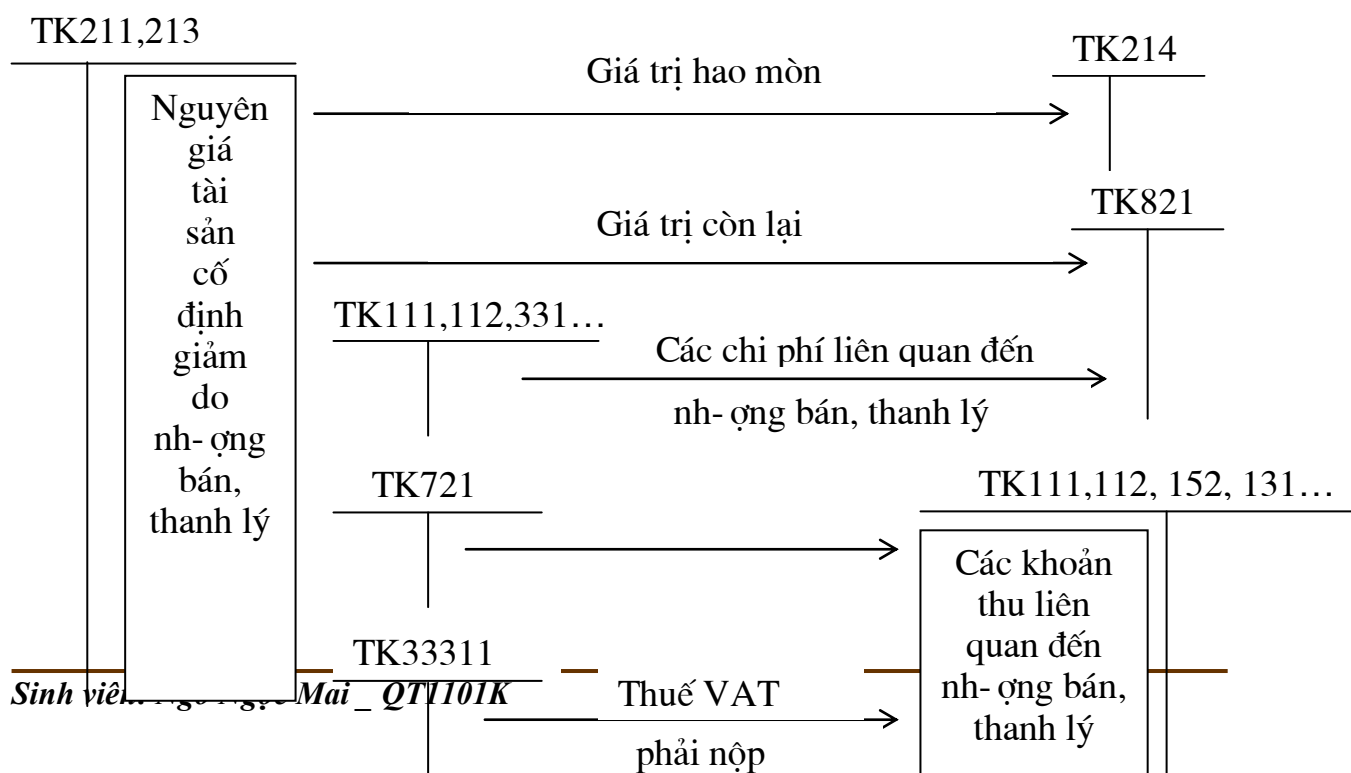
SƠ ĐỒ KẾ TOÁN TĂNG TÀI SẢN CỐ ĐỊNH



❖ **Kế toán giảm TSCĐ:**

Đối với những TSCĐ sử dụng không hiệu quả doanh nghiệp thường tiến hành thanh lý, nhượng bán. Khi đó, kế toán sẽ tiến hành ghi giảm TSCĐ theo sơ đồ sau:

SƠ ĐỒ KẾ TOÁN GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH



1.3 KẾ TOÁN KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH:

Khấu hao TSCĐ là nội dung rất quan trọng trong kế toán TSCĐ ở doanh nghiệp. Xác định đúng đắn số khấu hao phải tính và phân bổ phù hợp vào các đối tượng sử dụng TSCĐ vừa đảm bảo có đủ nguồn vốn để tái tạo TSCĐ, trả nợ vay... vừa đảm bảo hạch toán đúng đắn giá thành và kết quả kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ là phần giá trị của TSCĐ được tính chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh nên một mặt nó làm tăng giá trị hao mòn, mặt khác làm tăng chi phí sản xuất kinh doanh.

1.3.1 Tài khoản sử dụng:

Kế toán khấu hao TSCĐ sử dụng các tài khoản 214.

Nội dung tài khoản này như sau:

Bên Nợ: Giá trị hao mòn TSCĐ giảm do thanh lý, nhượng bán TSCĐ, điều động cho đơn vị khác, góp vốn liên doanh...

Bên Có: Giá trị hao mòn TSCĐ tăng do trích khấu hao TSCĐ.

Dư Có: Giá trị hao mòn lũy kế của TSCĐ hiện có tại đơn vị.

Ngoài ra còn sử dụng các tài khoản liên quan khác như:

- Tài khoản 627: Khấu hao TSCĐ dùng cho hoạt động sản xuất.
- Tài khoản 641: Khấu hao TSCĐ dùng cho hoạt động bán hàng.
- Tài khoản 642: Khấu hao TSCĐ dùng cho hoạt động quản lý.

1.3.2 Nguyên tắc tính khấu hao:

1. Tất cả TSCĐ hiện có của doanh nghiệp đều phải trích khấu hao, trừ những TSCĐ sau đây:

- TSCĐ đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn đang sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh.
- TSCĐ chưa khấu hao hết bị mất.
- TSCĐ khác do doanh nghiệp quản lý mà không thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp (trừ TSCĐ thuê tài chính).
- TSCĐ không được quản lý, theo dõi, hạch toán trong sổ sách kế toán của doanh nghiệp.

- TSCĐ sử dụng trong các hoạt động phúc lợi phục vụ người lao động của doanh nghiệp (trừ các TSCĐ phục vụ cho người lao động làm việc tại doanh nghiệp như: nhà nghỉ giữa ca, nhà ăn giữa ca, nhà thay quần áo, nhà vệ sinh, bể chứa nước sạch, nhà để xe, phòng hoặc trạm y tế để khám chữa bệnh, xe đưa đón người lao động, cơ sở đào tạo, dạy nghề, nhà ở cho người lao động do doanh nghiệp đầu tư xây dựng).

- TSCĐ là nhà và đất ở trong trường hợp mua lại nhà và đất ở đã được nhà nước cấp quyền sử dụng đất lâu dài thì giá trị quyền sử dụng đất không phải tính khấu hao.

- TSCĐ từ nguồn viện trợ không hoàn lại sau khi được cơ quan có thẩm quyền bàn giao cho doanh nghiệp để phục vụ công tác nghiên cứu khoa học.

- TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất.

2. Các khoản chi phí khấu hao tài sản cố định quy định tại điểm 2.2 mục IV phần C Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp thì không được tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Trường hợp TSCĐ sử dụng trong các hoạt động phúc lợi phục vụ cho người lao động của doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này có tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh thì doanh nghiệp căn cứ vào thời gian và tính chất sử dụng các tài sản cố định này để thực hiện tính và trích khấu hao vào chi phí kinh doanh của doanh nghiệp và thông báo cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý để theo dõi, quản lý.

4. TSCĐ chưa khấu hao hết bị mất, bị hư hỏng mà không thể sửa chữa, khắc phục được, doanh nghiệp xác định nguyên nhân, trách nhiệm bồi thường của tập thể, cá nhân gây ra. Chênh lệch giữa giá trị còn lại của tài sản với tiền bồi thường và giá trị thu hồi được (nếu có), doanh nghiệp dùng Quỹ dự phòng tài chính để bù đắp. Trường hợp Quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp, thì phần chênh lệch thiếu doanh nghiệp được tính vào chi phí hợp lý của doanh nghiệp khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp.

5. Doanh nghiệp cho thuê TSCĐ hoạt động phải trích khấu hao đối với TSCĐ cho thuê.

6. Doanh nghiệp thuê TSCĐ theo hình thức thuê tài chính (gọi tắt là TSCĐ thuê tài chính) phải trích khấu hao TSCĐ đi thuê như TSCĐ thuộc sở hữu của doanh nghiệp theo quy định hiện hành. Trường hợp ngay tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản, doanh nghiệp thuê TSCĐ thuê tài chính cam kết không mua tài sản thuê trong hợp đồng thuê tài chính, thì doanh nghiệp đi thuê được trích khấu hao TSCĐ thuê tài chính theo thời hạn thuê trong hợp đồng.

7. Trường hợp đánh giá lại giá trị TSCĐ đã hết khấu hao để góp vốn, điều chuyển khi chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thì các TSCĐ này phải được các tổ chức định giá chuyên nghiệp xác định giá trị nhưng không thấp hơn 20% nguyên giá tài sản đó. Thời điểm trích khấu hao đối với những tài sản này là thời điểm doanh nghiệp chính thức nhận bàn giao đưa tài sản vào sử dụng và thời gian trích khấu hao từ 3 đến 5 năm. Thời gian cụ thể do doanh nghiệp quyết định nhưng phải đăng ký với cơ quan thuế trước khi thực hiện.

8. Các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá theo phương pháp dòng tiền chiết khấu (DCF) thì phần chênh lệch tăng của vốn nhà nước giữa giá trị thực tế và giá trị ghi trên sổ sách kế toán không được ghi nhận là TSCĐ vô hình và được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thời gian không quá 10 năm. Thời điểm bắt đầu phân bổ vào chi phí là thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).

9. Việc trích hoặc thôi trích khấu hao TSCĐ được thực hiện bắt đầu từ ngày (theo số ngày của tháng) mà TSCĐ tăng hoặc giảm. Doanh nghiệp thực hiện hạch toán tăng, giảm TSCĐ theo quy định hiện hành về chế độ kế toán doanh nghiệp.

1.3.3 Các phương pháp tính khấu hao:

Việc lựa chọn phương pháp tính khấu hao thích hợp cho doanh nghiệp có ý nghĩa quan trọng. Trước hết nó góp phần bảo toàn vốn cố định, tránh hao mòn vô hình một cách hữu hiệu và góp phần xác định giá thành chính xác, tránh để hiện tượng lãi giả lỗ thật đang còn tồn tại ở các doanh nghiệp. Có rất nhiều

ph- ơng pháp khác nhau để tính khấu hao TSCĐ trong các doanh nghiệp. Mỗi ph- ơng pháp có những - u nh- ọc điểm riêng. Thông th- ờng có các ph- ơng pháp khấu hao cơ bản sau:

❖ **Ph- ơng pháp khấu hao theo đ- ờng thẳng:**

Nội dung của ph- ơng pháp: Đây là ph- ơng	*	
	Loại TSCĐ	Thời gian sử dụng (năm)
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Từ 25 đến 50 năm
	Máy móc thiết bị	Từ 8 năm đến 12 năm
	Phương tiện vận tải	Từ 6 năm đến 10 năm
	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Từ 3 năm đến 5 năm

pháp khấu hao đơn giản nhất, đ- ợc sử dụng phổ biến để tính khấu hao các loại TSCĐ trong doanh nghiệp. Theo ph- ơng pháp này, tỷ lệ và mức khấu hao hàng năm đ- ợc xác định theo mức không đổi trong suốt thời gian sử dụng TSCĐ và đ- ợc xác định bằng nguyên giá TSCĐ chia cho thời gian sử dụng .

Nguyên giá TSCĐ bao gồm: giá mua thực tế phải trả (giá ghi trên hóa đơn trừ đi các khoản giảm giá, chiết khấu mua hàng nếu có), các chi phí vận chuyển, bốc dỡ, lắp đặt, chạy thử, các khoản lãi vay đầu tư cho TSCĐ khi chưa bàn giao và đưa vào sử dụng. các khoản thuế và lệ phí trước bạ (nếu có).

Thời gian sử dụng TSCĐ là thời gian doanh nghiệp dự kiến sử dụng TSCĐ. Nó được xác định căn cứ vào tuổi thọ kỹ thuật và tuổi thọ kinh tế của TSCĐ có tính đến sự lạc hậu, lỗi thời của TSCĐ do sự tiến bộ của khoa học và công nghệ, mục đích sử dụng và hiệu quả sử dụng.

Theo Quyết định 206/2003/QĐ-BTC, thời gian sử dụng ước tính của TSCĐ như sau:

Mức khấu hao hàng năm và tỷ lệ khấu hao hàng năm đ- ợc xác định theo công thức sau:

$$M_{KH} = \frac{NG}{T}$$

$$T_{KH} = \frac{M_{KH}}{NG} \times 100\% \quad \text{hay} \quad T_{KH} = \frac{1}{T} \times 100\%$$

Trong đó: M_{KH} : Mức tính khấu hao trung bình hàng năm.

T_{KH} : Tỷ lệ khấu hao trung bình hàng năm.

NG: Nguyên giá của TSCĐ.

T: Thời gian sử dụng của TSCĐ (năm).

Nếu doanh nghiệp trích cho từng tháng thì lấy số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

Trường hợp thời gian sử dụng hay nguyên giá của tài sản cố định thay đổi, doanh nghiệp phải xác định lại mức trích khấu hao trung bình của tài sản cố định bằng cách lấy giá trị còn lại trên sổ kế toán chia (:) cho thời gian sử dụng xác định lại hoặc thời gian sử dụng còn lại (được xác định là chênh lệch giữa thời gian sử dụng đã đăng ký trừ thời gian đã sử dụng) của tài sản cố định.

Mức trích khấu hao cho năm cuối cùng của thời gian sử dụng tài sản cố định được xác định là hiệu số giữa nguyên giá tài sản cố định và số khấu hao lũy kế đã thực hiện đến năm trước năm cuối cùng của tài sản cố định đó.

*** Ưu điểm, nh- ợc điểm của ph- ơng pháp:**

Nhìn chung, ph- ơng pháp khấu hao bình quân đ- ợc sử dụng phổ biến là do - u điểm của nó. Đây là ph- ơng pháp tính toán đơn giản, dễ hiểu. Mức khấu hao đ- ợc tính vào giá thành sản phẩm sẽ ổn định và nh- vậy sẽ tạo điều kiện ổn định giá thành sản phẩm. Tạo lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp, trong doanh nghiệp sử dụng ph- ơng pháp khấu hao bình quân tổng hợp cho tất cả các loại TSCĐ của doanh nghiệp thì sẽ giảm đ- ợc khối l- ợng công tác tính toán, thuận lợi cho việc lập kế hoạch khấu hao TSCĐ của doanh nghiệp. Tuy nhiên nh- ợc

điểm của phương pháp này là không phản ánh chính xác mức độ hao mòn thực tế của TSCĐ và đồng thời giá thành sản phẩm trong các thời kỳ sử dụng TSCĐ sẽ không giống nhau. Hơn nữa, do tính bình quân nên khả năng thu hồi vốn đầu tư chậm và như vậy không thể hạn chế ảnh hưởng bất lợi của hao mòn vô hình (tức là sự giảm đi về mặt giá trị của TSCĐ mà nguyên nhân chủ yếu là do sự tiến bộ của khoa học và công nghệ) đối với TSCĐ trong doanh nghiệp.

❖ **Phương pháp khấu hao nhanh:**

Ngay từ đầu sử dụng phương pháp khấu hao nhanh để khắc phục những nhược điểm của phương pháp khấu hao theo đường thẳng. Phương pháp khấu hao này được sử dụng nhằm mục đích đẩy nhanh mức khấu hao TSCĐ trong năm đầu sử dụng và giảm dần mức khấu hao theo thời hạn sử dụng. Do đó, doanh nghiệp có thể thu hồi vốn nhanh. Đây là phương pháp rất thuận lợi cho các doanh nghiệp mới thành lập vì những năm đầu họ muốn quay vòng vốn nhanh để thực hiện phát triển sản xuất.

Phương pháp khấu hao nhanh có hai cách tính toán tỷ lệ và mức khấu hao hàng năm, đó là phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần hoặc khấu hao theo tổng số thứ tự năm sử dụng:

- *Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần.*

Theo phương pháp này thì số tiền khấu hao hàng năm được tính bằng cách lấy giá trị còn lại của TSCĐ theo thời gian sử dụng nhân với tỷ lệ khấu hao không đổi. Như vậy, mức và tỷ lệ khấu hao theo thời gian sử dụng sẽ giảm dần. Có thể tính mức khấu hao hàng năm theo thời hạn sử dụng như sau:

$$M_{khi} = G_{cdi} \times T_{kh}$$

Trong đó: M_{khi} : Mức khấu hao ở năm thứ i .

G_{cdi} : Giá trị còn lại của TSCĐ vào đầu năm thứ i .

T_{kh} : Tỷ lệ khấu hao nhanh

i : Thứ tự của các năm sử dụng TSCĐ.

Tỷ lệ khấu hao nhanh được xác định như sau:

$$T_{kh} = T_{KH} \times Hd$$

Trong đó: T_{kh} : Tỷ lệ khấu hao nhanh

T_{KH} : Tỷ lệ khấu hao hàng năm theo phương pháp khấu hao đường thẳng.

Hđ: Hệ số điều chỉnh

Hệ số điều chỉnh được thể hiện qua bảng sau:

Bảng hệ số điều chỉnh

Thời gian sử dụng của TSCĐ	Hệ số điều chỉnh (lần)
Đến 4 năm	1,5
Trên 4 đến 6 năm	2,0
Trên 6 năm	2,5

Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần thường áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực có công nghệ đòi hỏi phải thay đổi, phát triển nhanh thỏa mãn điều kiện: tài sản cố định đầu tư mới (chưa qua sử dụng); các loại máy móc, thiết bị; dụng cụ làm việc đo lường, thí nghiệm.

Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có những ưu điểm cơ bản đó là phản ánh chính xác hơn mức hao mòn TSCĐ vào giá trị sản phẩm, nhanh chóng thu hồi vốn đầu tư mua sắm TSCĐ trong những năm đầu sử dụng, hạn chế được những ảnh hưởng bất lợi của hao mòn vô hình. Tuy nhiên phương pháp này cũng có nhược điểm đó là việc tính toán mức khấu hao và tỷ lệ khấu hao hàng năm sẽ phức tạp hơn, số tiền trích khấu hao lũy kế đến năm cuối cùng thời hạn sử dụng TSCĐ cũng chưa đủ bù đắp toàn bộ giá trị đầu tư ban đầu vào TSCĐ của doanh nghiệp.

- *Phương pháp khấu hao theo tổng số thứ tự năm sử dụng.*

Theo phương pháp này số tiền khấu hao được tính bằng cách nhân giá trị ban đầu của TSCĐ với tỷ lệ khấu hao giảm dần qua các năm. Tỷ lệ khấu hao này được xác định bằng cách lấy số năm sử dụng còn lại chia cho tổng số thứ tự năm sử dụng. Công thức tính toán như sau:

$$M_{KHi} = NG \times T_{KHi}$$

$$2 \times (T - t + 1)$$

$$T_{KH} = \frac{M_{KH}}{T \times (T+1)}$$

Trong đó: M_{KH} : Mức khấu hao hàng năm.

NG : Nguyên giá của TSCĐ.

T_{KH} : Tỷ lệ khấu hao theo năm sử dụng.

T : Thời gian dự kiến sử dụng TSCĐ.

t : Thứ tự năm cần tính tỷ lệ khấu hao.

Tỷ lệ khấu hao của phương pháp này không cố định hàng năm, sẽ thay đổi theo chiều hướng giảm dần và cũng có thể tính bằng cách sau

Số năm còn lại của TSCĐ theo thứ tự năm sử dụng

$$T_{KH} = \frac{\text{Số năm còn lại của TSCĐ theo thứ tự năm sử dụng}}{\text{Tổng số các số năm sử dụng còn lại của TSCĐ tính theo thứ tự năm sử dụng}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là có khả năng thu hồi vốn nhanh, do có thể phòng ngừa được hao mòn vô hình ở mức tối đa, mặt khác nó khắc phục được những nhược điểm của phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần. Tức nó đảm bảo được số tiền khấu hao lũy kế đến năm cuối cùng của thời gian sử dụng TSCĐ sẽ bù đắp giá trị ban đầu của TSCĐ.

Tuy nhiên việc áp dụng các phương pháp khấu hao nhanh phải trong điều kiện doanh nghiệp có giá thành có thể chịu đựng được.

❖ **Phương pháp khấu hao theo sản lượng.**

Tài sản cố định trong doanh nghiệp được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm như sau:

- Căn cứ vào hồ sơ kinh tế- kỹ thuật của tài sản cố định, doanh nghiệp xác định tổng số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế của tài sản cố định, gọi tắt là sản lượng theo công suất thiết kế.

- Căn cứ tình hình thực tế sản xuất, doanh nghiệp xác định số lượng, khối lượng sản phẩm thực tế sản xuất hàng tháng, hàng năm của tài sản cố định.

- Xác định mức trích khấu hao trong tháng của tài sản cố định theo công thức dưới đây:

Mức trích khấu hao trong tháng của tài sản cố định = $\frac{\text{Số lượng sản phẩm sản xuất trong tháng}}{\text{Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm}}$ X

Trong đó:

Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm = $\frac{\text{Nguyên giá của tài sản cố định}}{\text{Sản lượng theo công suất thiết kế}}$

- Mức trích khấu hao năm của tài sản cố định bằng tổng mức trích khấu hao của 12 tháng trong năm, hoặc tính theo công thức sau:

Mức trích khấu hao năm của tài sản cố định = $\frac{\text{Số lượng sản phẩm sản xuất trong năm}}{\text{Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm}}$ X

Trường hợp công suất thiết kế hoặc nguyên giá của tài sản cố định thay đổi, doanh nghiệp phải xác định lại mức trích khấu hao của tài sản cố định

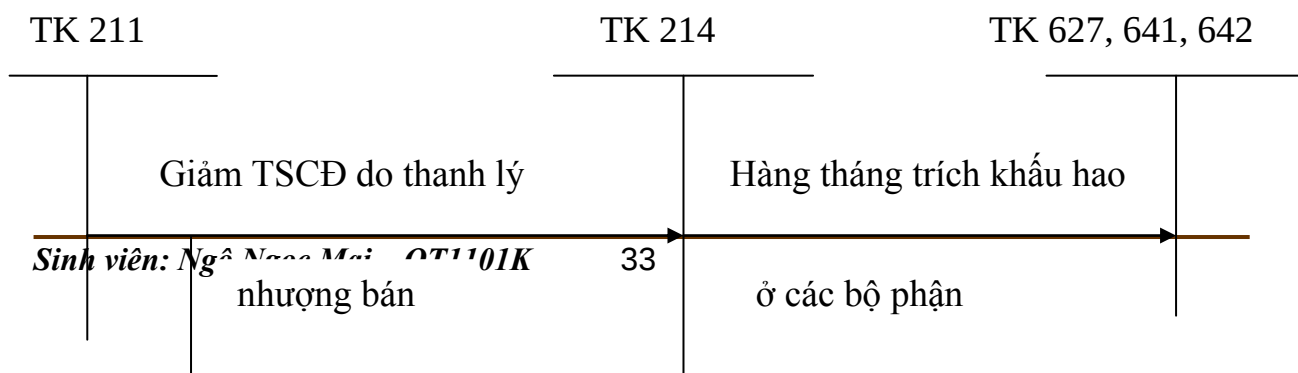
Phương pháp này có ưu điểm là chi phí kinh doanh được tính toán phù hợp với mức độ sản phẩm được tạo ra. Nhưng nhược điểm là không phản ánh được các loại hao mòn vô hình và hao mòn hữu hình đối tác động lên TSCĐ.

1.3.4 Hạch toán khấu hao tài sản cố định:

Chi phí khấu hao là một trong những yếu tố cấu thành chi phí. Vì vậy việc sử dụng phương pháp nào để tính và trích khấu hao có ảnh hưởng trực tiếp đến sự chính xác của việc tính tổng chi phí sản xuất kinh doanh. Cuối mỗi tháng kế toán tiến hành tính và phân bổ khấu hao cho từng bộ phận.

Kế toán khấu hao TSCĐ được thể hiện qua sơ đồ sau:

SƠ ĐỒ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH



1.4 KẾ TOÁN SỬA CHỮA TÀI SẢN CỐ ĐỊNH:

TSCĐ đ- ợc sử dụng lâu dài và đ- ợc cấu thành bởi nhiều bộ phận, chi tiết khác nhau. Khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh, các bộ phận chi tiết cấu thành TSCĐ bị hao mòn h- hỏng. Do vậy, để khôi phục năng lực hoạt động bình th- ờng của TSCĐ và để đảm bảo an toàn trong lao động sản xuất, cần thiết phải tiến hành sửa chữa, thay thế những chi tiết, bộ phận của TSCĐ bị hao mòn, h- hỏng ảnh h- ưởng đến hoạt động của TSCĐ. Công việc sửa chữa có thể do doanh nghiệp tự làm hoặc thuê ngoài với ph- ơng thức sửa chữa th- ờng xuyên, sửa chữa lớn hay sửa chữa nâng cấp TSCĐ.

1.4.1 Sửa chữa thường xuyên:

Đây là hình thức sửa chữa có tính chất bảo quản, bảo d- ỡng th- ờng xuyên TSCĐ, kỹ thuật sửa chữa đơn giản, thời gian sửa chữa diễn ra ngắn và chi phí sửa chữa phát sinh th- ờng chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng chi phí của doanh nghiệp. Do đó chi phí phát sinh đến đâu đ- ợc tập hợp trực tiếp vào chi phí kinh doanh đến đó.

- Nếu việc sửa chữa do doanh nghiệp tự làm, chi phí sửa chữa đ- ợc tập hợp nh- sau:

Nợ các TK liên quan (627, 641, 642...)

Có các TK chi phí (111, 112, 152, 214, 334, 338...)

- Tr- ờng hợp thuê ngoài:

Nợ các TK liên quan (627, 641, 642...)

Nợ TK 133 (1331): Thuế VAT đ-ợc khấu trừ

Có TK chi phí (111, 112, 331): Tổng số tiền phải trả

1.4.2 Sửa chữa lớn:

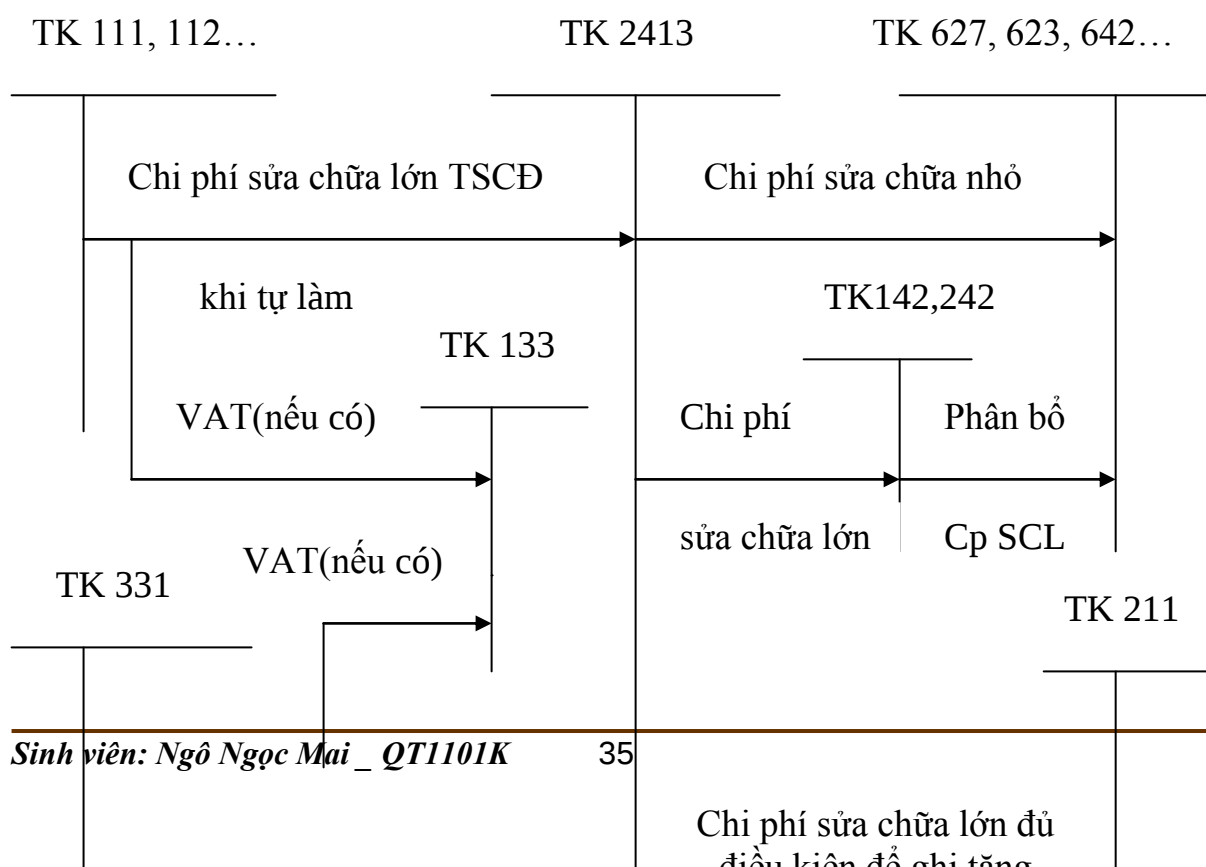
Sửa chữa lớn là loại sửa chữa có các đặc điểm, mức độ hư hỏng nặng nên kỹ thuật sửa chữa phức tạp, công việc sửa chữa có thể do doanh nghiệp tự thực hiện hoặc thuê ngoài, thời gian sửa chữa kéo dài và TSCĐ phải ngưng hoạt động, chi phí phát sinh lớn nên không thể tính hết một lần vào chi phí của đối tượng sử dụng phương pháp phân bổ thích ứng.

Các chứng từ kế toán để phản ánh việc sửa chữa lớn hoàn thành là Biên bản giao nhận TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành. Đây là chứng từ xác nhận việc giao nhận TSCĐ sau khi hoàn thành việc sửa chữa lớn giữa bên có TSCĐ và bên thực hiện việc sửa chữa.

Tài sản chuyên dùng để theo dõi chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, kế toán sử dụng TK 2143: “sửa chữa lớn TSCĐ”

Kế toán sửa chữa TSCĐ lớn được thể hiện qua sơ đồ sau:

SƠ ĐỒ KẾ TOÁN SỬA CHỮA LỚN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH



Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ
hoàn thành khi thuê ngoài

1.4.3 Nâng cấp tài sản cố định:

Để nâng cấp tính năng, tác dụng của TSCĐ cũng như kéo dài thời gian hữu dụng của TSCĐ thì doanh nghiệp thực hiện để nâng cấp TSCĐ. Chi phí nâng cấp TSCĐ được tính vào giá trị của TSCĐ (làm tăng nguyên giá TSCĐ). Sử dụng TK 2412.

- *Tập hợp chi phí sửa chữa*

+ Nếu thuê ngoài:

Khi hoàn thành công trình sửa chữa, bàn giao, phản ánh số tiền phải trả theo hợp đồng cho ng- ời nhận thầu sửa chữa lớn:

Nợ TK 133: Thuế VAT đ- ợc khấu trừ

Nợ TK 214 (2143): Chi phí sửa chữa thực tế

Có TK 331: Tổng số tiền phải trả theo hợp đồng

Tr- ờng hợp ứng tr- ớc tiền công hoặc thanh toán cho ng- ời nhận thầu sửa chữa lớn TSCĐ :

Nợ TK 331:

Có TK liên quan (111, 112, 311...)

+ Nếu do doanh nghiệp tự làm:

Tập hợp chi phí sửa chữa thực tế chi ra theo từng công trình;

Nợ TK 241 (2413)

Có các TK chi phí (111, 112, 152, 214, 334, 338...)

- Kết chuyển giá thành công trình sửa chữa khi hoàn thành.

Tuỳ theo quy mô, tính chất, thời gian và mục đích sửa chữa, sau khi công việc sửa chữa hoàn thành, TSCĐ đ- ợc phục hồi năng lực hoạt động hay tăng năng lực và kéo dài tuổi thọ, kế toán sẽ kết chuyển toàn bộ chi phí sửa chữa vào các tài khoản thích hợp.

+ Ghi tăng nguyên giá TSCĐHH theo chi phí nâng cấp thực tế

Nợ TK 221

Có TK 2413

+ Kết chuyển nguồn đầu t-

+ L- u ý: tr- ờng hợp nâng cấp TSCĐHH hoàn thành bàn giao đ- a vào sử dụng, kế toán phải tiến hành tính lại mức khấu hao phải trích TSCĐHH đó, vì nguyên giá tăng thời gian sử dụng có thể bị thay đổi, tăng năng suất kéo dài thời gian sử dụng

+ Tr- ờng hợp sửa chữa nâng cấp, kéo dài tuổi thọ:

Nợ TK 211: Nguyên giá (Giá thành sửa chữa thực tế)

Có TK 2413: Giá thành thực tế công tác sửa chữa

1.5 KẾ TOÁN TSCĐ ĐI THUÊ:

- Phân loại thuê tài sản phải căn cứ vào các điều khoản trong hợp đồng và phải thực hiện ngay tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản. Sau thời điểm khởi đầu thuê tài sản, nếu có thay đổi các điều khoản trong hợp đồng (trừ gia hạn hợp đồng) thì các điều khoản mới này được áp dụng cho suốt thời hạn hợp đồng như: thay đổi về ước tính, thay đổi về ước tính thời gian sử dụng kinh tế hoặc giá trị còn lại của tài sản thuê, thay đổi khả năng thanh toán của bên thuê thì không làm thay đổi sự phân loại về thuê tài sản đối với ghi sổ kế toán.

- Phân loại thuê tài sản được căn cứ vào mức độ chuyển giao các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê từ bên cho thuê cho bên thuê. Thuê tài sản bao gồm thuê tài chính và thuê hoạt động.

1.5.1 Thuê tài chính:

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên cho thuê. Quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn cho thuê.

Hợp đồng thuê tài chính thường diễn ra các trường hợp thuê tài sản sau:

- Bên cho thuê chuyển giao quyền sở hữu tài sản cho bên thuê khi hết thời hạn thuê.

- Tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản, bên thuê có quyền lựa chọn mua lại tài sản thuê với mức giá ước tính thấp hơn giá trị hợp lý vào cuối thời hạn thuê.
- Thời hạn thuê tài sản tối thiểu phải chiếm phần lớn thời gian sử dụng kinh tế của tài sản cho dù không có sự chuyển giao quyền sở hữu.
- Tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản, giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu chiếm phần lớn giá trị hợp lý của tài sản thuê.
- Tài sản thuê thuộc dạng chuyên dùng mà chỉ có bên thuê mới có khả năng sử dụng không cần có sự thay đổi hay sửa chữa lớn nào.

Hợp đồng thuê tài sản được coi là hợp đồng thuê tài chính nếu hợp đồng thoả mãn ít nhất một trong ba trường hợp sau:

- Nếu bên thuê huỷ hợp đồng và đền bù tổn thất phát sinh liên quan đến việc huỷ hợp đồng cho bên cho thuê.
- Thu nhập hoặc tổn thất do sự thay đổi giá trị hợp lý của giá trị còn lại của tài sản thuê gắn với bên cho thuê.
- Bên thuê có khả năng tiếp tục thuê lại tài sản sau khi đã hết hạn hợp đồng thuê với tiền thuê thấp hơn giá trị thuê thị trường.

Kế toán TSCĐ thuê tài chính sử dụng TK 212: Tài khoản này được phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động của toàn bộ TSCĐ thuê tài chính của doanh nghiệp.

1.5.2 Thuê hoạt động:

- Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu nội dung của hợp đồng thuê tài sản không có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản.
- Thuê tài sản là quyền sử dụng đất thường được phân loại là thuê hoạt động vì quyền sử dụng đất thường có thời gian sử dụng kinh tế vô hạn và quyền sở hữu sẽ không chuyển giao cho bên thuê khi hết thời hạn thuê.
- Thuê tài sản là thuê hoạt động thì doanh nghiệp thuê không phản ánh giá trị tài sản đi thuê trên bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp mà chỉ phản ánh chi phí hoạt động thuê tài sản vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương

pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê (trả tiền thuê từng kỳ hay trả trước, trả sau).

- Khi nhận TSCĐ căn cứ vào giá trị của TSCĐ ghi trên hợp đồng thuê để ghi bên nợ TK001 “tài sản thuê ngoài”. Khi hết hạn thuê trả lại TSCĐ sẽ ghi bên có TK001.

1.6 KẾ TOÁN ĐÁNH GIÁ LẠI TÀI SẢN CỐ ĐỊNH:

- Đánh giá lại TSCĐ nhằm bảo đảm cho giá trị của TSCĐ phù hợp với mặt bằng giá có sự thay đổi lớn do tình hình lạm phát gây ra. Ngoài việc đánh giá lại còn được thực hiện khi đem TSCĐ làm vốn góp liên doanh.

- Kế toán đánh giá lại TSCĐ sử dụng chứng từ kế toán là Biên bản đánh giá lại TSCĐ. Biên bản này xác nhận việc đánh giá này do hội đồng đánh giá lập. Các thành viên hội đồng phải ký và ghi rõ họ tên vào biên bản.

- Kế toán đánh giá lại TSCĐ sử dụng TK 412 “chênh lệch đánh giá lại TSCĐ”. Biên bản này xác nhận việc đánh giá do hội đồng đánh giá lập. Các thành viên hội đồng phải ký và ghi rõ họ tên vào biên bản.

- Kế toán đánh giá lại TSCĐ sử dụng TK 412 “chênh lệch đánh giá lại tài sản”.

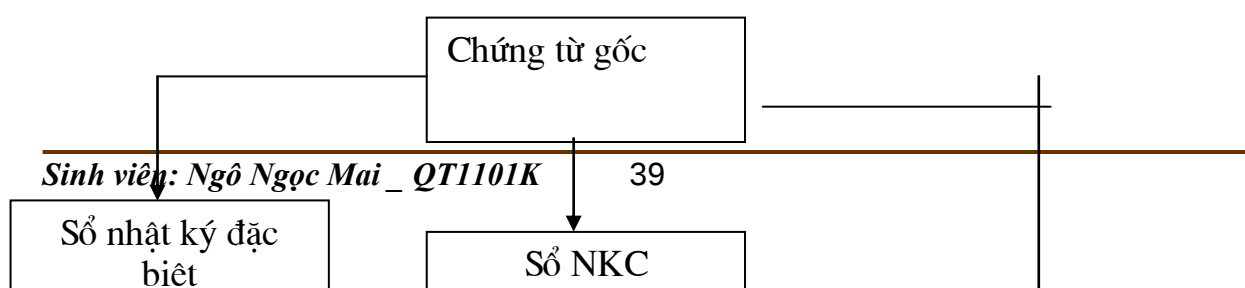
1.7 CÁC HÌNH THỨC KẾ TOÁN ÁP DỤNG:

Để đáp ứng yêu cầu công tác kế toán tài chính cũng như việc phục vụ cho kế toán quản trị, mỗi doanh nghiệp đều phải nghiên cứu, thiết kế sổ kế toán, thiết kế sổ hạch toán chi tiết sao cho phù hợp với đặc điểm, tình hình quản lý của doanh nghiệp. Theo chế độ hiện hành có 4 hình thức kế toán tổng hợp sau:

1.7.1 Hình thức nhật ký chung (NKC).

Theo hình thức này thì tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh phải được ghi vào sổ NKC theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán các nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu từ NKC ghi vào sổ cái.

Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức NKC

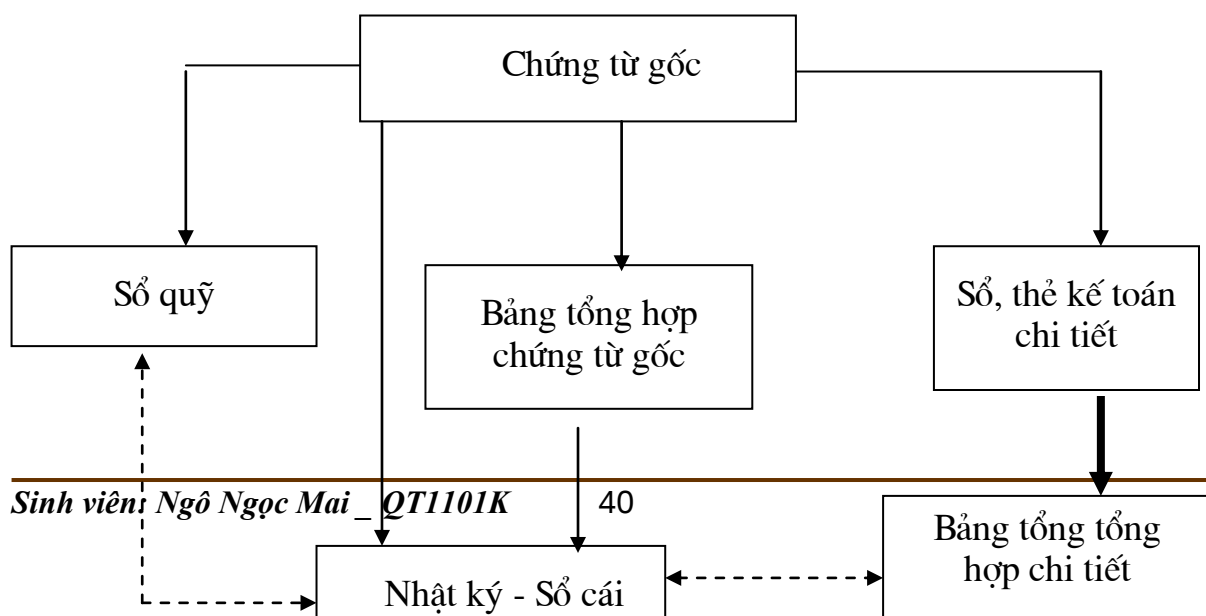


- : Ghi hàng ngày
 —————→ : Ghi cuối tháng
 <-----> : Đối chiếu

1.7.2 Hình thức nhật ký sổ cái (NKSC).

Theo hình thức này các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đ- ợc tập hợp, ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên NKSC. Có thể khái quát theo sơ đồ sau:

Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức NKSC

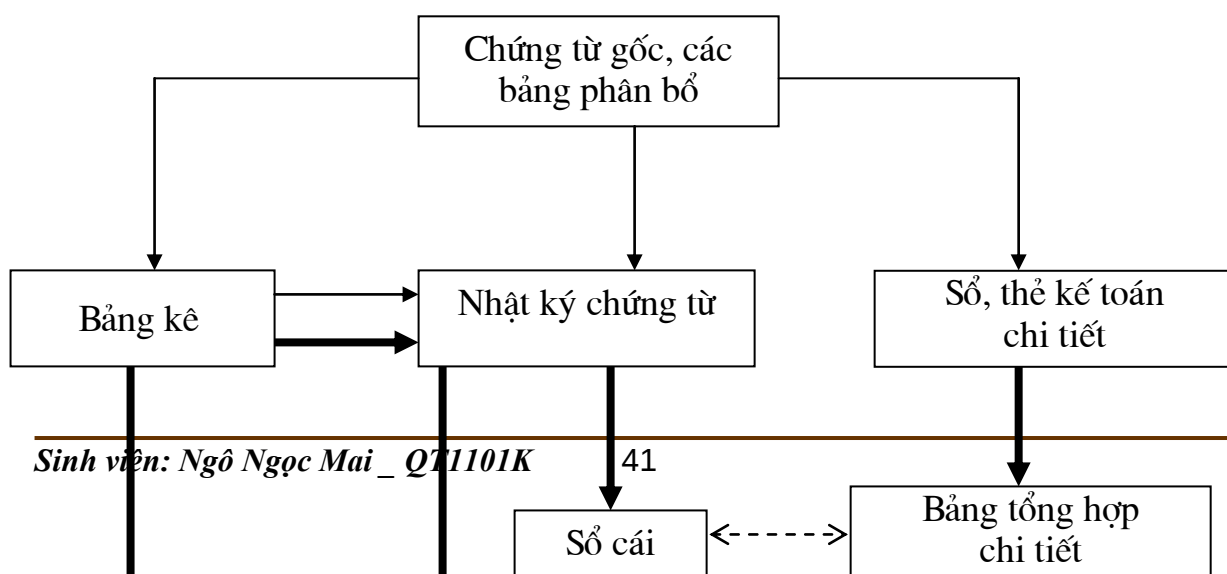


- : Ghi hàng ngày
 —————→ : Ghi cuối tháng
 <-----> : Đối chiếu

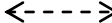
1.7.3 Hình thức nhật ký chứng từ (NKCT)

Hình thức NKCT là hình thức tổ chức sổ kế toán dùng để tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ đó theo bên nợ của các tài khoản đối ứng.

Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức NKCT





-  : Ghi hàng ngày
 : Ghi cuối tháng
 : Đối chiếu

1.7.4 Hình thức chứng từ ghi sổ (CTGS)

Đây là hình thức ghi sổ kế toán kết hợp ghi sổ theo thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ với ghi sổ theo nội dung kinh tế trên sổ cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

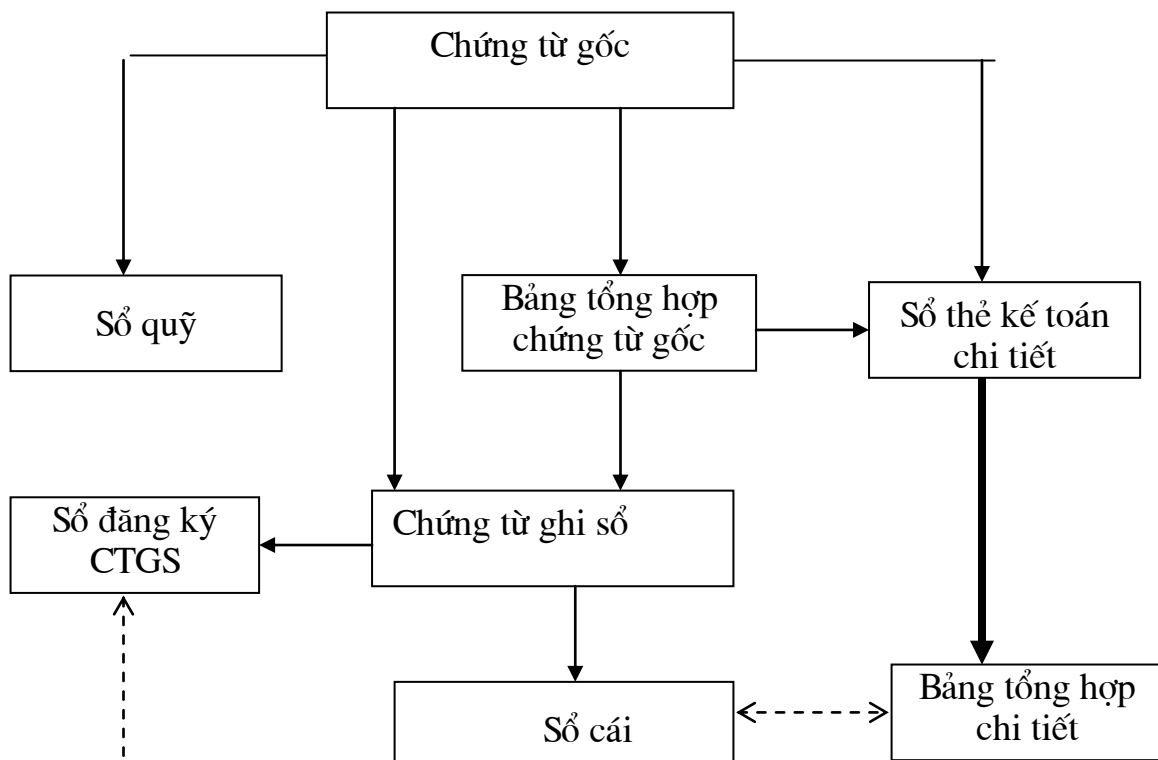
Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký - Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ.
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- Sổ Cái.
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết

Trình tự ghi sổ đ-ợc phản ánh qua sơ đồ sau :

Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức CTGS



————→ : Ghi hàng ngày
————→ : Ghi cuối tháng
<-----> : Đối chiếu

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH MAI LINH HẢI PHÒNG

2.1 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY TNHH MAI LINH HẢI PHÒNG:

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của công ty:

Công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng là một công ty thành viên của tập đoàn Mai Linh Group được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty TNHH Mai Linh số 0203000068 ngày 8/5/2001 do sở kế hoạch đầu tư và phát triển Hải Phòng cấp.

Tên công ty : Công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng

Trụ sở: 221 Lạch Tray- P.Đông Quốc Bình- Q.Ngô Quyền- TP Hải Phòng

Website: www.mailinh.vn

Số điện thoại: 0313 736 666

Mã số thuế: 0200 425 426

Để có một công ty Mai Linh Hải Phòng đang từng bước đi lên như ngày hôm nay thì không thể không nhắc đến Tổng công ty Mai Linh- tiền thân của công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (Mai Linh Group-MLG) được thành lập ngày 12/7/1993 với số vốn ban đầu chỉ là 300 triệu đồng, 2 chiếc xe du lịch 4 chỗ và 25 nhân viên. Hơn 17 năm qua tập đoàn đã tạo được những bước đi vững chắc, liên tiếp gặt hái thành công trên nhiều lĩnh vực.

Năm 2002, chuyển thành công ty cổ phần có vốn điều lệ là 68 tỷ đồng, tổng giá trị tài sản 200 tỷ đồng, trong đó gồm 2000 xe các loại.

Năm 2006 đạt mức tăng trưởng vượt bậc, vốn điều lệ đã là 380 tỷ đồng, tổng giá trị tài sản là 1000 tỷ đồng, trong đó gồm 4000 xe taxi các loại, 250 xe tốc hành 16 chỗ ngồi, 250 xe cho thuê.

Năm 2007, vốn điều lệ tăng lên 980 tỷ đồng, phát hành được 32.716.427 cổ phần, nâng tổng vốn lên 707.164.270.000 (tương đương 70.716.427. Doanh thu đạt trên 2.400 tỷ đồng tăng 100,08% so với năm 2006. Cũng năm 2007, MLG đã đầu tư vào các công ty 100% vốn của công ty tại Mỹ, Campuchia, Lào.

Mai Linh đã được trung tâm Vietbook ghi nhận là đơn vị có số lượng xe nhiều nhất Việt Nam. Hiện nay, Mai Linh đã mở rộng hoạt động kinh doanh tại 54 tỉnh thành trong cả nước với trên 100 công ty thành viên thuộc 8 lĩnh vực ngành nghề, Mai Linh đã thu hút được trên 15 000 cán bộ nhân viên làm việc tại 6 khu vực trong cả nước và nước ngoài.

Trong đó, công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng được thành lập năm 2001, với tổng số vốn ban đầu là 12 tỷ đồng. Công ty hoạt động trên cơ sở số xe taxi đi thuê. Nhờ có kinh nghiệm và đội ngũ quản lý, kinh doanh năng động, nhiệt tình, kịp thời đưa ra những quyết định đúng đắn đã đóng góp vào sự lớn mạnh của công ty trong 9 năm qua.

2.1.2 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty là: vận chuyển khách bằng xe taxi. Ngoài ra, công ty còn kinh doanh các ngành nghề khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, cố định, theo hợp đồng.

- Đại lý bán vé máy bay trong nước và quốc tế, vé tàu hỏa, tàu cánh ngầm.
- Đại lý du lịch, điều hành tour du lịch, hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch.
- Vận tải hàng hoá đường bộ.
- Vận tải hành khách, hàng hoá đường biển và viễn dương, đường thủy nội địa.
- Du lịch hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường thủy.
- Kinh doanh xăng dầu, ô tô và phụ tùng ô tô, động cơ khác.
- Bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy, ô tô và xe có động cơ khác.
- Kinh doanh tàu, thuyền, đóng tàu, thuyền, xuống thể thao, giải trí.
- Quảng cáo, dịch vụ chuyển phát nhanh, kho bãi.

Với những chức năng nhiệm vụ như trên, công ty TNHH Mai Linh là công ty hoạt động đa ngành đa nghề và có nhiều cơ hội mở rộng đầu tư và phát triển.

2.1.3 Những thuận lợi và khó khăn của công ty :

*** Thuận lợi:**

- Công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng là công ty thành viên của tập đoàn Mai Linh- một tập đoàn lớn nhất nhì của cả nước và là một tập đoàn có uy tín trong lĩnh vực kinh doanh taxi. Tập đoàn Taxi Mai Linh đã xây dựng và phát triển hơn 17 năm qua. Thương hiệu và tên tuổi của Mai Linh đã và đang có mặt ở khắp 64 tỉnh thành trên khắp cả nước. Nó còn đang vươn xa ra thị trường thế giới, năm 2007 tập đoàn đã đầu tư ở Lào và Campuchia, đến nay nó còn vươn xa ra các thị trường mới và rộng hơn như: Trung Quốc, Nga, Hoa Kỳ... Đây chính là nền tảng vững chắc cho Mai Linh Hải Phòng phát triển vững chắc.

- Hiện nay, nhu cầu đi lại của người dân đã khác xưa, không còn quan điểm “đi lại bằng taxi phải thuộc một đẳng cấp cao”, mà taxi đã trở thành một phương tiện thông thường. Theo số liệu thống kê của Bộ công an và ban an toàn giao thông quốc gia thì 70-80% những vụ tai nạn giao thông gây thương tích và chết người đều liên quan đến xe máy bởi vì xe máy chỉ có 2 bánh, an toàn không đảm bảo, không có vỏ bảo vệ, nên độ an toàn thấp hơn rất nhiều so với ô

tô. Nhu cầu taxi ở thị trường Hải Phòng ngày càng cao, đặc biệt là đám cưới hỏi, đám cúng, việc đánh xe thuê cho các công ty khác... Mức sống tăng cao, nhu cầu ấy lại bức thiết hơn bao giờ hết.

- Công ty cơ cấu lại đội ngũ quản lý, nâng cao trình độ chuyên môn, cùng với việc tuyển chọn những lái xe có tay nghề cao. Công ty đặc biệt chú trọng đến sự hiểu biết các tuyến đường của các lái xe và ứng xử giao tiếp với khách hàng, giải quyết các tranh chấp, chú trọng đến việc tăng quy mô, nâng cao thương hiệu của taxi Mai Linh trên địa bàn. Mật độ xe được phân bố khắp nơi thuận tiện cho việc vận chuyển khách hàng nhanh chóng.

*** Khó khăn:**

- Theo thống kê năm 2009, ở Hải Phòng có hơn 30 hãng taxi. Vì vậy, để có thể chiếm lĩnh thị trường, lấy được sự ủng hộ và niềm tin của khách hàng Mai Linh Hải Phòng cần nỗ lực rất nhiều.

- Tổng số đầu xe của công ty vẫn chưa phải là lớn nhất, nhưng hướng đến năm 2015 Mai Linh Hải Phòng có thể chiếm lĩnh được 40% thị trường và đóng góp chung cho sự phát triển lớn mạnh của tập đoàn vươn xa hơn trên trường quốc tế.

- Trong những năm gần đây nền kinh tế có nhiều biến động phức tạp. Trong đó sự biến động của giá nhiên liệu xăng dầu ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của công ty.

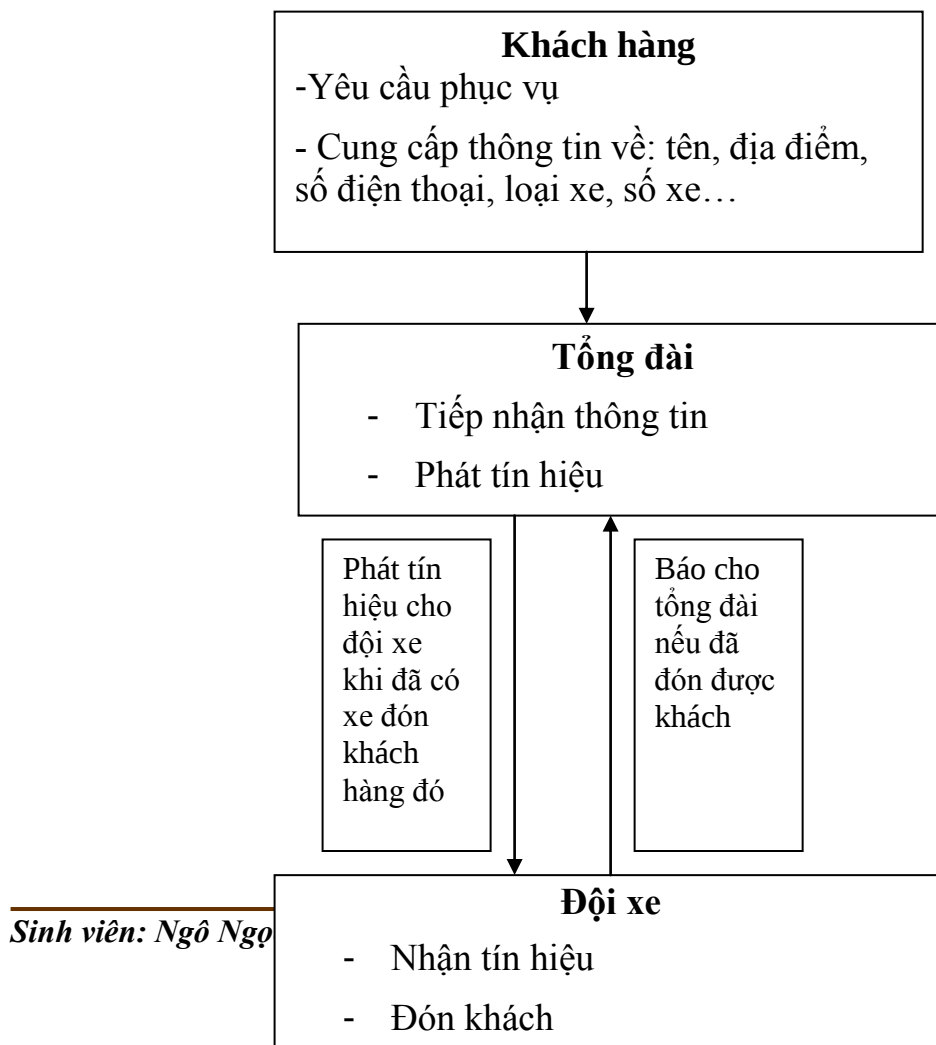
Tạo dựng doanh nghiệp với thương hiệu Mai Linh nổi tiếng khắp cả nước và trên trường quốc tế đã và đang là nhiệm vụ mà mỗi thành viên của gia đình Mai Linh phải hướng đến. Công ty TNHH Mai Linh phát triển đã hơn 9 năm qua đang từng bước nâng cao chất lượng phục vụ, đặc biệt là đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật làm thỏa mãn nhu cầu của khách hàng.

2.1.4 Quy trình sản xuất kinh doanh của công ty:

Xét trên góc độ khách hàng, việc tổ chức phục vụ đơn giản và dễ thực hiện. Khi khách hàng có nhu cầu đi taxi, chỉ cần gọi đến số 0313.833.833, bộ phận tổng đài sẽ tiếp nhận thông tin của vị khách và phát đến các xe taxi. Xe nào đón khách trước sẽ báo cho bộ phận tổng đài, thông báo cho các taxi khác.

Tuy nhiên, xét về mặt quản lý, mặc dù công ty áp dụng các máy móc, thiết bị hiện đại để đo lường thời gian và quãng đường để tính doanh thu. Nhưng khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển, để thuận tiện hơn trong việc điều hành và phục vụ khách hàng tận tình chu đáo, nhanh chóng thì việc ứng dụng công nghệ 3G là cần thiết. Việc định vị được vị trí đội xe giúp công ty quản lý tốt công tác điều hành sản xuất kinh doanh. Dự kiến đến năm 2011 công ty áp dụng hình thức kinh doanh độc đáo và tiện nghi này để giúp công ty vươn rộng hơn nữa trên thị trường Hải Phòng nói riêng và các tỉnh khác nói riêng, đóng góp cho tập đoàn thêm lớn mạnh.

SƠ ĐỒ QUY TRÌNH HOẠT ĐỘNG



2.1.5 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty:

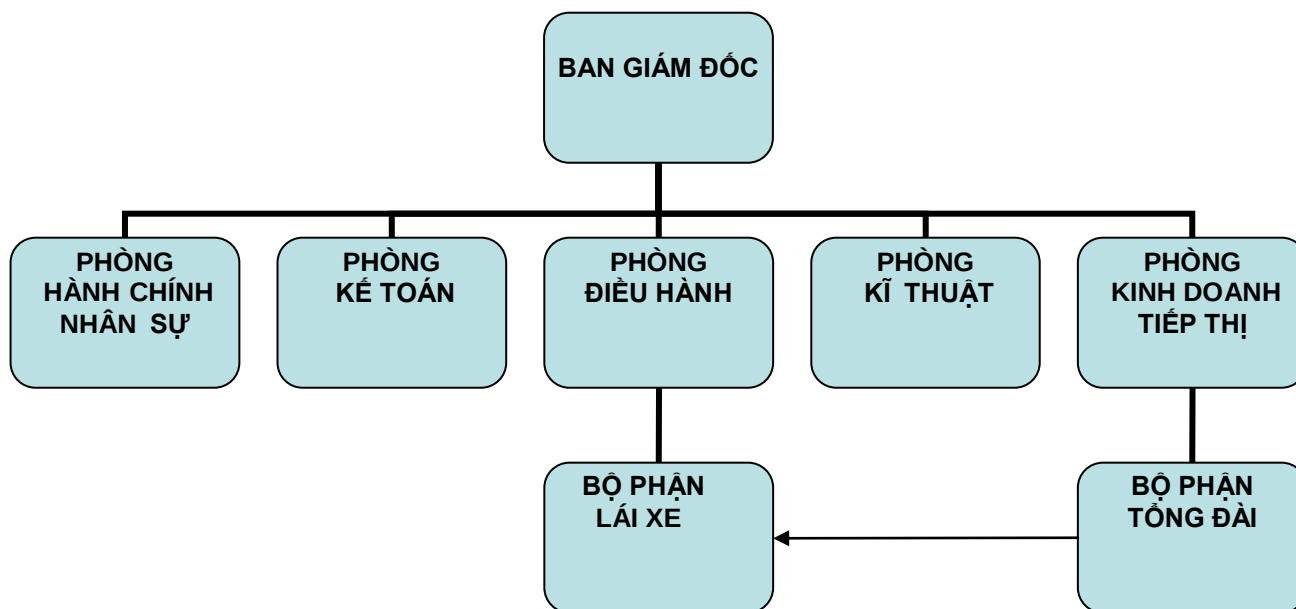
Năm 2010 tổng số lao động của công ty là 333 người được thể hiện qua bảng cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý sau:

BẢNG CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

STT	Chức năng	Tổng số	Trình độ nhân viên				Trình độ công nhân							
			Sau đại học	Đại học	Trung cấp	Sơ cấp	Không bằng cấp	Bậc 7	Bậc 6	Bậc 5	Bậc 4	Bậc 3	Bậc 2	LĐ phổ thông
1	Giám đốc	1		1										
2	Phòng kế toán	8		4	4									
3	Phòng nhân sự	5		2	3									
4	Phòng kinh doanh	6		2	4									
5	Phòng điều hành	3		1	2									
6	Phòng kỹ thuật	18		2	7	9								
7	Lái xe	288			288									

8	Bảo vệ	4											4
Tổng		333		12	308	9							4

SƠ ĐỒ CƠ CẤU QUẢN LÝ TỔ CHỨC CÔNG TY TNHH MAI LINH HẢI PHÒNG



* Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban:

- **Ban giám đốc:** đứng đầu công ty. Mọi hoạt động của công ty được giao cho giám đốc công ty trực tiếp điều hành, đại diện cho toàn thể cán bộ của công ty, phụ trách chung các mặt hoạt động của công ty, đồng thời có quyền quyết định việc điều hành công ty theo đúng kế hoạch, chính sách chế độ.
- **Phòng hành chính nhân sự:** tham mưu giúp việc cho giám đốc về công tác quản trị nhân sự, bảo hiểm lao động. Tư vấn hỗ trợ các phòng ban thực hiện đồng thời rà soát và kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch công ty. Thực thi công tác quản trị nhân sự, lao động tiền lương, xây dựng lựa chọn các phương án tổ chức bộ máy quản lý. Tham gia nghiên cứu xây dựng quy chế, chính sách liên quan đến nguồn nhân lực của công ty hợp lý và phù hợp với hoạt động của công ty. Tham gia trong công tác quản lý huấn luyện- đào tạo bảo hộ lao động. Bảo quản sổ liệu sổ sách tài liệu. Thực hiện công tác báo cáo định kỳ hoặc theo yêu cầu đột xuất của ban giám đốc.

- **Phòng kế toán:** Tham mưu giúp việc cho giám đốc về việc thực hiện công tác tài chính- kế toán công ty. Thực hiện pháp lệnh kế toán- thống kê, các quy định điều lệ quy chế quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh và các quy định hiện hành khác. Thực hiện quá trình quản lý tài chính tại công ty, đảm bảo theo dõi đầy đủ về mọi quá trình sử dụng nguồn vốn và tài sản của công ty. Xây dựng kế hoạch tài chính ngắn hạn và dài hạn của công ty, có tính chất chiến lược, các biện pháp bảo toàn vốn. Tham mưu cho giám đốc duyệt các khoản thu-chi đúng nguồn quy định. Đề xuất các biện pháp phù hợp để giải quyết các khoản công nợ đặc biệt là các khoản nợ khó đòi, thiếu hụt mất mát hư hỏng tài sản cũng như giải quyết các hình thức tiêu cực vi phạm nguyên tắc tài chính của công ty.

- **Phòng kinh doanh tiếp thị:** Tham mưu giúp việc cho ban giám đốc quản lý và chỉ đạo công tác kinh doanh- tiếp thị đối với tất cả các loại hình hoạt động kinh doanh, khai thác dịch vụ công ty. Nghiên cứu cung cấp thông tin về nhu cầu và hành vi tiêu dùng của khách hàng, thông tin về tình hình cạnh tranh cho các cấp điều hành công ty. Tham gia hoạch định chiến lược, sách lược chương trình tiếp thị, bán hàng của công ty. Đảm bảo ổn định và ngày càng nâng cao doanh thu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Tổ chức thường xuyên các hoạt động nghiên cứu thị trường. Hoạch định điều hành các chiến lược quảng cáo tiếp thị. Xây dựng chính sách khách hàng và phối hợp cung cấp các dịch vụ khách hàng, phối hợp cùng phòng ban khác đưa ra các giải pháp phân phối, giá cả đối với các sản phẩm dịch vụ của công ty để đạt mục tiêu kinh doanh đề ra. Tham mưu đề xuất với giám đốc khai thác các loại hình dịch vụ mới.

- **Phòng kỹ thuật:** Tham mưu giúp việc cho giám đốc quản lý kỹ thuật các phương tiện vận tải, trang thiết bị phục vụ bảo dưỡng sửa chữa và các trang thiết bị khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn công ty. Tiếp nhận và quản lý các quy trình công nghệ, kỹ thuật và giám sát việc thực hiện các trang thiết bị khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn công ty. Tiếp nhận và quản lý các quy trình công nghệ, kỹ thuật giám sát việc thực hiện các quy trình này, thực hiện công tác quản lý kỹ thuật đối với toàn bộ phương tiện vận tải, trang thiết bị phục vụ bảo dưỡng sửa chữa và các trang thiết bị khác phục vụ cho hoạt động sản xuất của công ty. Kiểm tra chất lượng vật tư, trang thiết bị -

phụ tùng mua vào cũng như cấp phát cho quá trình sản xuất kinh doanh theo quy định.

- **Phòng điều hành:** tham mưu giúp việc cho giám đốc trong việc thực hiện công tác ngoại giao, đối nội, đối ngoại công tác quản trị hành chính văn phòng, công tác tuyên truyền, công tác thuê mua khảo sát thiết kế, xây dựng quản lý đất đai- nhà xưởng- công trình phúc lợi, công tác y tế dự phòng, vệ sinh môi trường khảo sát, các chế độ quản lý theo dõi sức khỏe, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội. cung cấp dịch vụ hành chính quản trị văn phòng đảm bảo việc quản lý và điều hành công ty như : lưu trữ luân chuyển hồ sơ và thông tin quản lý trong các cấp của công ty. Làm các thủ tục liên quan đến pháp luật và bảo quản hồ sơ pháp lý về các hoạt động của công ty. Làm công việc tổ chức, khánh tiết, phục vụ hội nghị của công ty, hướng dẫn khách đến cơ quan hội họp làm việc, có biện pháp quản lý và sử dụng con dấu, bảo vệ bí mật của công ty và nhà nước.

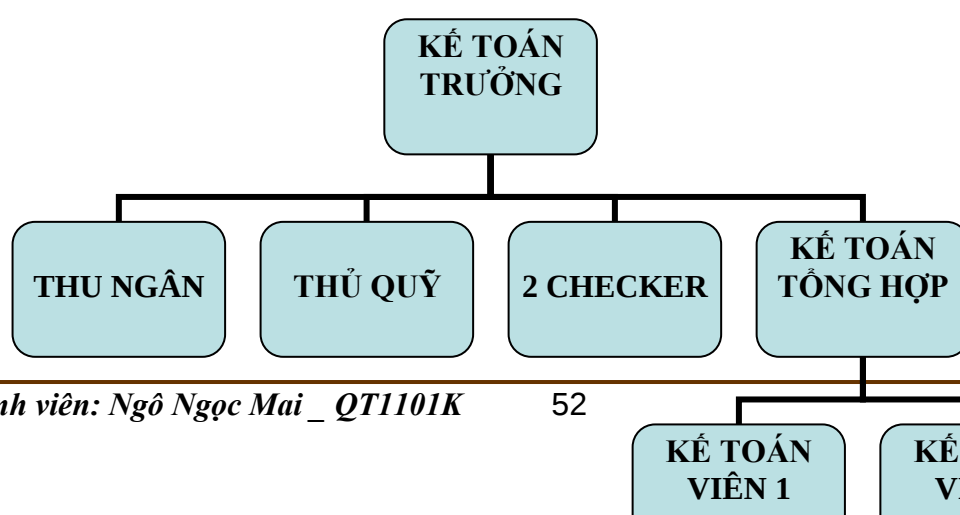
2.1.6 Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của công ty:

❖ Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của công ty:

Bộ máy kế toán được tổ chức theo hình thức tập trung. Mọi công việc kế toán đều được thực hiện ở phòng kế toán và chịu sự kiểm soát của kế toán trưởng. Không tổ chức kế toán riêng ở các bộ phận mà chỉ phân công công việc cho kế toán viên.

Cơ cấu bộ máy kế toán của công ty: đứng đầu là kế toán trưởng, kế toán viên chịu sự lãnh đạo trực tiếp của kế toán trưởng. Để phù hợp với quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần tiết kiệm giảm lao động gián tiếp, bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo sơ đồ sau:

CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ PHẬN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN



❖ Chức năng và quyền hạn của mỗi kế toán:

Để đạt được những hiệu quả như hiện tại nhờ một phần lớn vào sự phân công hợp lý và tinh thần hợp tác, nhiệt tình làm việc của bộ máy kế toán. Cụ thể chức năng, nhiệm vụ của từng nhân viên trong phòng kế toán được phân chia như sau:

*** Kế toán trưởng:**

-Kiểm tra, giám sát việc thu chi tài chính của công ty theo đúng chế độ tài chính của nhà nước và quy định của công ty

-Tổ chức bộ máy kế toán tài chính toàn công ty, phân cấp chỉ đạo các công việc trong phòng đảm bảo thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước và của công ty.

-Lập kế hoạch tài chính đề xuất và điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với tình hình thực tế của công ty và thị trường.

-Hướng dẫn cán bộ kế toán thực hiện nghiệp vụ kế toán đúng quy định của Nhà nước

-Kiểm tra việc hoàn thành công việc phân công, chịu trách nhiệm trước giám đốc về sự trung thực của số liệu báo cáo.

-Phối hợp với các phòng kỹ thuật, kinh doanh và các phòng chức năng khác trong các phương án phân phối tiền lương, tiền thưởng, phân phối lợi nhuận theo quy định của công ty.

*** Kế toán tổng hợp:**

- Tập hợp công nợ phải thu, phải trả

- Lập báo cáo thuế, báo cáo thống kê, quyết toán thuế, kê khai thuế,

- Lập báo cáo tháng: báo cáo tài chính, lập sổ kế toán hàng tháng

*** Kế toán viên 1:**

- Thu chi tiền mặt: phiếu thu, kiểm soát, hạch toán thu chi tiền mặt, sổ quỹ tiền mặt, ...
- Lưu hồ sơ thu, chi, nhật trình xe.
- Giao dịch ngân hàng: uỷ nhiệm chi, hạch toán thu, chi ngân hàng, sổ cái, sổ phụ ngân hàng, các công việc khác liên quan đến ngân hàng
- Theo dõi các khoản phải thu khách hàng
- Tiến độ thu tiền khách hàng, kiểm tra phiếu thu phát ra, cập nhật số liệu phải thu chi hàng ngày, báo cáo các khoản phải thu, thu được trong tuần trong tháng.
- Thanh toán lương tiếp thị
- Theo dõi trả gốc và lãi các hợp đồng vay ngân hàng.
- Theo dõi hoá đơn và các chứng từ doanh thu khác: hoá đơn GTGT, thẻ, báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn, in và đăng ký lưu hành hoá đơn đặc thù,
- Theo dõi hoa hồng, khuyến mại: kiểm soát chi tiền hoa hồng, khuyến mại, quảng cáo, hạch toán chi phí hoa hồng, khuyến mại, quảng cáo, tổng hợp chi phí hoa hồng, khuyến mại quảng cáo.

*** Kế toán viên 2:**

- Phụ trách tính lương cho các lao động trong công ty theo chế độ hiện hành của nhà nước
- Mọi trường hợp tăng giảm TSCĐ kế toán TSCĐ đều lập chứng từ kế toán để làm căn cứ pháp lý cho việc ghi chép kiểm tra.
- Kế toán TSCĐ mở sổ theo dõi chi tiết cho từng TSCĐ, từng nhóm, loại TSCĐ và theo nơi sử dụng TSCĐ đó.
- Thẻ TSCĐ do kế toán TSCĐ lập và phải được kế toán trưởng xác nhận. Thẻ được lưu phòng kế toán trong suốt quá trình sử dụng tài sản
- Tiến hành kiểm kê tài sản vào cuối năm'
- Có trách nhiệm theo dõi và kế toán các khoản công nợ vào sổ sách.

- Theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phải trả, thúc giục các đơn vị thanh toán các khoản nợ đúng thời hạn đã cam kết
- Các khoản công nợ bằng ngoại tệ phải được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng theo nguyên tệ và bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá quy định.
- Đối với các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng kế toán phải theo dõi chi tiết số tiền vay, số tiền vay đã trả (gốc + lãi), số tiền vay còn phải trả theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay...
- Kế toán công nợ phải thường xuyên đối chiếu công nợ với khách hàng bằng văn bản, nếu phát hiện chênh lệch phải tìm ra nguyên nhân và phương hướng xử lý.

***Thủ quỹ:**

- Quản lý tiền mặt: thu chi tiền mặt, nộp rút tiền gửi ngân hàng, kiểm quỹ hàng tuần.
- Quản lý thẻ COUPON.
- Kiểm tra thẻ taxi hàng ngày

*** Checker:**

- Kiểm tra đồng hồ tính tiền của các lái xe.
- Lập bảng kê doanh thu lái xe.

*** Thu ngân:**

- Phụ trách thu tiền doanh thu hàng ngày của các lái xe theo bảng kê doanh thu lái xe của các checker.

2.1.7 Hình thức kế toán áp dụng tại công ty:

Với đặc điểm là công ty có nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh, nên để thuận tiện cho công tác ghi chép sổ sách một cách chính xác, hiệu quả, công ty đã áp dụng hình thức kế toán **chứng từ ghi sổ**.

Theo hình thức kế toán này, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được phản ánh ở chứng từ gốc, tổng hợp lập chứng từ ghi sổ. Việc ghi sổ kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được tiến hành tách rời việc ghi theo thứ tự thời gian và ghi theo hệ thống tách rời việc ghi sổ kế toán tổng hợp với sổ kế toán chi tiết.

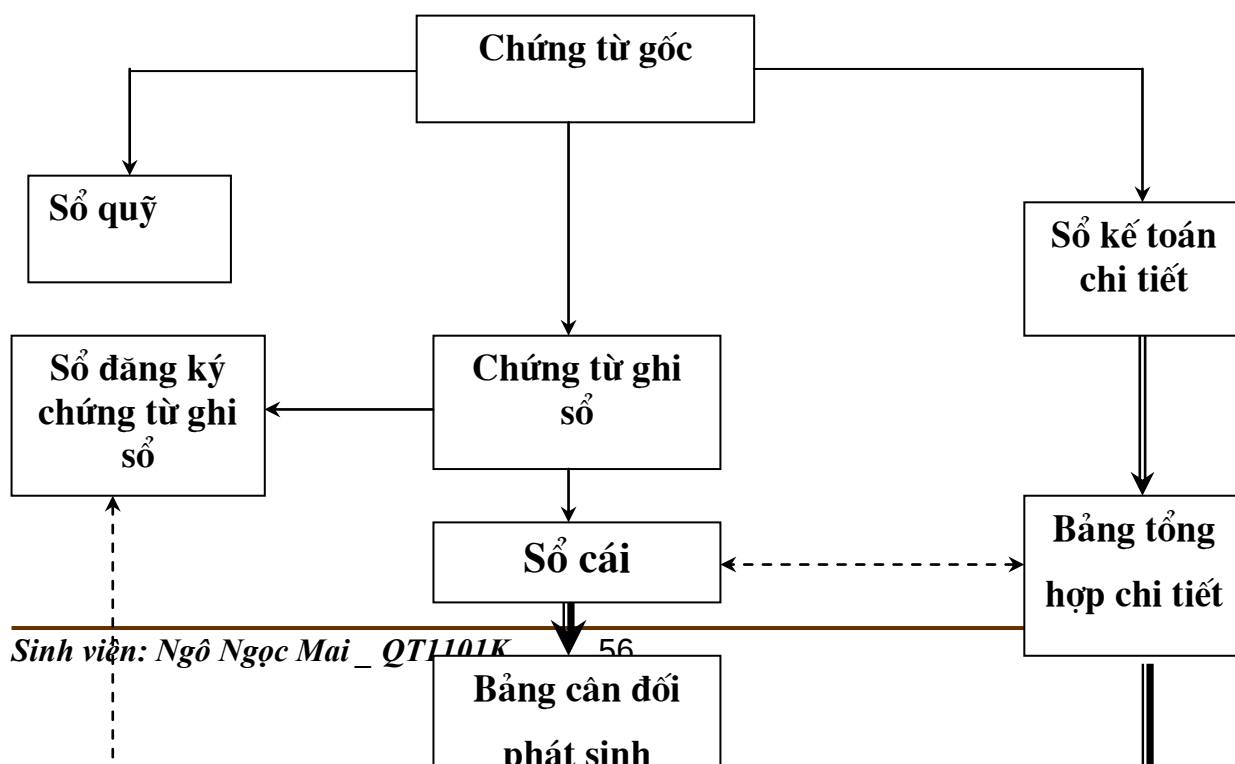
Hàng ngày, kế toán căn cứ chứng từ kế toán đã kiểm tra để lập chứng từ ghi sổ. Chứng từ ghi sổ sau khi đã lập xong chuyển cho Kế toán trưởng duyệt, rồi chuyển cho kế toán tổng hợp đăng ký vào sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ để ghi sổ và ngày tháng vào chứng từ ghi sổ. Chứng từ ghi sổ sau khi đã ghi vào sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ mới được sử dụng để ghi vào sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sau khi phản ánh tất cả chứng từ ghi sổ đã lập trong tháng vào sổ cái, kế toán tiến hành cộng số phát sinh nợ, số phát sinh có và tính số dư cuối tháng của từng tài khoản. Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu trên sổ cái được sử dụng lập "Bảng cân đối tài khoản".

Đối với các tài khoản phải mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì chứng từ kế toán và chứng từ ghi sổ là căn cứ vào sổ, thẻ kế toán chi tiết theo yêu cầu của từng tài khoản. Cuối tháng tiến hành cộng các sổ, thẻ kế toán chi tiết, lấy kết quả lập Bảng Tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản tổng hợp để đối chiếu với số liệu trên sổ cái của từng tài khoản đó. Các Bảng Tổng hợp chi tiết của từng tài khoản sau khi đối chiếu được dùng làm căn cứ lập Báo cáo tài chính.

Quy trình kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ ở công ty diễn ra theo sơ đồ sau:

Sơ đồ ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ.



Ghi chú:

→	Ghi hàng ngày
⇒	Ghi cuối tháng
⇒	Ghi cuối năm
↔	Đối chiếu kiểm tra

2.1.8 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ra ngày 20 tháng 3 năm 2006 do Bộ tài chính ban hành về Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán khác theo quy định của Nhà nước.

Niên độ kế toán của công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Đồng tiền hạch toán: VNĐ (Việt Nam đồng)

Phương pháp kế toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Xác định trị giá hàng tồn kho theo phương pháp nhập trước xuất trước.

2.2 THỰC TRẠNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH MAI LINH HẢI PHÒNG:

2.2.1 Khái quát chung về tình hình tài sản cố định tại công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng:

TSCĐ của công ty đ-ợc phân chia theo hình thái biểu hiện thành TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình.

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải, vì vậy TSCĐ hữu hình trong công ty phần lớn là các ph- ơng tiện vận tải có giá trị lớn. Công ty

có 3 loại xe chính là: Daewoo Matiz, Chevrolet spark, Vios Limo. Hiện nay, công ty có 140 xe các loại, và đều được hoạt động. Mỗi xe được điều động 2 lái xe thay phiên nhau.

Ngoài các ph- ơng tiện vận tải trong công ty, TSCĐ của công ty còn bao gồm: văn phòng công ty, x- ưởng sửa chữa, bãi đỗ xe, máy móc thiết bị và các TSCĐ hữu hình phục vụ cho hoạt động kinh doanh khác.

Tài sản cố định của công ty được thể hiện trong bảng sau (tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2010):

BẢNG TỔNG HỢP TSCĐ

STT	Loại tài sản	Nguyên giá (đ)	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I	TSCĐ hữu hình	40.165.199.191	3.331.142.700	36.834.056.490
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	1.600.931.000	133.410.925	1.472.856.512
2	Máy móc, thiết bị sản xuất	37.000.000	8.222.223	29.805.555
3	Phương tiện vận tải	38.436.338.190	3.167.988.167	35.262.369.420
4	Máy móc, thiết bị quản lý	90.930.000	21.521.385	69.025.004
II	TSCĐ vô hình	0	0	0
Tổng		40.165.199.191	3.331.142.700	36.834.056.490

2.2.2 Các tài khoản sử dụng:

Để phản ánh tình hình giá trị TSCĐ hiện có và sự biến động của TSCĐ công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng sử dụng chủ yếu các tài khoản về kế toán sau:

TK 211: TSCĐ hữu hình

TK 214: Hao mòn TSCĐ

TK 241: Xây dựng cơ bản dở dang

TK 411: Nguồn vốn kinh doanh

Ngoài ra công ty còn sử dụng các tài khoản liên quan khác nh- : TK 111, 112, 414, 441, 431...

2.2.3 Các loại chứng từ, sổ sách sử dụng:

Xác định TSCĐ là một bộ phận cơ bản nhất của kế toán công ty luôn chú ý tới nguyên tắc thận trọng trong hạch toán, bảo đảm chính xác đối tượng ghi TSCĐ, loại TSCĐ. Việc quản lý và hạch toán luôn dựa trên hệ thống chứng từ gốc.

Đó đây là các loại sổ sách, chứng từ sử dụng trong kế toán TSCĐ tại công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng:

- Sổ, thẻ kế toán chi tiết: là sổ dùng để phản ánh chi tiết cụ thể từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo từng đối tượng kế toán riêng biệt mà trên sổ kế toán tổng hợp chưa phản ánh được.

+) Thẻ TSCĐ : do kế toán TSCĐ lập cho từng đối tượng ghi TSCĐ của doanh nghiệp . Thẻ TSCĐ được lưu ở phòng kế toán trong suốt thời gian sử dụng và được bảo quản trong các hòm thẻ , hòm thẻ phải được sắp xếp khoa học theo từng nhóm, loại, và nơi sử dụng tạo điều kiện thuận lợi cho việc tìm kiếm khi sử dụng .

+) Sổ đăng ký thẻ TSCĐ : Khi lập thẻ TSCĐ cần đăng ký vào sổ đăng ký thẻ TSCĐ nhằm để phát hiện nếu thẻ bị thất lạc.

- Biên bản giao nhận TSCĐ (Mẫu số 01 - TSCĐ)
- Biên bản thanh lý TSCĐ (Mẫu số 03 - TSCĐ)
- Biên bản giao nhận TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành (Mẫu số 04 - TSCĐ)
- Biên bản đánh giá lại TSCĐ (Mẫu số 05 - TSCĐ)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Các tài liệu kỹ thuật liên quan
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 211, TK 214, TK 241...

2.2.4 Kế toán tài sản cố định tại công ty:

2.2.4.1 Kế toán tăng tài sản cố định:

Xuất phát từ nhu cầu của các bộ phận trong công ty, căn cứ vào kế hoạch đầu tư, công ty luôn áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ

tiền tiến vào sản xuất kinh doanh. Vì vậy công ty đã lên kế hoạch mua sắm TSCĐ cho mỗi năm.

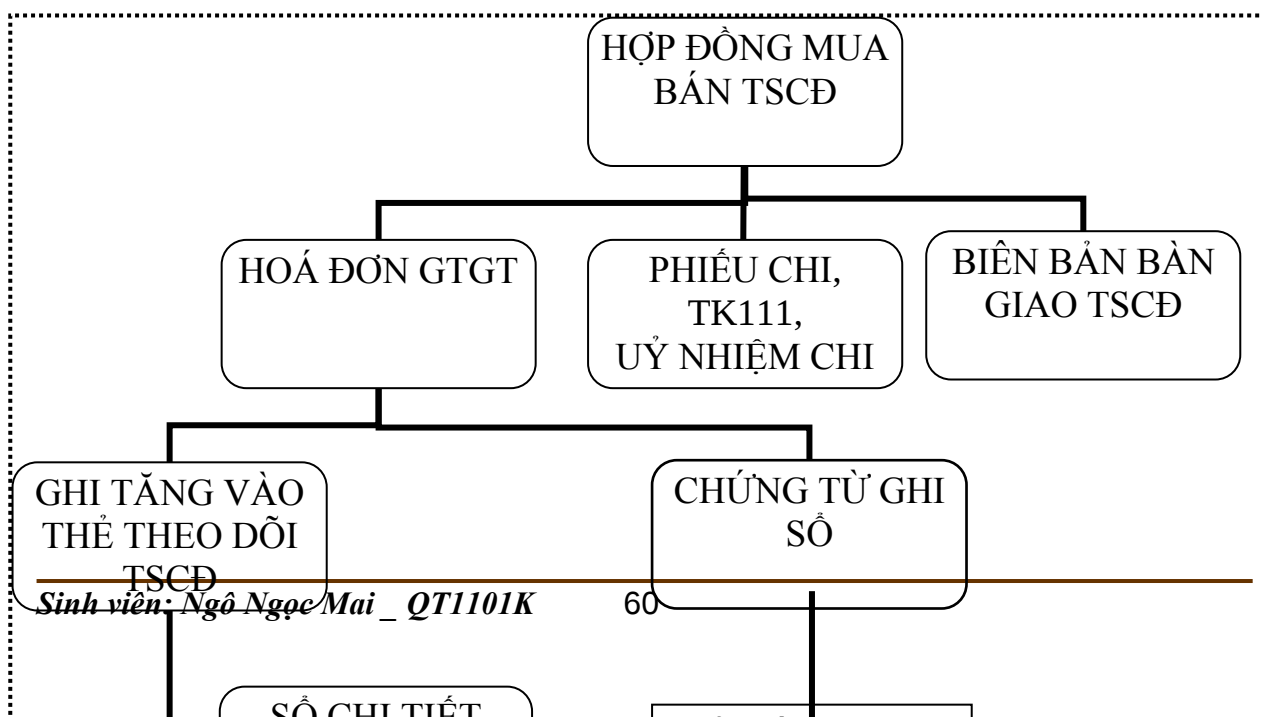
Khi giấy đề xuất mua sắm TSCĐ đ-ợc giám đốc kí duyệt, công ty sẽ tiến hành lập hợp đồng mua bán TSCĐ với bên cung ứng TSCĐ.

Khi TSCĐ đ-ợc chuyển đến công ty, căn cứ vào các chứng từ có liên quan nh- : Hoá đơn GTGT (liên 2 do bên bán đ- a) , Biên bản nghiệm thu tài sản thiết bị, phòng kế toán viết phiếu chi hoặc uỷ nhiệm chi chuyển tiền trả cho bên cung ứng TSCĐ, đồng thời lập Biên bản giao nhận TSCĐ để giao TSCĐ cho đơn vị trực tiếp sử dụng.

Trên cơ sở biên bản bàn giao kế toán lập thẻ tài sản cố định .Từ đó vào sổ chi tiết tài sản cố định. Đồng thời căn cứ vào Hoá đơn GTGT và các chứng từ có liên quan, kế toán tiến hành phản ánh vào chứng từ ghi sổ và sổ cái theo dõi.

Quy trình mua sắm tài sản cố định của công ty đ-ợc thể hiện qua bảng sơ đồ sau:

SƠ ĐỒ QUY TRÌNH MUA SẮM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH



Ví dụ : Ngày 02/03/2010 công ty mua ô tô Chevrolet spark của Công ty Vina star motor để kinh doanh dịch vụ vận tải bằng taxi. Nguyên giá của tài sản là 283.050.000 đồng. Thuế VAT 10%. Công ty đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Quy trình mua xe ô tô Chevrolet spark như sau:

Khi có chữ ký duyệt của Giám đốc về việc mua xe, công ty tiến hành ký Hợp đồng kinh tế 0106-10/HĐMB (**biểu số 2.1**) với công ty Vina star motor.

Sau khi nhận Hoá đơn GTGT AA/2010B số 0010054 (**biểu số 2.2**), công ty thành lập hội đồng bàn giao xe và lập Biên bản giao nhận xe (**biểu số 2.3**) có chữ ký và chứng nhận của cả hai bên.

Từ các chứng từ trên, kế toán viết Ủy nhiệm chi số 03 (**biểu số 2.4**) để thanh toán tiền cho công ty Vina star motor.

Toàn bộ các chứng từ gốc như Hợp đồng kinh tế, Hoá đơn GTGT được gửi về phòng kế toán. Căn cứ vào những chứng từ trên kế toán lập chứng từ ghi sổ (**biểu số 2.5**), sổ cái TK211 (**biểu số 2.6**), sổ chi tiết TK 211 (**biểu số 2.7**), thẻ TSCĐ số 123 (**biểu số 2.8**) và các sổ cái, sổ chi tiết của các TK khác có liên quan.

Biểu số 2.1:

CÔNG TY VINA STAR MOTOR

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SỐ : 0106-10/HĐMB

Độc lập - tự do- hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN XE ÔTÔ

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14/06/2005 và các văn bản hướng dẫn.

- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14/06/2005.

- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của mỗi bên.

Hai bên chúng tôi gồm :

1. CÔNG TY TNHH MAI LINH HẢI PHÒNG (gọi tắt bên A)

Địa chỉ : 221 Lạch Tray-Ngô Quyền- Hải Phòng.

Do ông Hồ Xuân Mùi- Chức vụ giám đốc làm đại diện.

Số tài khoản: **010921398186016** Ngân hàng: Techcombank

2. CÔNG TY VINA STAR MOTOR (gọi tắt bên B)

Địa chỉ : Phòng 405-Toà nhà V-tower, 649 Kim Mã- Ba Đình- Hà Nội

Do ông Nguyễn Đình Thanh -Chức vụ phó giám đốc làm đại diện

Số tài khoản 102010000217541 Ngân hàng : Vietinbank

Cùng nhau thỏa thuận về nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1: Trách nhiệm của bên B

1.1: Bên B cung cấp và lắp đặt cho bên A các thiết bị sau:

STT	Tên thiết bị	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	Xe ô tô Chevrolet spark (Chiều dài 3,5m, Động cơ: 0,8L và 1L, 5 chỗ ngồi, màu trắng và có in logo tên công ty theo đúng yêu cầu, tốc độ tối đa 156km/h)	01	283.050.000	283.050.000
2	Thuế VAT (10%)			28.305.000
3	Tổng cộng			311.355.000

1.2 Chất lượng thiết bị bảo đảm tốt, mới 100%, trên mỗi linh kiện đều dán tem bảo hành của nhà cung cấp .

1.3. Thời hạn giao hàng : sau 6 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Điều 2: Thanh toán

2.1. Tổng giá trị hợp đồng là : 311.355.000 đồng

(**Bằng chữ** : ba trăm m- ời một triệu, ba trăm năm m- ời lăm nghìn đồng chẵn)

2.2. Hình thức thanh toán : chuyển khoản.

2.3. Bên A có trách nhiệm thanh toán ngay khi nhận hàng và hoá đơn tài chính.

Điều 3: Điều kiện bảo hành:

3.1. Bên B chịu trách nhiệm bảo hành theo đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất cho các thiết bị đã cung cấp kể từ ngày ký biên bản bàn giao thiết bị.

3.2. Bên A đảm bảo sử dụng thiết bị đúng yêu cầu kỹ thuật được ghi trong phiếu bảo hành.

Điều 4: Cam kết chung:

4.1. Bên B cam kết : Tiến hành cung cấp, lắp đặt thiết bị theo đúng hợp đồng.

4.2. Bên A cam kết tạo mọi điều kiện về thời gian và địa điểm lắp đặt theo đúng yêu cầu của bên B để bên B tiến hành công việc được thuận lợi và thanh toán cho bên B toàn bộ giá trị của hợp đồng theo đúng thời gian và phương thức đã quy định tại điều 2 ở hợp đồng này.

4.3. Khi có vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng 2 bên cùng bàn bạc giải quyết, trên tinh thần tôn trọng lẫn nhau và tôn trọng pháp luật.

Hợp đồng này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau.

Hải Phòng, ngày 02 tháng 03 năm 2010

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Biểu số 2.2:

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 2: Giao khách hàng

Mẫu số: 01GTKT - 3LL
AA/2010B
0010054

Ngày 02 tháng 03 năm 2010

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY VINA STAR MOTOR.....																	
Địa chỉ: Phòng 405 toà nhà V-Tower, 649 Kim Mã-Ba Đình-Hà Nội																	
Số tài khoản:... 102010000217541MST: 02-00589978																	
Điện thoại:																	
Họ tên ng- ời mua hàng:																	
Tên đơn vị: Công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng.....																	
Địa chỉ : 221 Lạch Tray-Ngô Quyền – Hải Phòng.....																	
Số tài khoản:....010921398186016.....																	
Hình thức thanh toán: CK...MS: <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"><tr><td>0</td><td>2</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"><tr><td>0</td><td>0</td><td>4</td><td>2</td><td>5</td><td>4</td><td>2</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"><tr><td>6</td><td></td><td></td></tr></table>						0	2	0	0	4	2	5	4	2	6		
0	2																
0	0	4	2	5	4	2											
6																	
STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số l- ợng	Đơn giá	Thành tiền												
A	B	C	1	2	3=1x 2												
1	Xe ô tô Chevrolet spark	Cái	01	283.050.000	283.050.000												
Cộng tiền hàng:					283.050.000												
Thuế suất GTGT:10%		Tiền thuế GTGT:			28.305.000												
Tổng cộng tiền thanh toán:					311.355.000												
Số tiền viết bằng chữ : Ba trăm m- ời một triệu, ba trăm năm m- ời lăm nghìn đồng chẵn.																	
Ng- ời mua hàng		Ng- ời bán hàng		Thủ tr- ợng đơn vị													

Biểu số 2.3:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - tự do - hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO NHẬN TSCĐ

Ngày 02 tháng 03 năm 2010

Số: 12

Căn cứ QĐ số: 1052 ngày 25/02/2010 của công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng về việc mua sắm TSCĐ

Bản giao nhận tài sản cố định gồm:

Đại diện bên A

Ông : Trần Đức Quân

Chức vụ: phó giám đốc

Đại diện bên B

Ông : Lí Việt Anh

Chức vụ: Chủ nhiệm cửa hàng

Địa điểm giao nhận TSCĐ:

Công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng

Xác nhận việc giao nhận TSCĐ nh- sau:

STT	Tên quy cách, mã hiệu số liệu TSCĐ	Tổng giá thanh toán	
		Nguyên giá	Thuế GTGT
1	Xe ô tô Chevrolet spark (Chiều dài 3,5m Động cơ: 0,8L và 1L)	283.050.000	28.305.000

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Biểu số 2.4:

ỦY NHIỆM CHI

Số: 03

CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN THU, ĐIỆN Lập ngày: 02/03/2010

Tên đơn vị trả tiền: **Công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng**

Số tài khoản: **010921398186016**

Tại ngân hàng: Techcombank

Tỉnh, thành phố: Hải Phòng

Tên đơn vị nhận tiền: **Công ty Vina star motor**

Số tài khoản: **102010000217541**

Tại ngân hàng: Vietinbank

Tỉnh, thành phố: Hà Nội

PHẦN DO N.H GHI

TÀI KHOẢN NỢ

TÀI KHOẢN CÓ

Số tiền bằng chữ: **Ba trăm mười một triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng chẵn.**

Số tiền bằng số:

311.355.000

Nội dung thanh toán: Thanh toán tiền mua xe ô tô Chevrolet spark

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN

NGÂN HÀNG A:

NGÂN HÀNG B:

Kế toán Chủ tài khoản Ghi sổ ngày: 02/03/2010

Kế toán Kế toán trưởng Trưởng ĐV

Ghi sổ ngày: 02/03/2010

Kế toán Kế toán trưởng Trưởng ĐV

Biểu số 2.5:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH

Mẫu số S02a - DN

CÔNG TY TNHH MAI LINH HẢI PHÒNG

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 08/03

Ngày 02 tháng 03 năm 2010

Đơn vị: đồng

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	D	E
.....				
Mua xe chevrolet spark biển số 16N-4193	211		283.050.000	
	133		28.305.000	
		112	311.355.000	
Mua xe Vios Limo biển số 16N-4194	211		480.266.144	
	133		48.026.614	
		112	528.292.758	
.....		...		
Tổng			1.822.143.734	

Kèm theo 02 Chứng từ gốc

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Biểu đồ 2.6:

CÔNG TY TNHH MAI LINH HẢI PHÒNG

221 Lạch Tray-Ngô Quyền-Hải Phòng

SỔ CÁI TK 211

Tên tài sản: TSCĐHH

Tháng 3/2010

Mẫu số S02c2 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền		Tài khoản cấp 2							
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	...		TK21131		TK21132			
							Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu tháng		26.154.852.292									
			Số phát sinh tháng											
...	...	...		...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/03	08/03	31/3	Mua xe Cherrolet spark biển số 16N-4193	112	283.050.000				283.050.000					
...	...	...		...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh tháng		1.532.253.000	526.784.216								
			Số dư cuối tháng		27.160.321.070									

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Biểu số 2.7:

CÔNG TY TNHH MAI LINH HẢI PHÒNG

221-Lạch Tray-Ngô Quyền -Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT TK21131-PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI

Loại TSCĐ: Xe Chevrolet spark

Năm 2010

S T T	Ghi tăng TSCĐ							Ghi giảm TSCĐ			Kế hoạch KH		Giá trị còn lại			
	Ngày	Tên đặc điểm KH	Biển kiểm soát	Số khung	Số máy	Tgian đưa vào sử dụng	Nguyên giá TSCĐ	Ngày	Nguyên giá TSCĐ giảm	Số đã KH	Chế độ KH tháng	Số KH tháng (VNĐ)	Tháng KH lũy kế	Số KH đã trích các năm trước chuyển sang	Tháng KH năm 2010	Giá trị còn lại
...	..										...	...	...	...	...	
11	2/03/10	Spark	16N-4193	1652	0169	02/3/10	283.050.000				84	3.369.643			1	279.680.357
12	16/3/10	Spark	16N-4194	1645	0745	16/6/10	283.050.000				84	3.396.643			1	279.680.357
13	16/3/10	Spark	16N-4195	1643	0670	16/6/10	283.050.000				84	3.369.643			1	279.680.357
14	16/3/10	Spark	16N-4196	1627	0623	16/6/10	283.050.000				84	3.369.643			1	279.680.357
...								...		...	...				...	
Cộng							2.547.450.000					30.326.787				2.517.123.213

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Biểu số 2.8:

CÔNG TY TNHH MAI LINH HẢI PHÒNG

THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH/ FIXED ASSETS CARD

Số/No: 123

Ngày 02 tháng 03 năm 2010

Tên tài sản: Ô tô chevrolet spark

Biển số : 16N- 4193

Loại tài sản: Ph- ơng tiện vận tải

Số hiệu TSCĐ: PT75

Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ: Số 123 ngày 02 tháng 03 năm 2010

N- ớc sản xuất: Liên doanh

Bộ phận quản lí, sử dụng: Kinh doanh

Năm đ- a vào sử dụng: 2010

Công suất (Diện tích) thiết kế : Chiều dài 3,5m. Động cơ: 0,8L và 1L

Đình chỉ sử dụng TSCĐ ngày....thángnăm.....Lí do đình chỉ:.....

Số hiệu CT	Nguyên giá tài sản cố định			Giá trị hao mòn TSCĐ		
	Ngày tháng	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
PT05	02/03/2010	Ô tô chevrolet spark	283.050.000	2010		

KẾ TOÁN LẬP

KẾ TOÁN TR- ỜNG

2.2.4.2 Kế toán giảm tài sản cố định :

Trong quá trình sử dụng TSCĐ sẽ dẫn đến một số TSCĐ bị cũ, hao mòn, lạc hậu, không phù hợp với công việc sản xuất kinh doanh của công ty thì sẽ bị loại bỏ. Khi TSCĐ bị hỏng không sử dụng được mà việc sửa chữa lại để dùng không có hiệu quả thì giám đốc quyết định thanh lý.

Trong thời gian sử dụng, nhiều TSCĐ của công ty vẫn còn dài nh- ng thực sự không có lợi ích cho sản xuất kinh doanh nên để sử dụng chỉ gây lãng phí vốn trong khi công ty lại cần vốn cho việc cải tiến mua sắm máy móc mới nhằm mục đích nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ. Do vậy, công ty cần phải thanh lý hoặc nh- ợng bán TSCĐ đi để có thể thu hồi vốn nhanh.

Khi công ty muốn thanh lý TSCĐ đã cũ và hoạt động kém hiệu quả, công ty phải lập “Tờ trình xin thanh lý TSCĐ” gửi lên đại hội cổ đông trong đó bao gồm các nội dung chính sau:

- Lý do xin thanh lý, nh- ợng bán.
- Các loại TSCĐ xin thanh lý, nh- ợng bán.

Sau khi tờ trình được duyệt, công ty thành lập hội đồng thanh lý (gồm đại diện phòng kỹ thuật và đại diện phòng kế toán). Hội đồng thanh lý chịu trách nhiệm xem xét, đánh giá thực trạng chất lượng, giá trị còn lại của tài sản đó, xác định giá trị thu hồi, xác định chi phí thanh lý bao gồm chi phí vật tư, chi phí cho nhân công để tháo dỡ, tháo bỏ, thu hồi.

Các chứng từ liên quan đến thanh lý TSCĐ bao gồm:

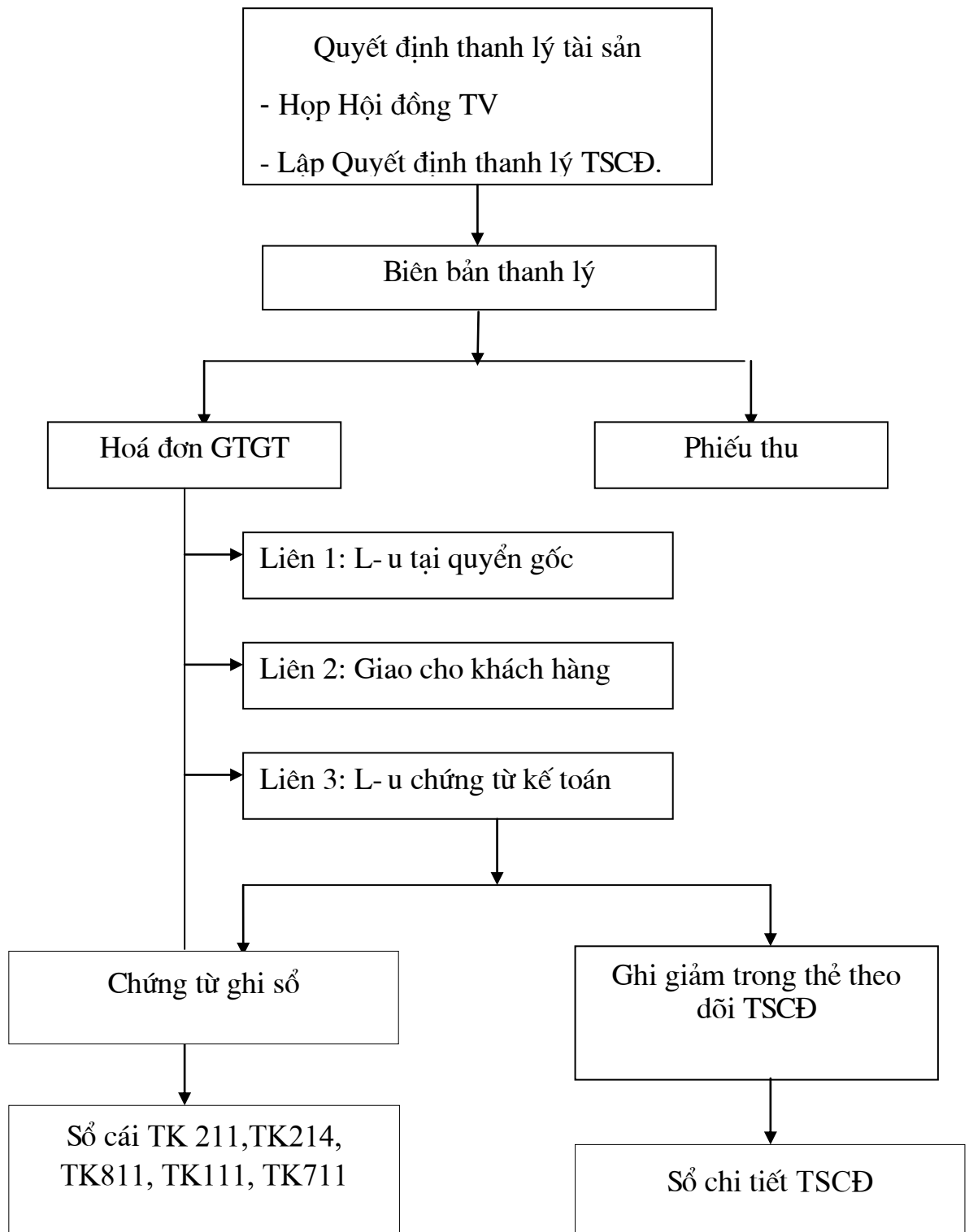
- Tờ trình xin thanh lý
- Biên bản xác định hiện trạng
- Quyết định cho phép thanh lý
- Biên bản thanh lý TSCĐ

Các chứng từ trên là căn cứ để kế toán ghi giảm TSCĐ trong sổ kế toán.

Khi tiến hành thanh lý cần lập một hội đồng thanh lý tiến hành công việc đánh giá tài sản theo hiện trạng, tình hình kỹ thuật, giá trị còn lại. Kèm theo biên bản thanh lý TSCĐ. Kế toán căn cứ để huỷ thẻ TSCĐ.

Quy trình thanh lý TSCĐ diễn ra theo sơ đồ sau:

SƠ ĐỒ NGHIỆP VỤ GIẢM TSCĐ DO THANH LÝ



Ví dụ: Nghiệp vụ xảy ra ngày 18/11/2010 tiến hành thanh lý TSCĐ là 1 xe ô tô Vios Limo biển số 16L-3957 cho công ty TNHH Bảo Tiến do hoạt động không hiệu quả.

- Nguyên giá: 418.193.477đ
- Hao mòn lũy kế: 58.127.430đ
- Giá trị còn lại: 360.066.047đ
- Chi phí môi giới: 420.000 đ trả bằng tiền mặt thuế VAT 10%.
- Kết quả thanh lý: 350.000.000 đ thu bằng tiền mặt.

Quá trình thanh lý ô tô Vios Limo diễn ra nh- sau: Tổ tr-ởng đội xe lập tờ trình xin thanh lý ph-ơng tiện vận tải (**biểu số 2.9**). Khi đ-ợc sự đồng ý của giám đốc, công ty lập hội đồng thanh lý ph-ơng tiện vận tải và lập biên bản thanh lý TSCĐ số 27 (**biểu số 2.10**).

Công ty ký hợp đồng mua bán xe ô tô số 102/10-HĐMB (**biểu số 2.11**) với công ty TNHH Bảo Tiến. Hợp đồng đ-ợc lập thành 04 bản , mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị pháp lí nh- nhau.

Sau khi nhận Hoá đơn GTGT UK/2010B số 0011132 (**biểu số 2.12**) và nhận đ-ợc tiền thanh toán từ công ty TNHH Bảo Tiến, kế toán tiến hành phản ánh nghiệp vụ ghi giảm TSCĐ vào chứng từ ghi sổ số 01/11 (**biểu số 2.13**), sổ cái TK 21132 (**biểu số 2.14**), thẻ TSCĐ số 76 (**biểu 2.15**) và các sổ cái, sổ chi tiết các tài khoản liên quan khác.

Biểu số 2.9:**CÔNG TY TNHH MAI LINH HẢI PHÒNG****Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam****221 LẠCH TRAY - NGÔ QUYỀN - HẢI PHÒNG****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****Hải Phòng, ngày 12/10/2010****TỜ TRÌNH XIN THANH LÝ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI****Kính gửi: Giám đốc công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng****Tên tối là: Nguyễn Văn Dũng****Chức vụ: Tổ tr-ởng đội xe**

Hiện nay đội xe có một ph-ơng tiện vận tải mua từ năm 2009 và hoạt động không tốt (Kèm theo biên bản xác định hiện trạng xe). Tôi viết tờ trình này xin thanh lý ph-ơng tiện vận tải nh- sau:

STT	Loại xe	Biển xe	Năm sử dụng	Ng-ời sử dụng
1	Vios Limo	16L-3957	24/09/2009	Nguyễn Minh Châu

Kính đề nghị giám đốc công ty giải quyết cho phép thanh lý ph-ơng tiện vận tải trên.

TỔ TRƯỞNG TỔ XE**(Ký , họ tên)**

Biểu số 2.10:

CÔNG TY TNHH MAI LINH HẢI PHÒNG

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

221 Lạch Tray- Ngô Quyền - Hải Phòng

Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Số 27 năm 2010

Căn cứ Quyết định số 935 ngày 12/11/2010 của giám đốc công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng về thanh lý TSCĐ.

I. BAN THANH LÝ TSCĐ BAO GỒM:

- Ông: Bùi Anh Dũng - Đại diện - Tr- ởng ban HĐQT
- Ông: Đỗ Mạnh Yên - Đại diện bộ phận kỹ thuật - Ủy viên
- Bà: Vũ Thị Hằng - Đại diện phòng kế toán - Ủy viên

II. TIẾN HÀNH THANH LÝ TSCĐ:

- Tên TSCĐ : xe ô tô Vios limo
- Biển kiểm soát: 16L-3957
- N- ớc sản xuất: Liên doanh
 - + Nguyên giá: 418.193.477đ
 - + Hao mòn lũy kế: 58.127.430đ
 - + Giá trị còn lại: 360.066.047đ

III. KẾT LUẬN CỦA BAN THANH LÝ TSCĐ:

- TSCĐ theo giá thị tr- ờng là 350.000.000 đ, chấp nhận bán thanh lý với giá 350.000.000 đ

IV. KẾT QUẢ BIÊN BẢN THANH LÝ:

- Chi phí môi giới: 420.000 đ (bốn trăm hai m- ời nghìn đồng)
- Giá trị thu hồi: 350.000.000 đ (ba trăm năm m- ời triệu đồng chẵn)
- Đã ghi giảm số TSCĐ.

Ngày 18 tháng 11 năm 2010

CÁC THÀNH VIÊN

TR- ỞNG BAN THANH LÝ

Biểu số 2.11:

CÔNG TY TNHH MAI LINH HẢI PHÒNG *Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*

SỐ : 0102/10-HĐMB

Độc lập -tự do -hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN XE ÔTÔ

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 đ-ợc Quốc hội n-ớc Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14/06/2005 và các văn bản h-ớng dẫn.
- Căn cứ Luật th-ơng mại số 36/2005/QH11 n-ớc Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14/06/2005.
- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của mỗi bên.

Hai bên chúng tôi gồm :

1. CÔNG TY TNHH MAI LINH HẢI PHÒNG (gọi tắt bên A)

Địa chỉ : 221-Lạch Tray-Ngô Quyền-Hải Phòng

Điện thoại: 031.3833.833

Fax:031.3747086

Do ông Hồ Xuân Mùi

Chức vụ giám đốc làm đại diện

MST: 0200425426

2. CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ BẢO TIẾN (gọi tắt bên B)

Địa chỉ : Số 06 An D-ơng, An Đông, Hải Phòng

Điện thoại: 031.3920345

Fax:031.3920355

Do ông Trần Đức Tiến

Chức vụ phó giám đốc làm đại diện

Số tài khoản 102010000235761 Ngân hàng Công th-ơng Ngô Quyền, HP

Cùng nhau thoả thuận về nội dung hợp đồng nh- sau:

Điều 1: Nội dung hợp đồng: Bên A bán cho bên B 01 ô tô Vios Limo

Tổng giá trị hợp đồng: **350.000.000 đồng**

(Bằng chữ : Ba trăm năm m- oi triệu đồng chẵn)

Điều 2: Hình thức thanh toán : chuyển khoản, tiền mặt.

Điều 3: Thời hạn thanh toán: thanh toán ngay sau khi kí hợp đồng

Điều 4: Nơi nhận hàng: công ty TNHH cơ khí Bảo Tiến.

Điều 5: Cam kết chung: Hai bên cam kết nghiêm chỉnh thực hiện các điều khoản ghi trên hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có gì vướng mắc thì hai bên phải thông báo bằng văn bản và cùng nhau giải quyết trên tinh thần hợp tác bình đẳng và pháp luật của nhà nước Việt Nam.

Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau

Hải Phòng, ngày 18 tháng 11 năm 2010

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Biểu số 2.12:

HÓA ĐƠN

Mẫu số:01 GTKT-3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

UK/2010B

Liên 1: L- u tại quyền gốc

0011132

Ngày 18 tháng 11 năm 2010

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng																		
Địa chỉ: 221 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng																		
Số tài khoản:.....MST: 02-00589978																		
Điện thoại:0313.833.833.....																		
Họ tên người mua hàng:...Nguyễn Văn Tuấn																		
Tên đơn vị: Công ty TNHH Bảo Tiến																		
Địa chỉ : Số 06 An Đồng – An D- ương _HP																		
Số tài khoản:																		
Hình thức thanh toán: TM...MS: <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"><tr><td>0</td><td>2</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"><tr><td>0</td><td>0</td><td>4</td><td>2</td><td>5</td><td>4</td><td>2</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"><tr><td>6</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"><tr><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table>						0	2	0	0	4	2	5	4	2	6			
0	2																	
0	0	4	2	5	4	2												
6																		
STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số l- ợng	Đơn giá	Thành tiền													
A	B	C	1	2	3=1x 2													
1	Ôtô Vios Limo	Cái	01	350.000.000	350.000.000													
Cộng tiền hàng:					350.000.000													
Thuế suất GTGT:10%		Tiền thuế GTGT:			35.000.000													
Tổng cộng tiền thanh toán:					385.000.000													
Số tiền viết bằng chữ : Ba trăm tám m- ươi lăm triệu đồng chẵn																		
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ tr- ợng đơn vị														
(Kí, ghi rõ họ và tên)		(Kí, ghi rõ họ và tên)		(Kí đóng dấu, ghi rõ họ tên)														

Biểu số 2.13:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH

Mẫu số S02a - DN

CÔNG TY TNHH MAI LINH HẢI PHÒNG

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

Số 01/11

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Thanh lý xe ô tô Vios limo	111		385.000.000	
		711		350.000.000
		3331		35.000.000
.....				
Tổng			983.274.122	

Kèm theo ...02 Chứng từ gốc

Hải Phòng, ngày 30 tháng 11 năm 2010

NGƯỜI LẬP SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Biểu đồ 2.14:

CÔNG TY TNHH MAI LINH HẢI PHÒNG

221 Lạch Tray-Ngô Quyền-Hải Phòng

SỔ CÁI TK 211

Tên tài sản: TSCĐHH

Tháng 11/2010

Mẫu số S02c2 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền		Tài khoản cấp 2							
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	...		TK21131		TK21132			
							Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu tháng		36.154.852.292									
			Số phát sinh tháng											
...	...	...		...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
30/11	01/11	30/11	Thanh lý xe vios limo biển số 16L- 3957	214		58.127.430						58.127.430		
				811		360.066.047						360.066.047		
...	...	...			...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh tháng		1.532.253.000	526.784.216								
			Số dư cuối tháng		37.160.321.070									

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Biểu số 2.15:

CÔNG TY TNHH MAI LINH HẢI PHÒNG

THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH/ FIXED ASSETS CARD

Số/No: 76

Tên tài sản: Xe Vios Limo

Loại tài sản: Ph- ơng tiện vận tải

Số hiệu TSCĐ: PT15

Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ: Số 76 ngày 18 tháng 11 năm 2010

N- ớc sản xuất: liên doanh

Năm đ- a vào sử dụng: 2009

Bộ phận quản lí, sử dụng: đội xe

Đình chỉ SD TSCĐ ngày....thángnăm.....Lí do đình chỉ:.....

Số hiệu CT	Nguyên giá tài sản cố định			Giá trị hao mòn TSCĐ		
	Ngày tháng	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
BBGN1	24/09/2009	Mua xe Vios limo	418.193.477	2009		
BPBKH2	31/12/2009	Phân bổ KHTSCĐ		2009	11.616.486	
BPBKH3	31/10/2010	Phân bổ KHTSCĐ		2010	38.721.620	50.338.106
BBTL	18/11/2010	Thanh lí máy		2010		

Ghi giảm tài sản cố định : biên bản thanh lí tài sản số 27/2010.

Lí do giảm : do bán thanh lí

Ngày 18 tháng 11 năm 2010

NG- ỒI LẬP

KẾ TOÁN TR- ỜNG

GIÁM ĐỐC

(Kí, họ tên)

(Kí, họ tên)

(Kí, họ tên)

2.2.4.3 Kế toán sửa chữa tài sản cố định :

TSCĐ là những t- liệu lao động phục vụ lâu dài cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó để duy trì tính năng kỹ thuật và khả năng hoạt động liên tục của tài sản, công ty luôn quan tâm đến việc bảo d- ỡng , sửa chữa TSCĐ, thay thế các chi tiết hao mòn hỏng hóc. Trong đó có cả việc tiến hành thuê ngoài sửa chữa

Quá trình sửa chữa ph- ơng tiện vận tải ô tô máy móc thiết bị kế toán sử dụng tài khoản 627 (6277), 2413, 335 để hạch toán chi phí sửa chữa TSCĐ.

TK 6277: chi phí dịch vụ mua ngoài dùng để đại tu máy, đèn pha, sãm lốp...

TK 2413: sửa chữa lớn TSCĐ nh- đại tu máy (số l- ợng lớn), đóng vỏ xe ca

TK 335: chi phí sửa chữa trong kế hoạch đơn vị TSCĐ

Ngoài ra kế toán còn sử dụng các TK liên quan 152, 111, 112, 331, 1421...

Quá trình sửa chữa TSCĐ sẽ phát sinh rất nhiều vấn đề. Những điều đầu tiên để TSCĐ đó đ- ợc sửa chữa cho tốt và mang tính hợp pháp đối với chế độ kế toán mới. Kế toán phải căn cứ vào các chứng từ sau:

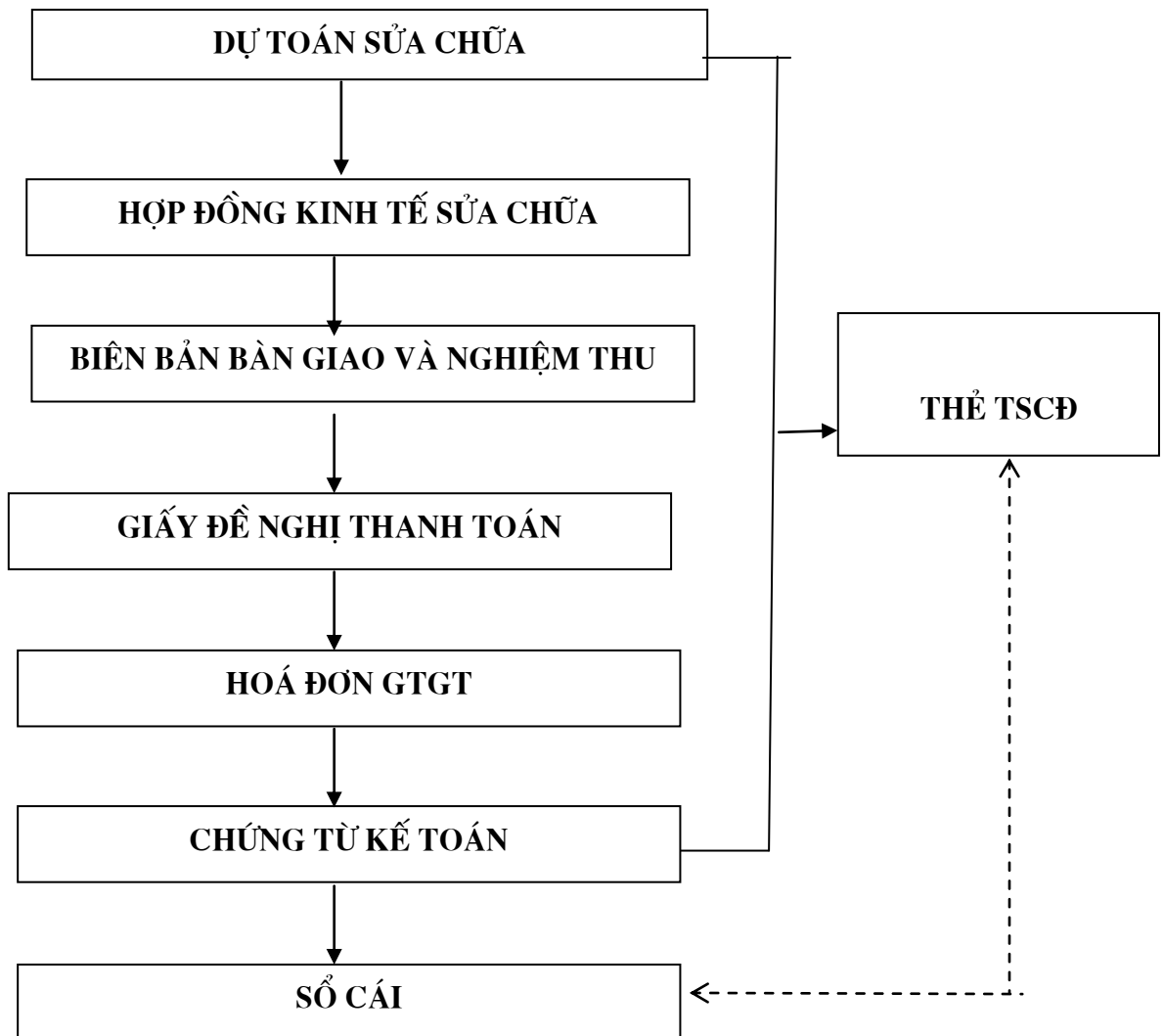
- Biên bản xác định tình trạng kỹ thuật máy
- Căn cứ vào biên bản kiểm tra sửa chữa
- Căn cứ vào ph- ơng án dự toán sửa chữa
- Căn cứ vào bản quyết định sửa chữa
- Căn cứ vào hợp đồng kinh tế
- Căn cứ vào quyết toán sửa chữa xe

Đối với quá trình sửa chữa ph- ơng tiện của công ty:

1) Sửa chữa th- ờng xuyên: Chi phí sửa chữa th- ờng xuyên đ- ợc phản ánh trực tiếp vào chi phí sản xuất kinh doanh của bộ phận có TSCĐ đ- ợc sửa chữa. Kế toán căn cứ vào các chứng từ nh- phiếu xuất kho, hoá đơn (VAT) khi mua dịch vụ ngoài có phiếu chi... để ghi sổ.

2) Sửa chữa lớn tài sản cố định: Do quá trình sử dụng, TSCĐ bị hao mòn và h- hỏng ở những bộ phận cơ bản, và để cho TSCĐ hoạt động bình th- ờng và nhanh chóng. Công ty đã lập kế hoạch trình tr- ớc 1 khoản chi phí để sử dụng vào mục đích lớn, sửa chữa lớn ph- ơng tiện nh- : Tân trang vỏ xe bị h- hỏng do gặp tai nạn trong quá trình vận chuyển. Khoản chi phí này sẽ giao cho ng- ời nhận thầu sửa chữa.

SƠ ĐỒ NGHIỆP VỤ SỬA CHỮA LỚN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH



Ví dụ: Trong thời gian sử dụng, ngày 17/10/2010 xe taxi Matiz mang biển số 16M-1121 đã bị một số hỏng. Trước tình hình đó công ty lập biên bản xác định sự cố (**biểu số 2.16**) và quyết định tiến hành kí với trung tâm dịch vụ tổng hợp hợp đồng sửa chữa xe ô tô matiz (**biểu số 2.17**). Dự toán chi phí là 13.000.000 đồng.

Ngày 18/10/2010 đại diện của công ty kí hợp đồng với bên cung cấp dịch vụ đi kèm với dự toán sửa chữa (**biểu số 2.18**). Ngày 09/11/2010 khi công việc sửa chữa hoàn tất thành bên cung cấp dịch vụ sẽ bàn giao công trình cho bên thuê sửa chữa kèm biên bản bàn giao và nghiệm thu thiết bị sửa chữa lớn hoàn thành (**biểu số 2.19**). Công ty sẽ thanh toán tiền theo hoá đơn GTGT (**biểu số 2.20**) cho bên cung cấp dịch

vụ. Người đại diện sẽ làm giấy đề nghị thanh toán gửi lên ban giám đốc và ban tài chính. Kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc để hạch toán vào chứng từ ghi sổ số 07/11 (**biểu số 2.21**), chứng từ ghi sổ số 08/11 (**biểu số 2.22**), sổ cái TK 241 (**biểu số 2.23**) và các sổ cái, sổ chi tiết các tài khoản liên quan, các sổ sách liên quan khác..

Khi thuê ngoài sửa chữa chi phí phát sinh theo dự toán:

Nợ TK 2413 : 13.000.000

Nợ TK 133 : 1.300.000

Có TK 331 : 14.300.000

Khi bàn giao tài sản sửa chữa lớn hoàn thành, kế toán phản ánh:

Nợ TK 242 : 13.000.000

Có TK 2413 : 13.000.000

Biểu số 2.16:

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH SỰ CỐ

Ngày 12 tháng 10 năm 2010

1/Thành phần :

STT	Họ và Tên	Chức vụ/Đơn vị	Ký tên
1	Nguyễn Xuân Long	QLTB-Kỹ thuật	
2	Hoàng Văn Quyết	Tổ tr- ởng đội xe	
4	Phạm Thị Thủy	Tr- ởng phòng kinh doanh	

2.Nội dung:

2.1-Tên thiết bị: xe ô tô matiz

2.2-Tình trạng tr- ớc khi sự cố :

Quá trình vận chuyển không tải và có tải vẫn bình th- ờng, xe vẫn hoạt động tốt

2.3-Tình trạng hiện tại khi sự cố xảy ra:

Không khởi động đ- ợc, vỏ xe bị hỏng....

2.4-Xác định nguyên nhân sự cố :

Do xảy ra tai nạn

2.5-Biện pháp khắc phục sửa chữa :

Thay vỏ, thay lốp, bảo d- ỡng lau dầu...

P.giám đốc kỹ thuật

Biểu số 2.17:

Trung tâm dịch vụ tổng hợp

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

DỰ TOÁN SỬA CHỮA XE TAXI MATIZ

Số: 25AQ/HD-2010

Đơn vị sử dụng: công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng

Đơn vị thi công: Trung tâm dịch vụ tổng hợp

Ngày khởi công : 19/10/2010

Ngày hoàn thành: 09/11/2010

Nội dung công việc:

Nội dung công việc	Thành tiền
Kiểm soát, chạy thử kiểm tra xe	500.000
Tháo dỡ vệ sinh kiểm tra sửa chữa phục hồi bánh, thay vỏ	9.500.000
Tháo dỡ vệ sinh kiểm tra thay toàn bộ phốt	1.000.000
Gia công chi tiết phụ tùng	1.600.000
Lắp ráp, chạy thử	400.000
Tổng	13.000.000

Biểu số 2.18:

Công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

221 Lạch Tray- Ngô Quyền- Hải Phòng

Độc lập-tự do-hạnh phúc

HỢP ĐỒNG SỬA CHỮA XE ÔTÔ

Số: 08/HĐSC-2010

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 đ- ợc Quốc hội n- ớc Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14/06/2005 và các văn bản h- ớng dẫn.

- Căn cứ Luật th- ơng mại số 36/2005/QH11 n- ớc Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14/06/2005.

- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của mỗi bên.

Hai bên chúng tôi gồm :

BÊN A: CÔNG TY TNHH MAI LINH HẢI PHÒNG

Địa chỉ : 221 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại 0313.833.833

Fax:031.3747086

Do ông Hồ Xuân Mùi

Chức vụ Tổng giám đốc làm đại diện

BÊN B: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP

Địa chỉ : Số 8, Nguyễn Tri Ph- ơng, Hồng Bàng, HP

Điện thoại : 031.3842006

Fax: 031.3842038

Do ông Nguyễn Đình Thanh

Chức vụ phó giám đốc làm đại diện

Số tài khoản 10201-0000211963 Ngân hàng Công th- ơng Ngô Quyền, HP

Hai bên cùng nhất trí kí hợp đồng sửa chữa xe ô tô Matiz gồm các điều kiện sau:

Điều I: Nội dung hợp đồng: Bên A nhận sửa chữa cho bên B xe ô tô Matiz 5 chỗ:

- Thay vỏ, 1 bánh xe, và nắn chỉnh 1 bánh

- Nội dung chi tiết các khoản mục sửa chữa cũng nh- vật t- phụ tùng thay thế đ- ợc nêu cụ thể, dự toán sửa chữa được 2 bên thống nhất.

Điều II : Trách nhiệm mỗi bên:

Bên A :

1. Thực hiện đầy đủ các hạng mục sửa chữa nêu trong dự toán. Trách nhiệm về an toàn lao động trong quá trình sửa chữa.
2. Nhanh chóng khảo sát lấy số liệu kỹ thuật thống nhất bên B các hạng mục vật t-, phụ tùng cần thay thế, chịu trách nhiệm về chất l- ượng chủng loại của vật t- phụ tùng trên.
3. Đảm bảo đúng tiến độ sửa chữa: thời gian trong 15 ngày.
4. Bên A chịu trách nhiệm bảo hành các thiết bị trên trong thời gian 6 tháng nếu có h- hỏng gì bên lỗi bên A, bên A sẽ nhanh chóng cử ng- ời sửa chữa khắc phục.

Bên B:

1. Tạo mọi điều kiện bên A thi công.
2. Cử cán bộ th- ờng xuyên theo dõi kịp thời, thống nhất với bên A hạng mục, vật t- phụ tùng thay thế. Khi có sửa chữa nhanh chóng nghiệm thu phụ tùng vật t- bên A cung cấp để đ- a vào lắp ráp kịp tiến độ. Kịp thời cùng bên A chạy thử tải và tiến hành nghiệm thu các hạng mục sửa chữa đạt yêu cầu về thông số kỹ thuật.
3. Đáp ứng kịp thời các điều kiện khác của hợp đồng.

Điều III: Giá thành và ph- ơng thức thanh toán: Thanh toán bằng tiền mặt và chuyển khoản.

1. Tổng giá trị hợp đồng (theo dự toán) : 13.000.000 đồng (ch- a có VAT)
(Bằng chữ : M- ười ba triệu đồng chẵn)
2. Bên B tạm ứng cho bên A 50% giá trị sau khi ký hợp đồng kinh phí còn lại thanh toán ngay khi bàn giao ph- ơng tiện đ- a vào hoạt động. Hai bên thanh lý hợp đồng và bên A xuất HĐGTGT cho bên B

Điều IV: Điều kiện chung:

1. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã ghi trong hợp đồng
2. Nếu trong quá trình thực hiện có gì v- ướng mắc hai bên phải cùng nhau giải quyết. Nếu tranh chấp sẽ giải quyết tại toà án và phán quyết cuối cùng thuộc về toà án. Hợp đồng này đ- ợc lập thành 04 bản , mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị pháp lý nh- nhau.

Hải Phòng, ngày 19 tháng 10 năm 2010

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Biểu số 2.19:

Trung tâm dịch vụ tổng hợp

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU VÀ BÀN GIAO THIẾT BỊ

(Xe ô tô Daewoo matiz)

- Căn cứ hợp đồng sửa chữa cầu số 08/HĐSC ngày 15/10/2010
- Căn cứ vào dự toán ngày 15/10/2010 đã đ- ợc hai bên kí kết.
- Căn cứ vào thực tế sau sửa chữa và chạy thử

Hai bên cùng nghiệm thu công trình sửa chữa xe ô tô với nội dung nh- sau:

Đại diện bên A: trung tâm dịch vụ tổng hợp

Ông Trần Văn Mạnh Chức vụ: phụ trách kĩ thuật

Ông L- ợng Mạnh Hải Chức vụ: tổ tr- ợng tổ sản xuất

Đại diện bên B: công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng

Ông Hồ Xuân Mùi Chức vụ: Giám đốc

Hoàng Văn Quyết Chức vụ: đội tr- ợng tổ xe

Ông Hồ Xuân Hà Chức vụ: Lái xe

Nội dung nghiệm thu bàn giao: Tại kho nhà máy kim loại: số 59 Ngô Quyền- HP

1. Khối l- ợng công việc:

Tiến độ: bên A thực hiện đầy đủ yêu cầu hạng mục. Hạng mục trong hợp đồng và dự toán đảm bảo toàn bộ thời gian theo yêu cầu của bên B

2. Chất l- ợng sản phẩm: xe taxi đ- ợc tiến hành thử chạy. Các thông số yêu cầu kĩ thuật và thiết bị cầu đạt tiêu chuẩn, đảm bảo yêu cầu về an toàn. Các hệ thống làm việc ổn định.

Hai bên nhất trí nghiệm thu khối l- ợng, chất l- ợng sau khi sửa chữa xe taxi. Bên A bàn giao B nhận xe taxi đ- a vào sử dụng.

Biên bản lập thành 04 bản. Các thành phần tham gia nghiệm thu nhất trí kí tên.

Hải Phòng, ngày 09 tháng 11 năm 2010

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Biểu số 2.20:

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 2: Giao cho khách hàng
Ngày 9 tháng 11 năm 2010

Mẫu số:01 GTKT-3LL
UK/2010B
0011562

Đơn vị bán hàng:.....Trung tâm dịch vụ tổng hợp.....																	
Địa chỉ: Số 8, Nguyễn Tri Ph- ơng, Hồng Bàng, HP																	
Số tài khoản:.....MST: 02-00589978.....																	
Điện thoại:0313798885																	
Họ tên ng- ời mua hàng:...Nguyễn Văn Tuấn.....																	
Tên đơn vị: Công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng																	
Địa chỉ : Số 221 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng																	
Số tài khoản:																	
Hình thức thanh toán: Ck...MS: <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"><tr><td>0</td><td>2</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"><tr><td>0</td><td>0</td><td>4</td><td>2</td><td>5</td><td>4</td><td>2</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"><tr><td>6</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"><tr><td> </td><td> </td></tr></table>						0	2	0	0	4	2	5	4	2	6		
0	2																
0	0	4	2	5	4	2											
6																	
STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số l- ợng	Đơn giá	Thành tiền												
A	B	C	1	2	3=1x 2												
1	Sửa chữa xe ô tô Matiz	Cái	01	13,000,000	13,000,000												
	Biển số 16M-1121																
Cộng tiền hàng:					13.000.000												
Thuế suất GTGT:10%		Tiền thuế GTGT:			1.300.000												
Tổng cộng tiền thanh toán:					14.300.000												
Số tiền viết bằng chữ : M- ời bốn triệu ba trăm nghìn đồng																	
Ng- ời mua hàng (Kí, ghi rõ họ và tên)		Ng- ời bán hàng (Kí, ghi rõ họ và tên)		Thủ tr- ợng đơn vị (Kí đóng dấu, ghi rõ họ tên)													

Biểu số 2.21:

CÔNG TY TNHH MAI LINH HẢI PHÒNG

Mẫu số S02a - DN

221 Lạch Tray- Ngô Quyền - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 07/11

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

TRÍCH YẾU	SỐ HIỆU TÀI KHOẢN		SỐ TIỀN	GHI CHÚ
	NỢ	CÓ		
.....	...			
Sửa chữa xe matiz biển số 16M-1121	241	331	13,000,000	
.....				
CỘNG				

Kèm theo chứng từ gốc

Hải Phòng, ngày 30 tháng 11 năm 2010

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Biểu số 2.22:

CÔNG TY TNHH MAI LINH HẢI PHÒNG

221 Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng

Mẫu số S02a - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 08/11

Ngày 1 tháng 11 năm 2010

TRÍCH YẾU	SHTK		SỐ TIỀN	GHI CHÚ
	NỢ	CÓ		
.....	...			
Bàn giao TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành	242	241	13,000,000	
.....				
CỘNG				

Kèm theo chứng từ gốc

Hải Phòng, ngày 30 tháng 11 năm 2010

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Biểu số 2.23:

CÔNG TY TNHH MAI LINH HẢI PHÒNG

Mẫu số S02c2 - DN

221 Lạch Tray-Ngô Quyền-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TK241

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Tháng 11/2010

Tên tài khoản: **sửa chữa TSCĐ**

Đơn vị: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
			- Số dư đầu tháng		0		
			- Số phát sinh trong tháng				
							
30/11	24/11	30/11	Sửa chữa xe matiz	331		13.000.000	
30/11	25/11	30/11	Bàn giao TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành	242	13.000.000		
			...		...	...	
			- Cộng số phát sinh tháng		32.000.000	32.000.000	
			- Số dư cuối tháng		0		

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

2.2.4.4 Kế toán khấu hao tài sản cố định:

Trong quá trình sử dụng, TSCĐ bị hao mòn về giá trị do vậy song song với việc hạch toán hình thành khấu hao (trích khấu hao) khấu hao TSCĐ là việc quá trình chuyển dần giá trị TSCĐ một cách có kế hoạch vào giá thành sản phẩm. Khấu hao TSCĐ là biện pháp kinh tế nhằm bồi đắp hay khôi phục lại từng phần và toàn bộ giá trị của TSCĐ. Việc quy định đúng đắn mức khấu hao là rất quan trọng, bởi vì nó phản ánh chính xác đ- ợc hao mòn, tính đúng đ- ợc giá trị còn lại.

Cuối tháng căn cứ vào phần trích khấu hao TSCĐ ở bộ phận nào thì tính và kết chuyển vào chi phí để tính giá thành. Đối với khấu hao TSCĐ công ty sử dụng các TK sau:

TK214:Khấu hao máy móc thiết bị,ph- ơng tiện vận tải,nhà cửa vật kiến trúc.

TK 627 (6274): chi phí khấu hao ph- ơng tiện TSCĐ.

TK 642 (6424): chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho QLDN

Việc tính khấu hao TSCĐ, công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng áp dụng các quy định sau:

- Về tính khấu hao cơ bản căn cứ vào nguyên giá TSCĐ và tỷ lệ khấu hao theo quyết định 206/2003/QĐ-BTC.

- Tất cả TSCĐ hiện có của công ty tham gia vào quá trình kinh doanh đều phải tính khấu hao và phân bổ vào giá thành.

- Việc tính khấu hao ph- ơng tiện vận tải của công ty dựa trên 2 cơ sở: Nguyên giá của ph- ơng tiện, máy móc (ô tô, nhà cửa...) và thời gian sử dụng.

- Đối với các TSCĐ của công ty thì công ty áp dụng ph- ơng pháp **khấu hao đ- ờng thẳng**. Trên cơ sở nguyên giá TSCĐ, giá trị còn lại - ớc tính, mức khấu hao đ- ợc xác định nh- sau:

$$\text{Mức khấu hao trung bình năm của TSCĐ} = \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ}}{\text{Thời gian sử dụng}}$$

$$\text{Mức khấu hao trung bình 1tháng} = \frac{\text{Mức KH bình quân năm}}{12}$$

Mức khấu hao tháng đ- ợc xác định dựa trên cơ sở ngày sử dụng hoặc không sử dụng tài sản cố định trong tháng đó. Công ty thực hiện và phân bổ khấu hao theo từng tháng. Kế toán TSCĐ căn cứ vào tình hình biến động tăng giảm TSCĐ trong tháng để xác định mức khấu hao và lập bảng phân bổ khấu hao TSCĐ tháng. Việc tính khấu hao công ty áp dụng theo nguyên tắc tròn tháng đối với tháng có phát sinh nghiệp vụ tăng giảm TSCĐ. Thời gian sử dụng - ớc tính của TSCĐ trong công ty đ- ợc xác định nh- sau:

STT	Loại tài sản	Nguyên giá (đ)	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	1.600.931.000	25
2	Máy móc, thiết bị sản xuất	37.000.000	3
3	Phương tiện vận tải	38.436.338.190	7-9
4	Máy móc, thiết bị quản lý	90.930.000	3
Tổng		40.165.199.191	

Ví dụ: Tháng 12/2010 công ty tiến hành tính khấu hao cho các TSCĐ (**biểu số 2.24**) , trong đó có 10 xe Vios limo mua ngày 24 tháng 09 năm 2009.

Nguyên giá 10 xe Vios limo: 4.181.934.776 đ

Thời gian sử dụng - ớc tính : 9 năm (108 tháng).

Công ty đ- a 10 xe Vios limo này vào sử dụng ngày 24/09/2009. Chi phí khấu hao hàng tháng của 10 xe này đ- ợc công ty xác định nh- sau:

$$M_{KH} = \frac{NG_{TSCĐ}}{T} = \frac{4.181.934.776}{108} = 38.721.618$$

Tính đến tháng 12/2010, công ty đã tiến hành tính khấu hao cho 10 xe trên 15 tháng. Chi phí khấu hao tích lũy tính đến tháng 11/2010 là:

$$CP_{KHTL} = 38.721.618 \times 15 = 580.824.270$$

Giá trị còn lại là:

$$GTCL = M_{KH} + CP_{KHTL} = 38.721.618 + 580.824.270 = 3.600.110.506$$

Biểu số 2.24:

CÔNG TY TNHH MAI LINH HẢI PHÒNG

221 Lạch Tray- Ngô Quyền- Hải Phòng

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ CHI PHÍ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tháng 12/2010

STT	Tên tài sản	Ngày sử dụng	SL	Nguyên giá TSCĐ	T.gian KH (tháng)	T.gian đã KH	Số KH trích trong tháng	CPKH tích lũy (đến T11/2010)	Giá còn lại	trị	Ghi chú
I	Máy móc, thiết bị văn phòng										
1	Ồn áp	1/07/2009	1	12.010.000	36	17	333.611	5.671.387	6.005.002		
2	Máy điều hoà	23/06/2010	4	56.920.000	36	5	1.581.111	7.905.555	49.014.445		
3	Máy photocopy	25/10/2009	1	22.000.000	36	13	611.111	7.944.443	14.055.557		
II	Phương tiện vận tải										
1	Xe ô tô Matiz	09/06/2008	20	3.928.579.960	84	30	46.768.809	1.389.033.598	2.539.546.371		
...										...	
4	Xe ô tô Spark	14/06/2009	10	2.392.747.340	84	18	28.485.087	490.893.006	1.901.854.334		
5	<i>Xe ô tô Vios Limo</i>	<i>24/09/2009</i>	<i>10</i>	<i>4.181.934.776</i>	<i>108</i>	<i>15</i>	<i>38.721.618</i>	<i>580.824.270</i>	<i>3.600.110.506</i>		
...			...								
III	Nhà cửa, vật kiến trúc							.			.
1	Văn phòng và xưởng SC xe ô tô	01/12/1996	2	1.600.931.000	300	24	5.336.437	128.074.488	1.472.856.512		
IV	Máy móc, thiết bị sản xuất								29.805.555		
1	Máy hàn dật	01/06/2009	1	12.500.000	36	7	347.222	2.430.556	10.069.444		
2	Cầu nâng	01/06/2009	1	24.500.000	36	7	680.556	4.763.889	19.736.111		
	Tổng cộng tháng			40.165.199.191			170.963.271	3.160.179.430	36.834.056.490		

CHƯƠNG 3:

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH MAI LINH HẢI PHÒNG

3.1 Đánh giá chung về thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng:

Kể từ khi thành lập đến nay sau nhiều năm củng cố và đầu tư - xây dựng cơ sở vật chất, bổ sung TSCĐ và nâng cấp cải tạo hoàn chỉnh văn phòng công ty, phân xưởng sửa chữa, Công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng đã có những bước chuyển biến rõ rệt trong việc đạt thành tích cao về doanh thu và lợi nhuận. Điều đó vừa đảm bảo đáp ứng nhu cầu đi lại bằng taxi ngày càng tăng lên trong mọi tầng lớp nhân dân vừa góp phần tăng tổng thu nhập cho nền kinh tế quốc dân.

Mặc dù gặp không ít những khó khăn và trở ngại trong suốt quá trình hình thành và phát triển. Nhưng công ty vẫn luôn khẳng định vị trí và vai trò của mình trong nền kinh tế quốc dân bằng những thành tích trong nhiều năm qua công ty đã đạt được, phải nói đến phần lớn sự đóng góp rất quan trọng của bộ máy quản lý công ty nói chung, bộ máy kế toán nói riêng. Công tác kế toán ở công ty thực sự là một công cụ đắc lực phục vụ cho lãnh đạo công ty trong việc kiểm tra giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, tình hình quản lý sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn, giúp cho lãnh đạo có những chủ trương, biện pháp tích cực trong công tác quản lý và điều hành mọi hoạt động sản xuất. Hoàn thành nhiệm vụ mục tiêu kế hoạch đề ra không ngừng tăng doanh thu và thu nhập cho công ty từng bước cải thiện nâng cao đời sống cho cán bộ, công nhân viên trong công ty.

Trong thời gian thực tập tại phòng kế toán của công ty, bằng sự tìm hiểu của bản thân và sự giúp đỡ của các cô chú, anh chị phòng kế toán em rút ra một số nhận xét về công tác kế toán của công ty như sau:

3.1.1 Ưu điểm:

Về mô hình tổ chức của công ty: Công ty tổ chức theo mô hình chức năng. Nhiệm vụ quản trị được phân chia cho các đơn vị riêng biệt theo các chức năng quản trị và hình thành nên những người lãnh đạo được chuyên môn hoá chỉ đảm nhận thực hiện một chức năng nhất định. Những người thừa hành nhiệm vụ ở cấp dưới nhận mệnh lệnh chẳng những từ người lãnh đạo của doanh nghiệp

mà cả từ những người lãnh đạo các chức năng khác nhau. Ưu điểm của mô hình này là thu hút được các chuyên gia vào công tác lãnh đạo, giải quyết các vấn đề chuyên môn một cách thành thạo hơn, giảm bớt gánh nặng về quản trị cho người lãnh đạo. Nhưng mô hình này có nhược điểm là người lãnh đạo phải phối hợp hoạt động của những người lãnh đạo chức năng, khó phối hợp mệnh lệnh lãnh đạo gây ra hiện tượng trái ngược không biết nghe theo ai.

Tuy nhiên, công ty làm nhiệm vụ cung cấp dịch taxi, việc tổ chức như trên là hợp lý. Sự phối hợp chức năng giữa các phòng kinh doanh, nhân sự, tổng đài khi nhận được đề nghị của khách hàng giúp điều động nhanh chóng về số lượng xe, lái xe, và địa điểm đón khách. Đồng thời, đảm bảo cho việc xử lý nhanh, linh hoạt và có hiệu quả các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành.

Về mô hình tổ chức kế toán: Tổ chức công tác kế toán ở công ty phù hợp với quy mô và đặc điểm của hình thức sản xuất kinh doanh. Bộ máy kế toán luôn phân công cụ thể công việc, trách nhiệm cho từng cán bộ kế toán. Mọi chứng từ sổ sách đều đi- ợc tập trung về phòng kế toán, chịu sự h- ớng dẫn kiểm tra trực tiếp từ kế toán tr- ớng, đảm bảo đi- ợc sự kiểm tra, giám sát của kế toán tr- ớng và sự chỉ đạo kịp thời của Ban giám đốc. Mọi phần hành của công tác kế toán đều có ng- ời theo dõi, thực hiện đầy đủ đúng nội quy. Các số liệu đi- ợc luân chuyển qua các chứng từ, sổ sách một cách chính xác, rõ ràng và đúng trình tự. Giữa các phòng ban, các bộ phận có sự kết hợp chặt chẽ trong việc hoàn chỉnh chứng từ, nhờ đó tạo điều kiện cho công tác theo dõi từng bộ phận có liên quan đi- ợc thuận lợi.

Về hình thức kế toán. hệ thống chứng từ, sổ sách, tài khoản kế toán: Công ty đã tính đến quy mô tính chất của công ty và sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ, phân ra cách ghi sổ, công việc của từng bộ phận một cách rõ ràng để mỗi kế toán viên phụ trách một hoặc hai bộ phận.

Nhìn chung sổ sách kế toán đã sử dụng trong công ty đã thực hiện theo đúng quy định của Ban tài chính, tập hợp chứng từ gốc vào các sổ chi tiết TSCĐ, thẻ TSCĐ và ghi vào chứng từ ghi sổ một cách cụ thể. Số liệu từ chứng từ ghi sổ vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ hoặc vào trực tiếp sổ cái để tiến hành lập bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh một cách rõ ràng đầy đủ.

Đối với hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán công ty sử dụng nhìn chung là phù hợp với chế độ kế toán hiện hành, phù hợp với đặc điểm của công ty và phần nào đáp ứng được yêu cầu quản lý.

Cán bộ nhân viên trong công ty là một đội ngũ cán bộ nhân viên có đầy đủ kinh nghiệm và năng lực để điều hành vững công ty trong những năm qua. Cùng với những thành viên luôn có tinh thần trách nhiệm cao trong mỗi công việc, nhiệt tình trong công việc, ham học hỏi, luôn có ý thức trau dồi, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của mình. Đặc biệt là cán bộ nhân viên phòng kế toán. Họ cập nhật những chuẩn mực kế toán, cơ chế quản lý mới để nâng cao chất lượng trong công việc.

Bộ phận kế toán luôn cung cấp đầy đủ kịp thời, chính xác số liệu cho mọi đối tượng cần quan tâm đến nhất là bên quản lý như giám đốc, phó giám đốc.... Từ đó đề ra những phương hướng và biện pháp kịp thời nhằm tạo ra của cải cho xã hội và đáp ứng nhu cầu đảm bảo đời sống cho người lao động. Do vậy, cán bộ nhân viên trong phòng kế toán đã góp phần không nhỏ nâng cao hiệu quả kinh doanh, đóng góp phần to lớn trong những thành tích mà công ty đạt được trong những năm qua.

Một số - u điểm trong công tác kế toán TSCĐ của công ty:

TSCĐ là cơ sở vật chất kỹ thuật của công ty, phản ánh năng lực sản xuất kinh doanh hiện có, trình độ tiến bộ khoa học của công ty. Là một công ty được thành lập với bề dày kinh nghiệm tiếp cận với nền kinh tế thị trường hết sức thuận lợi. Mặc dù vậy, công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng vẫn coi công tác kế toán TSCĐ là một trong những mục tiêu quan trọng và cần thiết. Do bởi TSCĐ được coi xem như là “xương sống” và “bộ não” của công ty.

Trong năm qua công ty đã mạnh dạn đầu tư đổi mới trang thiết bị máy móc để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của mình. Đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ, không ngừng tăng doanh thu và lợi nhuận cho đơn vị.

Về công tác quản lý TSCĐ: Các quy định về công tác quản lý và hạch toán TSCĐ tại công ty được thực hiện theo chuẩn mực về chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành. TSCĐ được phân loại theo hình thái biểu hiện giúp cho kế toán dễ dàng ghi chép, phản ánh hạch toán TSCĐ hiện có của toàn công ty. Từ đó biết được kết cấu TSCĐ để đưa ra phương hướng đầu tư TSCĐ một cách hợp lý.

Về cơ bản kế toán TSCĐ đã theo dõi đ-ợc tình hình tăng giảm, khấu hao và kiểm kê TSCĐ theo đúng quy trình đảm bảo việc phản ánh đúng nguyên giá TSCĐ hiện có cũng nh- mức trích khấu hao hàng tháng công ty mở bảng kê chi tiết TSCĐ, qua bảng kê này công ty có thể quản lý một cách toàn diện cả về nguyên giá, giá trị hao mòn, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại tạo điều kiện thuận lợi cho vấn đề quản lý TSCĐ.

Về kế toán tổng hợp TSCĐ: Công ty thực hiện theo chế độ kế toán hiện hành về nguyên tắc quản lý TSCĐ. Mọi nghiệp vụ phát sinh liên quan đến tăng giảm TSCĐ đều có chứng từ hợp lệ. Chứng từ đ-ợc lập theo đúng thứ tự, đúng nguyên tắc của chế độ kế toán. Bộ phận kế toán luôn phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình biến động tăng, giảm TSCĐ. Đảm bảo số liệu kế toán đ-ợc phản ánh một cách trung thực, rõ ràng trong quy trình hạch toán, hạn chế những ghi chép trùng lặp không cần thiết.

Về kế toán khấu hao TSCĐ: Công ty chọn ph-ơng pháp tính khấu hao cho TSCĐ là ph-ơng pháp khấu hao theo đ-ờng thẳng. Đây là ph-ơng pháp khấu hao t-ơng đối đơn giản, thuận tiện cho việc tính toán và phân bổ khấu hao vào chi phí kinh doanh.

Bên cạnh đó, để đảm bảo tài sản cố định đ-ợc an toàn và hoạt động tốt thì hàng năm công ty có mua bảo hiểm, nhất là với xe ô tô mua mới 100%. Sau khi có sự cố tai nạn xảy ra sẽ đ-ợc bồi th-ờng bằng bảo hiểm. Đảm bảo ph-ơng tiện tốt làm cho nhân viên có tâm lý vững vàng khi làm việc.

Về đội ngũ nhân viên lái xe: Sau khi nhận xe về công ty quyết định giao cho lái xe bàn giao từng bộ phận đánh giá chất l-ợng kể cả sẫm lốp và các TSCĐ khác đều có phiếu nhập, phiếu xuất, tên ng-ời quản lý hoặc phòng quản lý. Định kỳ kiểm tra bảo d-ỡng theo quy trình kinh tế. Các tài sản khác phải quản lý, kiểm kê định kỳ có quy định về quy chế sử dụng TSCĐ. Vì vậy mà tinh thần trách nhiệm của ng-ời lái xe càng đ-ợc nâng cao.

Về việc đầu tư mua mới TSCĐ : Ngày nay xã hội càng phát triển đến đỉnh cao trí tuệ, tay nghề và trình độ con người vượt bậc tiến lên. Vì vậy mà sản phẩm của loài người ngày nay là những máy móc hiện đại. Xác định được điều đó, công ty đã có một cách nhìn nhận thực tế, năng động sáng tạo trong quá trình đầu tư TSCĐ.

Việc đầu t- thêm vốn cố định vào sản xuất kinh doanh có thể dẫn đến thừa vốn, ứ đọng vốn và làm giảm hiệu suất sử dụng vốn do đầu t- quá với nhu cầu. Nh- ng quá trình đầu t- (tăng ph- ơng tiện vận tải, trang bị quản lý mới) sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc tăng tổng doanh thu. Công ty với công việc chính là kinh doanh taxi, tuy mới đi vào hoạt động đ- ợc ít năm nh- ng công tác tổ chức xây dựng, mua sắm, quản lý, bảo d- ỡng, sửa chữa TSCĐ của công ty khá tốt. Do đó đảm bảo cho TSCĐ phát huy hết công suất, không xảy ra tình trạng hỏng hóc đột xuất làm ảnh h- ưởng đến hoạt động kinh doanh.

Hiện tại công ty đang tiến hành mở rộng thêm quy mô sản xuất bằng cách: mua sắm thêm taxi, mua sắm thêm máy móc, thiết bị mới, hiện đại. Điều này sẽ tạo thêm rất nhiều công ăn việc làm cho ng- ời lao động. Đồng thời cũng đặt ra nhiều vấn đề cần phải giải quyết đòi hỏi công ty phải quản lý tốt hơn nữa mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, trong đó đặc biệt là vấn đề quản lý và sử dụng hiệu quả TSCĐ.

3.1.2 Những hạn chế cần khắc phục:

Tại Công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng, tuy công tác hạch toán TSCĐ không ngừng đ- ợc hoàn thiện để thích nghi và đáp ứng kịp thời các yêu cầu quản lý. Song trong hạch toán TSCĐ vẫn còn tồn tại 1 số những thiếu sót cần đ- ợc bổ sung chỉnh lý và hoàn thiện hơn nữa. Có nh- vậy mới giúp cho công ty quản lý và sử dụng một cách có hiệu quả các loại TSCĐ.

Công ty tính khấu hao theo nguyên tắc tròn tháng. Với cách tính này làm cho việc phân bổ chi phí khấu hao không chính xác và không phù hợp với chế độ hiện hành.

Đối với máy móc thiết bị, dụng cụ quản lý vì chịu tác động của hao mòn vô hình nhiều nên th- ờng gặp phải những vấn đề nh- lạc hậu về khoa học kỹ thuật và sự giảm giá nhanh của tài sản.

Doanh nghiệp không kiểm kê th- ờng xuyên TSCĐ cả về số l- ợng và chất l- ợng nên có đôi chút khó khăn cho việc quản lý, sử dụng TSCĐ một cách có hiệu quả hay có kế hoạch sửa chữa thay thế đối với TSCĐ hỏng và xử lý kịp thời các tr- ờng hợp thiếu hoặc mất mát để bổ sung.

Khi mua TSCĐ qua thời gian lắp đặt tr- ớc khi đ- a vào sử dụng, kế toán hạch toán chung chi phí lắp đặt vào giá trị tài sản mua. Hạch toán chung nh- vậy

khi cấp trên kiểm tra sẽ rất khó biết được chi phí lắp đặt cho tài sản đó là bao nhiêu.

Việc thanh lý TSCĐ còn diễn ra chậm chạp bởi hệ thống thủ tục còn rườm rà. Mỗi khi thanh lý hay nhượng bán công ty phải lập phiếu xác định tình trạng kinh tế và tình trạng kỹ thuật cho TSCĐ. Lập tờ trình xin thanh lý gửi cho giám đốc và chỉ khi nào có quyết định cho phép công ty mới được thanh lý. Vì vậy thường mất nhiều thời gian cho công việc này và làm ảnh hưởng đến việc quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ tại công ty.

Đó là những mặt còn tồn tại trong công tác hạch toán TSCĐ tại Công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng. Việc tìm ra phương hướng giải quyết các tồn tại này sẽ giúp cho công tác hạch toán, quản lý TSCĐ tại công ty được hoàn thiện, đồng thời nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng TSCĐ của công ty.

3.2 Một số kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng:

Qua thời gian thực tập ở Công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng với đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng”, tuy thời gian tìm hiểu nghiên cứu thực tế tại công ty bản thân em còn nhiều mặt hạn chế về kiến thức lý luận, kinh nghiệm thực tế trong kế toán TSCĐ, nhưng căn cứ vào những tồn tại hiện nay của công ty, căn cứ vào chế độ kế toán TSCĐ của Nhà nước và Bộ tài chính. Em cũng mạnh dạn nói nên suy nghĩ chủ quan của mình, đề xuất đóng góp một vài ý kiến mong muốn góp phần hoàn thiện thêm công tác kế toán TSCĐ tại công ty.

3.2.1. Sử dụng phần mềm kế toán:

Hiện nay công ty đã đầu tư một số máy vi tính đưa vào sử dụng. Nhưng số máy này mới chỉ phục vụ cho công việc soạn thảo các công văn, văn bản mà chưa đưa vào sử dụng cho công tác kế toán. Vì vậy công ty nên trang bị thêm máy vi tính để phục vụ cho công tác này.

Những lợi ích của phần mềm kế toán là không thể phủ nhận. Dưới đây là các lợi ích chung của việc sử dụng phần mềm kế toán.

Nâng cao hiệu quả: Phần mềm kế toán giúp cải thiện hiệu năng làm việc của doanh nghiệp cho dù doanh nghiệp đó là nhỏ hay lớn. Ngay cả những phần mềm đơn giản nhất cũng có thể mang lại điều này.

Tiết kiệm chi phí: Một lợi ích cơ bản của một phần mềm kế toán là nó sẽ giảm thiểu chi phí của doanh nghiệp. Tiết kiệm chi phí có nghĩa là thêm thu nhập và tăng tốc độ phát triển.

Tiết kiệm thời gian: Thời gian quản lý chính là một trong những tiêu chuẩn cho phát triển của bất kỳ doanh nghiệp nào. Một tổ chức chỉ có thể phát triển nếu nó quản lý được các chức năng của mình trong thời gian quy định. Với việc sử dụng một phần mềm kế toán doanh nghiệp chúng ta có thể hoàn toàn mong đợi việc hoàn thành công việc trong thời gian đã đề ra.

Phát triển theo công ty: Hầu hết các phần mềm kế toán có khả năng phát triển theo tốc độ tăng trưởng của công ty. Với việc thay đổi về nhu cầu quản lý tài chính của công ty, bạn hoàn toàn có thể nâng cấp lên phiên bản tốt hơn hay mở rộng quy mô ứng dụng.

Tối ưu hóa quy trình : Một phần mềm kế toán sẽ giúp tối ưu hóa quy trình kinh doanh của công ty để có thể quản lý một cách đơn giản và dễ dàng hơn. Nó đơn giản hóa các giao dịch của bạn, bán hàng, tiền lương, doanh thu... Dễ dàng hơn để hội nhập và quản lý các giao dịch khác nhau.

Dễ dàng để bắt đầu làm việc: Hầu hết các phần mềm kế toán rất dễ dàng để cài đặt. Bạn không cần phải có chuyên môn sâu về kế toán và tài chính để sử dụng nó. Bạn có thể sử dụng với sự trợ giúp, đào tạo của các chuyên gia.

Cải thiện các quyết định: Phần mềm kế toán có thể giúp bạn cải thiện rất nhiều các quyết định trong doanh nghiệp. Điều này có được thông qua việc sử dụng các phần hành khách nhau của phần mềm. Nó dễ dàng chia sẻ dữ liệu cho các chương trình kinh doanh khác và thực hiện các báo cáo phục vụ cho kinh doanh.

Ngày càng đơn giản: Hơn thế nữa các phần mềm kế toán sẽ ngày càng đơn giản hơn nữa và hỗ trợ tốt hơn nữa. Phần mềm kế toán sẽ giúp bạn có một cái nhìn tổng quan về tình hình kinh doanh của bạn, kiểm soát một loạt các vấn đề khác nhau một cách dễ dàng.

Nh- vậy khi đ- a phần mềm vào sử dụng, công ty sẽ giảm tối thiểu công việc làm bằng tay, số liệu kế toán đ- ợc hạch toán kịp thời, đầy đủ và chính xác. Bên cạnh đó cũng nên đ- a thẻ TSCĐ hữu hình vào phần mềm kế toán để giảm đ- ợc công việc cho kế toán. Đồng thời có thể cơ giới hoá, hiện đại hoá, cập nhật

với nền kế toán của thế giới. Hơn nữa có thể xem chi tiết đ- ọc từng loại của tài sản mà không cần ph- ơng pháp tìm kiếm mẫu số đánh mất nhiều thời gian.

Khi lựa chọn phần mềm kế toán, công ty cần chú ý đến những vấn đề sau:

- Thống kê lại yêu cầu thông tin quản trị của doanh nghiệp, trang thiết bị, con người.

- Tham khảo một số công ty có sử dụng phần mềm trong cùng ngành.

- Quyết định lựa chọn phần mềm có sẵn hay phần mềm đặt viết theo nhu cầu công ty. Phần mềm viết theo đơn đặt hàng thì thường giá cao và mất nhiều thời gian. Đối với những công ty kinh doanh những lĩnh vực không quá đặc biệt thì nên chọn phần mềm viết sẵn để tiết kiệm chi phí và thời gian.

- Khi lựa chọn phần mềm có sẵn cần lưu ý công tác kế toán bao gồm kế toán tài chính và kế toán quản trị. Hiện nay các phần mềm kế toán đều làm phần kế toán theo chuẩn mực hiện hành, riêng phần kế toán quản trị thì mỗi phần mềm mỗi khác. Vì vậy phải tùy theo mục đích sử dụng thông tin quản trị của doanh nghiệp để lựa chọn.

- Sau khi xem xét hãy lựa chọn phần mềm đáp ứng đủ nhu cầu thông tin của doanh nghiệp. Một phần mềm nhiều tính năng quá chưa chắc đã tốt.

- Xem xét dịch vụ hỗ trợ: đào tạo hướng dẫn sử dụng, hỗ trợ trong quá trình sử dụng, bảo hành, bảo trì phần mềm...

Hiện nay, ở Việt Nam có khoảng hơn 130 nhà cung cấp phần mềm kế toán. Mỗi nhà cung cấp lại có từ một đến một vài sản phẩm phần mềm kế toán khác nhau phù hợp với nhu cầu và quy mô của mỗi tổ chức, doanh nghiệp. Một số phần mềm kế toán được sử dụng rộng rãi hiện nay là EFFECT, MISA SME.NET, FAST, SSP-accounting, Imax-accounting... Không có phần mềm nào phù hợp được với tất cả các doanh nghiệp cả. Với ngành kinh doanh dịch vụ taxi như công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng, để lựa chọn phần mềm phù hợp quy mô, lĩnh vực kinh doanh, yêu cầu thông tin quản trị của Ban Giám Đốc...thì công ty nên lựa chọn một số phần mềm kế toán như CNS và FAST. Vì các phần mềm kế toán này vừa có chức năng thực hiện các nghiệp vụ kế toán vừa có thể giúp thực hiện quản lý các nghiệp vụ mang tính chất đặc thù của ngành.

3.2.2. Chủ động tìm nguồn vốn đầu t- mới:

Hiện nay các doanh nghiệp đều gặp khó khăn trong việc huy động vốn cho đầu t- TSCĐ. Công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng cũng không tránh khỏi đ- ợc thực tế này. Từ tr- ớc tới nay các tr- ờng hợp làm tăng TSCĐ của công ty mua sắm theo nguồn vốn chủ sở hữu, thông qua lắp đặt, vay vốn của công nhân, đánh giá tăng... Công ty không áp dụng theo hình thức góp vốn tham gia liên doanh và đi thuê tài chính. Nh- ng những nguồn vốn chủ sở hữu, vay vốn của công nhân thì có hạn, vì vậy công ty nên chủ động tìm thêm các nguồn đầu t- mới để có thể linh động hơn trong công tác huy động vốn.

Mỗi khi cần tìm kiếm nguồn vốn cho các kế hoạch kinh doanh, các công ty thường nghĩ ngay đến ngân hàng, đối tác kinh doanh ... với những khoản vay dài hạn. Tuy nhiên, khoản vay này chỉ thực sự hữu ích, nếu hoạt động kinh doanh của công ty hiện đang mang lại lợi nhuận, đồng thời dựa trên cơ sở tính toán là việc hoàn trả tiền vay sẽ không “làm nghẹt thở” hoạt động kinh doanh.

Bản thân việc vay vốn không phải lúc nào cũng là thượng sách. Nếu lãi suất phải trả cao hơn tỷ suất lợi nhuận có thể thu được, thì đương nhiên các công ty sẽ không bao giờ vay vốn. Và trên thực tế, nhiều công ty cho rằng nếu không có được những dự án đầu tư mang lại lợi nhuận cao hơn mức lãi suất tiền vay, thì thà cứ cố gắng tiết kiệm tiền còn hơn là đi vay mượn thêm.

Có rất nhiều cách huy động nguồn vốn và một trong những cách mang lại hiệu quả tương đối cao là huy động nguồn vốn từ các tổ chức quốc tế. Trên thế giới có rất nhiều tổ chức tài chính chuyên về hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân, trong đó được biết đến nhiều nhất là Công ty tài chính quốc tế (IFC). IFC là một tổ chức tài chính phi chính phủ trực thuộc Ngân hàng thế giới, được thành lập với chức năng hỗ trợ tài chính cho các công ty dưới nhiều hình thức khác nhau, thông qua các dự án đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh. Hoạt động của IFC đã được thực hiện tại nhiều nơi trên thế giới, từ những nước phát triển như Mỹ, Nhật Bản đến những nước đang phát triển như Trung Quốc, Thái Lan...

Điểm đặc biệt trong hoạt động của IFC là bản thân tổ chức này không tạo ra các dự án mới, mà IFC chỉ đầu tư vào hoặc hỗ trợ cho các dự án, công ty hiện có trên thị trường. Nói một cách khác, qui mô hoạt động của IFC phụ thuộc rất nhiều vào mức độ hoạt động của bản thân các công ty. Để thực hiện chương trình tài trợ vốn, IFC sẽ xem xét, tìm kiếm các công ty hoạt động tốt trong lĩnh

vực công nghệ thông tin, tài chính, tư vấn... sau đó hỗ trợ tài chính dưới hai hình thức: một là sử dụng các ngân hàng như là khâu trung gian trong việc cung cấp tín dụng cho khu vực kinh tế tư nhân; hai là hỗ trợ kỹ thuật cho các công ty trên các mặt quản lý hoạt động tài chính, quản lý rủi ro, tăng cường vốn.... IFC hiện cũng đang xem xét việc thành lập một quỹ đầu tư hoặc trực tiếp cấp vốn cho các dự án do các công ty tư nhân thực hiện, hoặc có thể đứng ra làm trung gian kêu gọi các tổ chức tài chính khác. Với những lợi ích trên, công ty có thể liên hệ với chi nhánh IFC để tìm hiểu thêm thông tin về các chương trình tài trợ vốn đầu tư.

Một cách khác nữa là thuê tài chính. Không thể phủ nhận rằng sự có mặt của các công ty cho thuê tài chính đã “mở lối thoát” cho các công ty, trong thời điểm các công ty này đang gặp khó khăn về thủ tục thế chấp tài sản để vay vốn ở các ngân hàng. Có thể nói rằng cho thuê tài chính là một hình thức tài trợ tín dụng, thông qua việc cho thuê các loại tài sản, máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển... là nhu cầu mà các công ty, các nhà đầu tư mong muốn để đổi mới máy móc, thiết bị, hiện đại hóa công nghệ sản xuất kinh doanh.

Đặc trưng của phương thức này là đơn vị cho thuê (tức là chủ sở hữu tài sản) sẽ chuyển giao tài sản cho người thuê (tức là người sử dụng tài sản) được quyền sử dụng và hưởng dụng những lợi ích kinh tế mang lại từ các tài sản đó trong một thời gian nhất định. Người thuê có phải trả một số tiền cho chủ tài sản tương xứng với quyền sử dụng và quyền hưởng dụng. Điều này cũng cho thấy việc cấp tín dụng dưới hình thức cho thuê tài chính không đòi hỏi sự bảo đảm tài sản có trước, tạo điều kiện cho các công ty tiếp cận hình thức cấp tín dụng mới, vừa giải tỏa được áp lực về tài sản đảm bảo nếu phải vay ở ngân hàng.

3.2.3. Tăng cường công tác quản lý tài sản cố định:

Việc tăng cường công tác quản lý sử dụng, bảo dưỡng, đổi mới công nghệ TSCĐ là một yếu tố quan trọng giúp đảm bảo quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty được liên tục, năng suất lao động sẽ được nâng cao kéo theo giá thành sản phẩm giảm và như vậy tạo lợi thế về chi phí cho sản phẩm của Công ty có thể cạnh tranh trên thị trường.

Nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ, trước hết công ty cần tổ chức thực hiện việc quản lý, sử dụng và tổ chức hạch toán TSCĐ theo đúng chế độ quy

định của Nhà nước, sửa đổi những mặt hạn chế trong công tác tổ chức hạch toán kế toán nói chung và công tác hạch toán TSCĐ nói riêng.

Để tăng tránh tình trạng mất mát, hỏng TSCĐ một cách không đáng có thì ngoài việc giao trách nhiệm và quyền hạn cho các bộ phận, các cá nhân sử dụng TSCĐ, công ty cũng nên có những giải pháp khác về trách nhiệm vật chất như: Thưởng xứng đáng cho việc bảo quản, sử dụng tốt TSCĐ,... Đồng thời cũng quy định những hình phạt cụ thể (cảnh cáo, khiển trách, phạt tiền...) khi có những vi phạm về bảo quản và sử dụng TSCĐ. Khi có các phương án quản lý chặt chẽ TSCĐ, công ty sẽ có các biện pháp bảo dưỡng, duy tu, nâng cấp... một cách kịp thời, từ đó tăng hiệu quả hoạt động, độ bền cho TSCĐ.

Bên cạnh việc tổ chức tốt công tác hạch toán TSCĐ, kế toán đồng thời phải tổ chức việc phân tích tình hình sử dụng và đánh giá hiệu quả sử dụng TSCĐ để công ty có những quyết định quản lý chính xác, kịp thời nhằm mục đích đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng TSCĐ, tránh tình trạng dư thừa, lãng phí.

Công ty cần tiến hành đánh giá lại TSCĐ một cách thường xuyên và chính xác. Hiện nay do khoa học công nghệ ngày càng tiến bộ làm cho các TSCĐ không tránh khỏi sự hao mòn vô hình. Đồng thời, với một cơ chế kinh tế thị trường như hiện nay giá cả thường xuyên biến động. Điều này làm cho việc phản ánh giá trị còn lại của TSCĐ trên sổ sách kế toán bị sai lệch đi so với giá trị thực tế. Việc thường xuyên đánh giá lại TSCĐ sẽ giúp cho việc tính khấu hao chính xác, đảm bảo thu hồi vốn và bảo toàn vốn cố định, nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ hoặc có những biện pháp xử lý những TSCĐ bị mất giá nghiêm trọng, chống thất thoát vốn.

3.2.4. Hạch toán riêng chi phí lắp đặt tài sản cố định:

Khi mua TSCĐ hữu hình qua giai đoạn lắp đặt trước khi đưa vào sử dụng Công ty hạch toán chung vào giá trị tài sản mua chứ không tách riêng chi phí lắp đặt. Nếu hạch toán như vậy khi có sự kiểm tra xem xét của cấp trên rất khó biết được giá trị thực tế mua tài sản là bao nhiêu, chi phí lắp đặt tốn kém thêm là bao nhiêu. Để thuận tiện cho việc kiểm tra thì kế toán nên hạch toán riêng chi phí lắp đặt ra một bút toán riêng. Quá trình hạch toán cụ thể như sau:

- Bút toán 1: giá trị tài sản mua

Nợ TK 2411

Nợ TK 1332

Có TK 111, 112:

- Bút toán 2: chi phí lắp đặt (nếu có)

Nợ TK 2411

Nợ TK 133

Có TK 111, 112, 331:

- Bút toán 3: hoàn thành bàn giao đ- a vào sử dụng

Nợ TK 211

Có TK 2411

3.2.5. Giảm bớt thủ tục thanh lý tài sản cố định:

Việc thanh lý TSCĐ hữu hình của công ty còn diễn ra quá chậm chạp bởi hệ thống thủ tục còn r- ờm rà. Để thanh lý đ- ợc TSCĐ hữu hình thì bộ phận sử dụng phải có phiếu xác nhận về tình trạng xe, sau đó gửi lên cho ban quản lý. Ban quản lý xe xem xét rồi chuyển lên cho giám đốc. Nếu đ- ợc sự đồng ý của giám đốc thì kế toán mới đ- ợc lập biên bản thanh lý tài sản đó, xem xét số khấu hao và giá trị còn lại là bao nhiêu rồi lại gửi lên giám đốc xin chữ ký. Sau khi đầy đủ thủ tục nh- vậy thì bộ phận sử dụng mới đ- ợc tiến hành thanh lý tài sản đó. Chuyển đi chuyển lại nh- vậy th- ờng mất nhiều thời gian và làm ảnh h- ưởng đến việc nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ hữu hình tại công ty.

Vì vậy công ty nên bỏ bớt những thủ tục không cần thiết để khỏi mất nhiều thời gian. Có thể là ban quản lý đội xe trực tiếp trình lên giám đốc xem xét ký duyệt khi đã có biên bản thanh lý TSCĐ hữu hình thông qua kế toán tr- ởng. Bởi vì kế toán tr- ởng là ng- ời tính số khấu hao và giá trị còn lại của tài sản. Lúc này bộ phận sử dụng chỉ cần xin chữ ký xét duyệt là xong và có thể tiến hành thanh lý TSCĐ hữu hình đó.

Tiểu kết: Hiện nay công tác kế toán đang dần đ- ợc nâng cao và hoàn thiện ở hầu hết các doanh nghiệp. Nó phản ánh và giám đốc liên tục, toàn diện, có hệ thống tất cả các loại tài sản, nguồn vốn, cũng nh- các hoạt động kinh tế trong công ty. Hơn nữa các thông tin của kế toán có vai trò rất quan trọng đối với việc

ra quyết định của người quản lý và tổ chức tốt công tác kế toán sẽ góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.

Những khó khăn hạn chế của công ty không phải không thể không khắc phục được. Mặc dù còn nhiều thiếu sót do thiếu kinh nghiệm, nhưng với những giải pháp nêu trên, em hy vọng sẽ đóng góp một phần nhỏ bé của mình vào việc hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định trong công ty. Em tin rằng với đội ngũ cán bộ công nhân viên năng nổ nhiệt tình chắc chắn công ty sẽ vượt qua mọi thử thách, vững vàng hơn nữa trong sản xuất kinh doanh để có được vị trí xứng đáng trong ngành dịch vụ taxi trong khu vực và trên toàn quốc.

KẾT LUẬN

Để tồn tại và phát triển bền vững trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay, các doanh nghiệp dù hoạt động trong bất kỳ ngành nghề, lĩnh vực nào cũng phải cố gắng phát huy mọi nguồn lực nhằm nâng cao hiệu quả SXKD của doanh nghiệp mình. Trong đó có sự tập trung đầu tư, đổi mới, hiện đại hoá TSCĐ. Những TSCĐ này dù trực tiếp hay gián tiếp đều có ảnh hưởng đến SXKD của doanh nghiệp. Do vậy, việc hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ luôn là nhiệm vụ cấp thiết và thường xuyên của tất cả các doanh nghiệp, Công ty Mai Linh cũng là một doanh nghiệp mà hoạt động chính là kinh doanh taxi Công ty luôn chú trọng đến việc đổi mới yếu tố công nghệ cũng như đầu tư mua sắm hiện đại hoá trang thiết bị. Nhờ vậy Công ty không những có thể đứng vững mà còn phát triển, có khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế.

Hạch toán tài sản cố định là một vấn đề khó khăn, phức tạp. Dù là công ty có quy mô lớn hay nhỏ thì hạch toán tài sản cố định vẫn luôn là vấn đề cốt lõi để nâng cao hiệu quả kinh doanh, nhất là những doanh nghiệp du lịch thì tầm quan trọng của hạch toán tài sản cố định càng rõ nét hơn.

Sau 6 tuần thực tập tại Công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng, em càng thấy được tầm quan trọng của công tác kế toán tài sản cố định đối với hoạt động kinh doanh của công ty. Công tác hạch toán tài sản cố định của công ty tuy chưa được thực hiện một cách đầy đủ nhưng nhìn chung cũng đã đem lại một số hiệu quả nhất định. Công ty cần có một cái nhìn sâu hơn về công tác hạch toán tài sản cố định để từ đó hoàn thiện hơn nữa công tác hạch toán tài sản cố định nói riêng và hạch toán kế toán nói chung.

Em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn, chỉ bảo tận tình của TS. Chúc Anh Tú, chân thành cảm ơn các cán bộ phòng kế toán của Công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng đã hết sức tận tình giúp đỡ để em có thể hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này. Mặc dù rất cố gắng song do trình độ về lý luận cũng như thực tế còn hạn chế nên bài khóa luận tốt nghiệp của em không tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được sự chỉ bảo và những ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Giáo trình kế toán tài chính

PGS.TS Nguyễn Văn Lợi – NXB Tài chính năm 2007

2. Chế độ kế toán doanh nghiệp

BTC-NXB Tài chính năm 2006

3. Các chuẩn mực kế toán và kế toán tài chính cho doanh nghiệp

TS. Võ Văn Nhị - NXB Lao động xã hội

4. 342 sơ đồ kế toán doanh nghiệp

TS. Hà Thị Ngọc Hà – NXB Lao động xã hội năm 2006

5. Giáo trình kế toán quản trị

Nguyễn Minh Phương – NXB Lao động năm 2002

6. Số liệu phòng kế toán

Công ty TNHH Mai Linh Hải Phòng

Và một số tài liệu liên quan khác.